NHỮNG CÂU CHUYỆN KỲ THÚ TRONG KINH THÁNH

SÁCH MỚI.NET - THƯ VIỆN EBOOK MIỄN PHÍ

Thông tin ebook

Tên sách: Những câu chuyện kỳ thú trong kinh thánh
Dịch giả: Nguyễn Nguyên
Tác giả: Logan Marshell
Thể loại: Fairy
NXB: Văn hóa Thông tin - 2011
Số hóa: Hoàng Nghĩa Hạnh
Thư viện Ebook www.SachMoi.Net

ADAM VÀ EVA

Tên người đàn ông đầu tiên là Adam và vợ của ông ta là Eva. Họ sống trong một khu vườn xinh đẹp cách xa các phương Đông và được gọi là Địa Đàng. Vườn Địa Đàng là một vùng đất có loài cây quí hiếm và nhiều hoa thơm cỏ lạ. Nhưng không lâu sau, họ đã không vâng lệnh Chúa, họ bị dụ dỗ bởi một vị quỷ thần nên đã ăn phải trái cấm trong vườn Địa Đàng. Thế là họ phải rời bỏ căn nhà xinh đẹp để ra đi.

Thế rồi hai vợ chồng Adam và Eva phải rời khỏi vườn Địa Đàng và trở về nhân gian sinh sống và làm việc. Hai người họ sống với nhau một thời gian thì Chúa Trời ban cho họ những đứa con. Đứa trẻ đầu tiên ra đời được mẹ Eva đã đặt tên là Cain, ít lâu sau lại một đứa bé nữa ra đời và được mẹ đặt tên là Abel.

Những đứa con của Adam và Eva lớn lên, đã nối nghiệp cha mẹ để làm những công việc mà trước đây cha mẹ mình đã làm. Cain, người anh lớn chọn công việc đồng áng và trồng trọt những loại cây ăn quả. Abel, người em nhỏ làm công việc nhồi lông cừu và trở thành người chăn cừu.

Lúc Adam và Eva còn sống trong vườn Địa Đàng, họ có thể nói chuyện với Chúa Trời cũng như nghe những lời Chúa Trời dạy bảo. Nhưng giờ đây họ đã trở về với nhân gian, họ không còn được nghe những lời của Chúa Trời như trước đây nữa. Vì vậy, cách đến với Chúa duy nhất là họ xếp những viên đá thành một bệ thờ và đặt bàn thờ Chúa lên đó, đặt lên những phẩm vật để cúng tế và đốt đi với mong muốn gửi vào đó những nỗi niềm riêng của mình và mong muốn đức Chúa sẽ nghe thấy, nhưng rồi đức Chúa cũng không nghe thấy. Sau đó, mỗi lần cúng tế Chúa Trời họ đều cầu nguyện và xưng tội với Chúa, họ nói lên tất cả những lỗi lầm của mình và cầu mong đức Chúa ban phúc lành cho họ.

Trong hai anh em Cain và Abel, mỗi người có mỗi cách phụng sự Chúa Trời riêng. Cain thì dâng Chúa Trời hoa quả và hạt giống, Abel thì nướng một chú lừa do chính mình nuôi lớn để cúng đức Chúa Trời. Không biết vì lý do gì mà Chúa Trời hài lòng với sự dâng cúng của Abel và không hài lòng với sự dâng cúng của Cain. Có lẽ đức Chúa mong muốn Cain dâng lên ngài những đồ vật có sự sống như Abel đã làm và cũng có lẽ Cain đã không dâng cúng đức Chúa Trời bằng tất cả lòng thành của mình.

Đức Chúa thể hiện rằng mình không hài lòng với Cain và Cain lẽ ra phải biết hối lỗi và xưng tội trước Chúa để cầu mong tha thứ, nhưng cậu ta đã rất giận dữ Chúa và cũng nổi giận với cả Abel. Khi họ cùng nhau ra đồng để làm việc, Cain đã đánh đập

người em của mình là Abel và giết anh ta. Thế là đứa trẻ đầu tiên xuất hiện trong nhân gian đã trở thành kẻ sát nhân giết hại em trai của mình.

Và đức Chúa đã bảo với Cain, "Đây là Abel, người em của ngươi!".

Cain đã trả lời đức Chúa, "Con không biết tại sao con phải nhận đó là em trai của con?"

Thế là đức Chúa hỏi Cain, "Điều gì khiến con làm như thế? Dòng máu của em trai con nhưng một tiếng khóc kêu cứu phát ra từ mặt đất. Con có thấy mặt đất mở ra như một chiếc mồm rộng lớn để uống máu của em trai con không? Chừng nào con còn sống, con sẽ phải sống dưới lời nguyền của Chúa đối với kẻ sát nhân đã giết hại em mình như con. Con sẽ phải đi lang thang khắp đất trời và không bao giờ tìm thấy nhà cửa, bởi vì con đã làm một việc xấu xa.

Cain nói với Chúa, "Sự trừng phạt đối với con sẽ nặng hơn bất kỳ hình phạt nào khác. Ngài hãy đuổi con ra khỏi cộng đồng và giấu con đi, nếu không bất kỳ người nào nhìn thấy họ cũng sẽ giết con, bởi vì con đơn độc chỉ có một mình và sẽ không có bất kỳ người bạn nào cả". Sau đó, đức Chúa bảo với Cain, "Nếu ai làm hại Cain, người ấy sẽ bị trừng phạt vì hành động đó". Và đức Chúa khắc dấu vào người của Cain vì vậy mà ai cũng biết cậu ta và đồng thời cũng biết rằng đức Chúa cấm không cho ai làm hại đến cậu ấy. Thế rồi Cain và vợ của mình trở lại ngôi nhà của Adam để sinh sống ở phần đất của mình, vợ chồng họ sinh con đẻ cái và xây dựng một thành phố trên mảnh đất này; Cain đặt tên cho thành phố sau khi sinh đứa con đầu lòng, anh ta gọi nó là Enoch.

NOAH VÀ CON THUYỀN LỚN

Sau khi Abel bị giết và người anh trai là Cain đi đến vùng đất khác, đức Chúa Trời lại ban tặng cho Adam và Eva một đứa bé khác. Đứa trẻ này có tên là Seth; sau đó Chúa lại ban cho họ nhiều con trai và con gái. Vợ chồng Adam và Eva sống được nhiều năm nhưng cuối cùng họ đã chết như lời Chúa phán bảo họ phải chết, bởi vì họ đã ăn trái cấm.

Lúc Adam chết, trên quả đất đã có nhiều người sinh sống, con cái của Adam và Eva lại sinh con đẻ cái, rồi bọn trẻ này lớn lên lại tiếp tục sinh con đẻ cái. Nam nữ, già trẻ, lớn bé đã lên đến hàng chục người. Họ đều có bò, cừu và thú nuôi, rồi họ đi hết từ nơi này sang nơi khác và họ đã tìm ra những đồng cỏ. Bọn trẻ suốt ngày chơi đùa xung quanh các căn lều và đốt lửa trại mỗi khi trời tối, rồi cùng nhau hát lên những bài ca, những người lớn tuổi thì ngồi kể chuyện. Sau một thời gian, vùng đất mà con trai Adam sinh sống đã trở nên trù phú, đông đúc.

Đáng buồn thay, khi ngày càng đông người và lòng người cũng mỗi ngày thêm xấu xa, càng ngày càng ít những người đàn ông và phụ nữ tốt. Tất cả mọi người sống gần nhau và họ ít đi tìm kiếm những vùng đất mới; vì thế nên bọn trẻ học lẫn nhau những thói hư tật xấu và cứ như vậy dần dần chẳng phân biệt được cái gì đúng và tốt nữa.

Và đúng như điều mà Chúa Trời đã nhận định, ngài đã biết được vì sao con người đã trở nên xấu xa và suy nghĩ cũng như hành động của con người lại độc ác đến vậy.

Tuy nhiên, bên cạnh phần lớn những con người độc ác đó, cũng có những con người lương thiện, nhưng họ chỉ là số ít. Người tốt nhất lúc bấy giờ là người đàn ông có tên là Enoch. Anh ta không phải và con trai của Cain mà là một Enoch khác, anh ta đến từ gia đình của Seth - con trai Adam, anh ta được sinh ra sau cái chết của Abel. Trong khi mọi người xung quanh Enoch đều làm những điều ác, thì người đàn ông này chỉ làm những điều thiện. Anh ta cùng với Chúa Trời du hành và chuyện trò thân mật. Nhưng cuối cùng, Enoch cũng trở nên già đi và mệt mỏi với cuộc sống, Chúa đã mang anh ta từ Trái đất bay đến Thiên đàng. Anh ta đã không chết, trong khi tất cả mọi người kể từ thời Adam không tuân theo lệnh Chúa thì anh ta lại không như thế, anh ta đã để Chúa mang anh ta về trời. Điều này muốn nói lên rằng Enoch đã được đưa lên trời và anh ta sống mãi.

Tất cả mọi người vào thời Enoch không phải đi chăn cừu. Một vài người trong số họ học cách làm thế nào để chế tạo ra nhiều cung tên, cày và rìu, ít lâu sau họ biết làm tan chảy sắt để làm thành những con dao, kiếm và bát đĩa sử dụng trong gia đình. Họ gieo những hạt thóc giống trên đồng và thu hoạch mùa màng, họ trồng nhiều nho và cây ăn quả. Nhưng rồi đức Chúa Trời đã nhìn xuống trái đất và nói:

“Ta sẽ mang đi tất cả những thành quả mà các ngươi làm ra; bởi vì loài người trên thế giới này rất ác độc!”.
Thế rồi đức Chúa Trời đã nhìn thấy một người đàn ông lương thiện trong thời gian tồi tệ này. Người ấy là Noah, trong tầm ngắm của Chúa Trời, Noah đã cố gắng làm mọi điều tốt như du hành cùng đức Chúa, nói chuyện với Chúa. Noah có ba người con trai, tên của chúng là Shem, Ham và Japheth.
Đức Chúa nói với Noah, “Thời gian tới, khi tất cả đàn ông và phụ nữ trên trái đất này bị tiêu diệt. Mọi người phải chết bởi vì họ là những kẻ xấu xa. Nhưng con và gia đình của con sẽ được cứu rỗi, vì chỉ mình con biết cố gắng làm những điều đúng đắn lương thiện”.
Sau đó đức Chúa đã chỉ cho Noah cách cứu rỗi cuộc đời của chính mình và những đứa con trai. Ông ta đã làm một chiếc thuyền lớn, lớn bằng những chiếc thuyền lớn nhất trong thời đại của chúng ta. Thuyền rất dài, rất rộng và rất cao, mỗi một vòm mái của nó dài và rộng bằng cả ngôi nhà ba tầng, nó có thể nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Mỗi một con thuyền như vậy gọi là “một Ark”[1]. Đức Chúa bảo Noah chế tạo con thuyền lớn này và chuẩn bị sẵn sàng phòng khi cần dùng đến nó.
Vì Noah, đức Chúa đã nói, “Ta sắp mang một trận đại hồng thuỷ đến trái đất này, nước lũ sẽ ngập hết tất cả đất đai và dìm chết tất cả loài người. Và tất cả thú vật sẽ bị chết đuối cùng với con người. Con phải làm một con thuyền đủ lớn để mang những đôi thú vật, mỗi loài mỗi đôi mà con người sẽ phải cần đến như cừu, dê và những loài vật có sừng, như vậy sẽ có những loài thú vật cũng như con người tốt tồn tại và sống trên trái đất sau khi nạn đại hồng thuỷ qua đi. Con cũng phải mang thức ăn lên thuyền đủ để nuôi sống con và gia đình của con, cũng như các loài vật; thức ăn phải đủ trong vòng một năm vì trận lũ này sẽ kéo dài đúng một năm.
Noah đã làm tất cả những việc mà Chúa Trời căn dặn, mặc dầu những người xung quanh xem đó như là những việc kỳ quái, vì làm chiếc thuyền lớn như thế ở đây làm gì có nước để căng buồm. Thời gian trôi qua, Noah và con trai của mình ngày đêm hì hục làm thuyền, trong khi những người xấu xa xung quanh vô cùng ngạc nhiên và rất có thể họ đã cười chế nhạo việc Noah làm thuyền lớn ở nơi không có biển.
Cuối cùng, chiếc thuyền lớn đã hoàn thành và trông như một ngôi nhà khổng lồ, sừng sững trên nền đất. Có một cánh cửa lớn bên hông thuyền và một cửa sổ trên mái để lấy ánh sáng mặt trời. Thế rồi đức chúa bảo với Noah:
“Hãy lên thuyền mau đi, con và vợ của con, cả các con của con nữa, tất cả hãy lên thuyền đi, nước lũ sắp ập đến rồi đấy. Con hãy mang theo những loài vật, chim muông và bò sát nữa; những loài vật này sẽ rất cần thiết cho loài người, chúng sẽ được sống trên trái đất và tiếp tục sinh sôi nảy nở”.
Như vậy, vợ chồng Noah với ba người con của họ là Shem, Ham và Japheth cùng ba nàng dâu lên thuyền. Chúa cũng đã mang những loài thú vật, chim muông và những

loài bò sát đưa chúng đến và cho lên thuyền. Noah và con trai nhốt những con vật vào đúng vị trí, mang thức ăn cho chúng. Sau đó, họ đóng cánh cửa thuyền lớn lại, không còn người nào và thú vật nào lên thuyền được nữa.

Ít ngày sau, mưa bắt đầu đổ xuống, những cơn mưa lớn mà trước đây chưa bao giờ có. Dường như cánh cửa trời đã được mở để dội xuống trần gian những dòng nước cuồn cuộn. Những con suối đầy nước, những động sông nước dâng mỗi lúc mỗi cao, chiếc thuyền lớn của Noah bắt đầu nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Mọi người rời bỏ nhà cửa để chạy lên đồi cao; nhưng không lâu những ngọn đồi cũng bị ngập nước, tất cả mọi người trên đồi đều bị chết đuối.

Một vài người leo lên những ngọn núi cao hơn để lánh nạn, nhưng nước dâng lên cao và cao mãi đến lúc ngay cả những ngọn núi cao chót vót cũng bị nhấn chìm và tất cả những kẻ xấu xa đều cùng chung số phận, đều bị chết đuối trong biển nước mênh mông. Dòng nước lăn mình đến khắp nơi trên trái đất, chảy khắp những nơi có loài người sinh sống. Tất cả động vật, thú vật thuần hoá, vật nuôi, cừu, bò. .. đều bị chết đuối; các loài động vật hoang dã, sư tử, hổ báo và các loài khác cũng đều bị chết đuối. Ngay cả loài chim cũng không thể sống sót, tổ của chúng cũng bị nước cuốn trôi, chúng đã không còn nơi nào để bay trong cơn bão tố khủng khiếp. Qua bốn mươi ngày đêm, cơn mưa vẫn còn kéo dài, mãi cho đến khi không còn sự sống nào nữa, ngoại trừ những loài còn sót lại trên chiếc thuyền lớn của Noah.

Sau bốn mươi ngày thì cơn mưa bắt đầu tạnh, nhưng nước lũ vẫn bao phủ trái đất suốt hơn sáu tháng trời, chiếc thuyền Ark đã trôi qua biển và dạt vào một vùng đất liền. Thế rồi đức Chúa đã cho thổi một cơn gió lên mặt nước, làm cho nước bị bốc hơi; vì thế mà mực nước ngày càng hạ xuống. Ngọn núi đầu tiên nhô lên khỏi mặt nước, rồi đến những ngọn đồi và cuối cùng con thuyền lớn của Noah cũng ngừng trôi và nằm lại trên một ngọn núi, tên của ngọn núi này là Mount Ararat.

Thế nhưng Noah vẫn không hay biết điều gì đã xảy ra trên trái đất, bởi vì cánh cửa thuyền đã đóng kín. Sau một thời gian chờ đợi, Noah đã mở cửa sổ và thả những con quạ ra bên ngoài. Những con quạ bây giờ đã có đôi cánh khoẻ mạnh; chúng bay lượn quanh bầu trời cho đến lúc nước lũ rút xuống, không có thể tìm thấy nơi đậu và không còn bay trở lại thuyền nữa.

Thế rồi Noah cũng thả cả những con bồ câu; nhưng những con chim bồ câu thì không tìm thấy nơi nào để đậu cả, thế là chúng bay trở lại thuyền, Noah đã bắt chúng trở lại. Đợi thêm một tuần, Noah lại thả những con chim bồ câu một lần nữa. Và vào một buổi tối, những chú chim bồ câu bay trở lại con thuyền và mang trên mỏ những chiếc lá xanh mà chúng cắp được từ những cây Ôliu.

Cũng nhờ đó mà Noah biết nước lũ đã rút và cây cối đã mọc trở lại. Anh đợi thêm một tuần nữa và lại thả những chú chim bồ câu ra khỏi thuyền; nhưng lần này những con chim bay đi đã không bao giờ còn quay trở lại. Noah biết rằng, quả đất đã khô ráo trở

lại. Thế là anh ta dỡ bỏ một phần mái nhà và nhìn ra ngoài, anh ta thấy những ngọn đồi khô ráo xung quanh con thuyền và nước lũ không còn phủ khắp mọi nơi nữa.
Đến lúc này, Noah sống trên thuyền đã hơn một năm, anh ta vô cùng vui mừng khi được nhìn thấy những đồng cỏ và cây cối xanh tươi. Và đức Chúa nói với Noah:
"Hãy ra khỏi thuyền, cùng với vợ con, những nàng dâu và tất cả loài vật còn sống trên chiếc thuyền này!"
Thế là Noah mở cửa, cùng với gia đình bước ra khỏi thuyền, lại một lần nữa đặt chân lên mặt đất. Các loài thú vật, chim muông, các loài bò sát trên thuyền đều ra khỏi thuyền và tất cả lại bắt đầu mang đến sự sống trên trái đất.
Việc đầu tiên Noah làm khi rời khỏi con thuyền là đến tạ ơn đức Chúa đã ban sự sống cho gia đình mình trong khi mọi loài trên trái đất đã bị diệt vong. Anh ta lại thiết lập bàn thờ và phẩm vật dâng cúng đức Chúa và cùng với gia đình mình thề trước Chúa những việc sẽ làm sau này.
Đức Chúa vui vẻ nhận sự dâng cúng của Noah và dạy rằng:
"Ta sẽ không huỷ diệt lại trái đất và con người nữa, không còn điều gì xấu xảy đến với họ. Từ nay về sau không còn nạn lụt nào ngập chìm quả đất; nhưng các mùa xuân, hạ, thu, đông sẽ không thay đổi. Ta tặng cho con Trái đất; con sẽ là người thống trị Trái đất và toàn bộ sinh vật trên trái đất này".
Thế rồi đức Chúa tạo ra một chiếc cầu vồng bắc qua bầu trời, rồi Người nói với Noah và con trai Noah rằng: chừng nào họ và con cái của họ sau này còn thấy chiếc cầu vồng thì còn nhớ đến đức Chúa và chiếc cầu vồng bắc ngang bầu trời, xuyên qua những đám mây là biểu tượng của lời hứa rằng Chúa luôn tưởng nhớ đến Trái đất và muôn loài đó và Ngài không bao giờ gieo nạn đại hồng thuỷ, huỷ diệt con người trên trái đất nữa. Cho nên mỗi lần chúng ta nhìn thấy chiếc cầu vồng xinh xắn, chúng ta lại tưởng nhớ đến lời hứa của Chúa với thế gian này.

[1] Ark: thuyền lớn

HAGAR VÀ ISHMAEL

Sau trận Đại hồng thuỷ, đại gia đình nhà Noah mỗi ngày mỗi đông đúc và chỉ ít năm sau đó, quả đất một lần nữa lại đầy người. Nhưng so sánh trước và sau nạn Đại hồng thuỷ, họ đã có sự khác biệt lớn trong đời sống của mình. Trước nạn Đại hồng thuỷ phần hớn họ ăn ở cùng nhau vì thế mà có rất nhiều người sinh sống trên cùng một mảnh đất và không có vùng đất nào khác nữa. Nhưng sau đại nạn hồng thuỷ, các gia đình bắt đầu di cư để tìm kiếm nơi ở mới cho riêng mình. Người thì đến vùng này, kẻ thì sang vùng khác, vì vậy dân số lại lớn lên thêm, họ đã sống khắp nhiều nơi trên trái đất như thời kỳ trước khi xảy ra nạn Đại nạn hồng thuỷ.

Một phần dân cư đến phương Bắc và dựng nên thành phố gọi là Nineveh, rồi họ đã trở thành chủ nhân cai trị thành phố trên vùng đất rộng lớn gọi là Assyria, người dân bản xứ gọi là Assysians.

Những đoàn người khác thì đi về phía Tây và định cư tại lưu vực sông Nin, thế rồi họ đã tìm ra vùng đất Ai Cập, vùng đất của những Thánh Đường, kim tự tháp hùng vĩ, tượng đài Zphanh và các công trình kỷ niệm.

Những đoàn người khác thì lang thang đến vùng tây bắc cho đến khi bắt gặp những bờ biển dài và họ gọi đó là biển Mediterranean[1]. Ở đó họ đã tìm thấy những thành phố như Sidon và Tyre. Phần lớn người dân sống ở đây là thuỷ thủ, họ dong buồm đến những nước xa xôi, sau đó mang về xứ sở của mình những thứ họ tìm ra từ những vùng đất khác rồi trao đổi, buôn bán với người dân Babylon, Assyria, Ai Cập và những quốc gia khác.

Trong số những thành phố họ lập nên có hai thành phố tên là Sodom và Gomorrah. Người dân trong hai thành phố này rất xấu xa độc ác, họ huỷ diệt mọi thứ xung quanh họ. Rất may đã có một người tất tên là Lot và gia đình đã trốn thoát. Một người tốt khác tên là Abraham đã không sống trong hai thành phố này. Ông ta đã cố gắng cầu xin Chúa Trời ban cho một cậu con trai để mang lại niềm vui cho gia đình mình.

Sau khi hai thành phố Sodom và Gomorrah bị huỷ điệu, Abraham đã chuyển lều trại của mình đi về phía Tây Nam, đến một nơi khác gần vùng đất được gọi là Gerar, không xa lắm so với biển lớn. Và cuối cùng, trên vùng đất này, Abraham và vợ mình là Sarah được Chúa ban cho hạnh phúc, hai vợ chồng sinh hạ một người con mặc dù khi đó Abraham tuổi cũng đã già.

Họ đặt tên cho cậu bé là Isaac như lời thiên thần mách bảo. Vợ chồng Abraham và Sarah đã sống rất hạnh phúc với đứa con bé bỏng của mình, sau đó họ đã tổ chức một buổi yến tiệc linh đình để mời mọi người đến chung vui, ai nấy đến đây đều không ngớt lời ca tụng chúc mừng Isaac.

Lúc bấy giờ Sarah có một người hầu gái tên là Hagar, một phụ nữ người Ai Cập, cô ta đã bỏ nhà ra đi và gặp một thiên thần bên giếng, không hiểu sao sau đó người hầu gái lại quay trở về với Sarah. Cô ta cũng có một đứa con và cô ta đặt tên cho đứa con của mình là Ishmael. Thế là căn lều của Abraham đã có hai đứa trẻ, đứa lớn là Ishmael con trai của Hagar, đứa nhỏ là Isaac, con trai của Abraham và Sarah.

Ishmael có một chút gì đó không thích Isaac, điều này đã làm mẹ Sarah rất tức giận, cô ta bảo với chồng mình:

"Em không muốn có đứa nhỏ Ishmael lớn lên cùng với con trai mình. Hãy đuổi hai mẹ con Hagar đi khỏi nhà, kẻo họ gây rắc rối cho em".

Abraham rất lấy làm tiếc trước sự bất hoà giữa Sarah và Hagar cũng như giữa Isaac và Ishmael; về phần Abraham, anh là người đàn ông tốt nên đã tìm mọi cách hoà giải khúc mắc giữa họ.

Nhưng rồi đức Chúa đã bảo Abraham, "Đừng lo lắng về Ishmael và mẹ của cậu ấy". Hãy làm như lời của Sarah đã bảo với con, hãy đuổi họ ra khỏi nhà. Tốt nhất nên để Isaac một mình rời khỏi nhà và cho cậu ta mọi thứ của con. Ta sẽ quan tâm đến Ishmael và cho cậu ấy nhiều con cháu để nối dõi.

Thế rồi vào một buổi sáng, Abraham đã đuổi Hagar và con trai cô ấy đi, với mong muốn họ sẽ quay trở lại vùng đất Ai Cập, nơi họ đã ra đi. Abraham cho họ một số thực phẩm và một chai nước để sử dụng cho cuộc hành trình. Chai nước vào thời ấy khác với chai nước thời đại chúng ta, chai nước thời chúng ta được làm bằng thuỷ tinh, còn chai nước thời đó được làm bằng da dê, Abraham đã đổ đầy một chai nước như vậy để cho Hagar mang theo.

Hagar rời khỏi căn lều Abraham, dẫn theo đứa bé không biết sao họ lại đi lạc vào vùng sa mạc, cô ta không biết đây là đâu, đến lúc chai nước cô ta mang theo cũng đã uống cạn; đứa trẻ tội nghiệp phải chịu ánh nắng gay gắt của mặt trời và sự nung đốt của bãi cát trên sa mạc mà chẳng có tí nước nào để uống. Cô ta nghĩ rằng mình sẽ chết vì quá khát; cô ta đặt con trai mình vào trong bụi cây, một mình ra đi và tự nhủ:

"Mình không thể chịu được khi nhìn đứa con tội nghiệp của mình chết vì khát nước".

Nghĩ như thế một lúc, Hagar bật khóc rồi cô ta nghe thấy tiếng kêu khát nước của con mình, thế rồi cô ta nghe một giọng nói từ đâu vọng lại:

"Này Hagar, điều gì khiến bạn băn khoăn lo nghĩ? Đừng lo sợ! Đức Chúa Trời sẽ nghe thấy tiếng khóc của con và con trai con. Đức Chúa sẽ quan tâm chăm sóc cho hai người, sẽ khiến con trai của con sinh sôi, phát triển thành một dân tộc lớn.

Ấy là giọng nói của một thiên sứ và thế là Hagar nhìn thấy gần ngay ở đó một dòng suối nước mát xuất hiện trong sa mạc. Hagar vui mừng khôn xiết, vội vã đổ đầy một chai nước và mang đến cho đứa con của mình đang nằm dưới bụi rậm.

Sau này Hagar đã không trở lại Ai Cập. Cô ấy tìm ra một nơi để sinh sống và nuôi dưỡng, dạy dỗ con trai mình ở một nơi hoang dã, cách xa con người. Ishmael lớn lên

ở sa mạc, đã học được cách sử dụng cung tên. Anh ta trở thành một người đàn ông hoang dã và con cái của anh ta sau này lớn lên cũng trở thành những người hoang dã. Họ là những người Arabian[2] của vùng đất sa mạc, ngay cả đến ngày nay cũng không có ai cai trị ngoài người Ả Rập, họ lang thang khắp sa mạc và sống rất yên vui. Thế rồi, Ishmael trở thành cha, ông của nhiều thế hệ con cháu, những người sống hoang dã trên sa mạc, họ đã sống trên vùng đất này mãi cho đến ngày nay.

[1] Mediterranean: Một vùng thuộc Địa Trung Hải
[2] Arabian: Người Ả Rập

ABRAHAM VÀ ISAAC

Bạn phải nhớ rằng, tại thời điểm mà chúng ta đang nói đến, khi đó con người thờ phụng đức Chúa bằng cách thiết lập các bàn thờ bằng đất đá và đặt lên đó những cúng phẩm để dâng lên đức Chúa. Cúng phẩm thời đó thường là thịt các loài vật như cừu, dê, bê hoặc các loài khác dùng để làm thức ăn. Những thứ thức ăn dùng để cúng vào thời đó được gọi là "vật tế thần".

Nhưng thực tế sự thờ phụng các vị thần thời bấy giờ là rất kỳ quái và khủng khiếp. Họ nghe rằng họ sẽ làm vui lòng Chúa Trời nếu mang nhiều "vật tế thần" quí báu và tươi sống để dâng lên Chúa Trời; họ còn mang những đứa trẻ nhỏ ra trước bàn thờ để giết chúng và dâng cúng thần cây, thần đá, những vị thần vốn không có thật mà chỉ có trong tưởng tượng.

Đức Chúa Trời mong muốn nói cho Abraham và con cháu anh ta biết rằng việc giết người để cúng tế là hành động man rợ, việc đó không mang lại niềm vui cho cuộc sống của họ. Đức Chúa đã mang những lời này dạy bảo Abraham, vì thế mà anh ta và con cái của anh ta sau này không bao giờ quên được. Cũng lúc đó Chúa Trời mới biết được tại sao Abraham trung thành và biết vâng lời; biết tại sao Abraham tin nhiệm tuyệt đối ở Chúa, hoặc, chúng ta có thể nói, vĩ đại làm sao đức tin của Abraham với Chúa.

Thế là Chúa Trời ra lệnh cho Abraham, nhưng Chúa cũng không dự định là Abraham sẽ vâng lời. Chúa bảo:

"Bây giờ con hãy mang Isaac đi, đứa con trai mà con yêu quí nhất đi đến vùng đất Moriah, ta sẽ chỉ cho con một đỉnh núi, con hãy đặt Isaac ở đó và thiêu cháy Isaac để dâng cúng cho ta".

Mặc dầu mệnh lệnh này khiến con tim của Abraham vô cùng đau đớn, tuy vậy Abraham đã không tỏ vẻ ngạc nhiên như những người cha trong thời đại chúng ta khi nhận mệnh lệnh này; vì việc làm đó là rất bình thường đối với những người sống trong vùng đất của Abraham vào thời đó. Abraham chưa một khoảnh khắc nghi ngờ về lời của Chúa. Ông ta biết rằng Isaac là đứa trẻ mà Chúa đã hứa khả và giờ đây Chúa cũng hứa hẹn mang đến cho Isaac những đứa con và người sẽ mang chúng đến một đất nước lớn. Anh ta không biết tại sao Chúa lại giữ lời hứa với Isaac nếu Isaac bị giết để làm cúng phẩm; trừ phi Ngài cứu Isaac lên từ cõi chết.

Nhưng rồi Abraham đã lập tức tuân lời Chúa, mang theo hai người đàn ông trẻ tuổi cùng đi và một con lừa chất đầy củi đốt; ông ta đi về phía bắc ngọn núi cùng với con trai ông ta là Isaac. Sau hai ngày đi bộ, họ đã ngủ lại dưới một gốc cây của một vùng quê vắng vẻ. Đi hết ba ngày đường, họ trông thấy một ngọn núi xa xa. Họ đến gần ngọn núi và Abraham nói với những người trẻ tuổi:

"Ở lại đây với con lừa, đợi tôi và Isaac đến bên kia núi cúng tế, khi cúng xong chúng tôi sẽ trở lại". Vì Abraham tin rằng bằng cách nào đó đức Chúa sẽ mang Isaac trở về với cuộc sống. Ông ta lấy củi chất trên lưng con lừa bảo Isaac mang đi, họ đi bộ cùng nhau lên núi. Đang đi, Isaac nói:

"Cha! Củi có đây nhưng làm gì có thịt cừu để nướng mà dâng cúng?".

Abraham nói: "Này con trai, đức Chúa sẽ cho con thịt cừu".

Họ đến một nơi xa mãi trên đỉnh núi, ở đó Abraham đã chất đất đá để lập một bàn thờ; Ông ta đặt củi đốt lên đó. Thế rồi ông ta trói hai tay và hai chân Isaac lại, đặt Isaac lên đống củi trên bàn thờ. Ông ta cầm con dao dơ lên và giết chết con trai mình. Trong một khoảnh khắc Isaac đã bị giết bởi bàn tay của cha mình.

Chỉ một lát sau, một thiên thần của Chúa từ Thiên Đường lên tiếng gọi Abraham và nói: "Abraham! Abraham!".

Abraham trả lời "Dạ con đây, thưa ngài!". Thế rồi thiên sứ nói:

Đừng đặt bàn tay con lên thân thể con trai con, như thế sẽ làm hại cậu ấy. Bây giờ ta đã biết rằng con yêu Chúa Trời hơn cả người con trai mà con đã sinh ra, con đã biết vâng lời Chúa, từ nay duy nhất người con trai của con sẽ được đến với Chúa.

Những lời nói từ vị thiên sứ này thực sự đã làm vơi đi niềm đau trong trái tim Abraham. Ông ta vui vì biết rằng không phải đức Chúa muốn giết con trai ông ta! Abraham nhìn quanh và thấy trong bụi rậm một con cừu đực xuất hiện, nó đang bị mắc kẹt bằng chính những chiếc sừng của nó. Abraham bắt con cừu và đặt lên giá để nướng tại vị trí mà ông ta định thiêu con trai mình trước đây. Quả thực những lời nói của Abraham đã đúng khi nói với con trai ông ta rằng Chúa sẽ ban cho thịt cừu.

Nơi đặt bàn thờ này được Abraham đặt tên là Jehovah-Jireh, nói theo cách giải thích của Abraham là "Đức Chúa ban cho".

Sự dâng cúng này quả thật là kỳ quái, nhưng cũng không phải là không có ích. Điều

đó chứng tỏ Abraham, Isaac đều phụ thuộc Chúa, nhờ Chúa mà họ được dâng tặng; Isaac cũng như tất cả đều từ người mà có, con cái, cháu chắt đều được người ban cho. Sau đó Abraham cũng hiểu được rằng; về sau đức Chúa không muốn những đứa trẻ hay bất kỳ người nào bị giết để dâng cúng và giòng tộc Do thái sau này của Abraham và Isaac sau này không bao giờ được dùng cúng phẩm là con người mà phải thay vào đó là bò, cừu và các loài động vật khác.

Những cúng phẩm thường mang nhiều công sức khó nhọc, nhưng bù lại họ được nhận niềm vui từ Chúa, bởi vì hạnh phúc đã nhanh chóng đến với họ. Họ đã hân hoan đón nhận những lời dạy của Chúa, rằng phải biết yêu thương sinh mệnh, sinh mệnh là món quà quí giá nhất của tình yêu và cuộc sống.

CHUYỆN VỀ JACOB

Sau khi Abraham chết, con trai ông ta và Isaac đến sống ở vùng đất Canaan. Cũng như cha mình, Isaac làm một căn lều để gia đình sinh sống và có hàng chục người xung quanh ông ta. Họ nuôi những đàn cừu và vật nuôi để lấy thức ăn, họ cũng phải tìm những đồng cỏ và nước uống.

Isaac và vợ mình là nàng Rebekah sinh được hai người con, đứa lớn tên là Esau và đứa nhỏ tên Jacob.

Esau là một người thợ đốn củi và yêu thích công việc săn bắn; và một người đàn ông râu tóc rậm rạp.

Jacob là người trầm tư, thường ở nhà và ngụ tại căn lều để trông nom bầy thú cho cha mình.

Isaac yêu thương Esau hơn Jacob, bởi vì Esau thường mang những thú vật mà mình săn bắn được cho cha; trái lại vợ Isaac là Rebekah lại thích Jacob, bởi vì cô ta thấy Jacob là người khôn ngoan và cẩn thận trong công việc.

Những người sinh sống trên vùng đất này, mỗi khi có người chết thì con trai lớn sẽ được chia của cải cha mẹ để lại nhiều gấp đôi những người còn lại. Điều này gọi là "quyền thừa kế" mà người con cả trong gia đình được hưởng. Vì vậy mà Esau - người anh lớn đã được nhận của cải nhiều hơn em mình là Jacob. Bên cạnh đó còn có một đặc ân từ lời cầu nguyện mà Chúa đã hứa khả cho gia đình của Isaac.

BÁN QUYỀN THỪA KẾ

Bấy giờ sau khi đã trưởng thành, Esau đã không giữ quyền thừa kế. Còn Jacob, người đàn ông khôn ngoan chỉ ao ước có được quyền thừa kế giống như Esau, sau khi cha chết. Một lần, sau cuộc đi săn trên đồng cỏ, Esau trở về nhà trong trạng thái mệt mỏi và đói khát, anh ta thấy Jacob có một cái bát chứa đầy thức ăn chuẩn bị cho bữa tối. Esau liền nói:

"Hãy cho anh một vài món ăn màu đỏ. Anh đang đói lắm!".

Jacob trả lời, "Em sẽ cho anh với điều kiện anh hãy bán quyền thừa kế cho em!".

Và Esau nói, "Bây giờ quyền thừa kế còn có ý nghĩa gì đối với anh khi anh đang đối mặt với cái chết? Em sẽ có quyền thừa kế của anh nếu em cho anh cái gì đó để ăn".

Thế rồi Esau cũng đã hứa rằng anh ta sẽ trao quyền thừa kế cho Jacob. Thật là không phải khi Jacob tỏ thái độ ích kỷ như thế với anh trai của mình; nhưng càng sai trái hơn khi Esau chỉ vì một chút lợi ích nhỏ nhặt như vậy mà đã bỏ mất quyền thừa kế thiêng liêng của mình và quên đi cả lời nguyền của Chúa.

Một thời gian sau, khi Esau 40 tuổi, anh ta đã cưới hai bà vợ. Điều đó là rất không tốt đối với thời đại chúng ta và cách làm này sẽ không được tán thành dù đó là người đàn ông tốt mà có nhiều hơn một người vợ. Hai người vợ của Esau là người thuộc xứ Canaan, họ chỉ tôn thờ các thần linh mà không tin Chúa Trời. Và họ đã khuyên bảo con cái của mình cũng tôn thờ thần linh như họ; vì thế từ thời Esau trở đi, con cháu các đời sau không còn biết đến Chúa, họ đã trở nên rất độc ác, xấu xa. Điều đó đã kéo dài mãi cho đến về sau.

Isaac và Rebekah rất bấy làm tiếc khi con mình kết hôn với những người vợ chỉ biết tôn sùng thần linh mà không tin vào Chúa Trời; nhưng rồi Isaac vẫn yêu thương đứa con lanh lợi của mình là Esau hơn đứa con trầm lặng Jacob. Nhưng Rebekah vẫn yêu thương Jacob hơn.

Isaac cuối cùng rồi cũng già yếu đi và đôi mắt cũng mờ dần chẳng còn nhìn thấy gì. Một ngày ông ta nói với Esau:

"Này con trai, ta đã già rồi và không biết còn sống được bao lâu. Nhưng trước khi ta chết cha muốn nói với con vài điều, vì con là con trai lớn của cha, lời nguyền của

Chúa sẽ có trong con, con của con và cháu của con. Con hãy đi ra cánh đồng, dùng cung tên bắn thú vật để làm thức ăn và làm cho cha một món ăn mà cha thích sau này ta sẽ ăn nó, con hãy hứa với cha đi".

Bấy giờ Esau thưa với cha mình rằng phúc lành không đến với anh ta, vì anh ta đã bán điều đó cho em mình là Jacob. Nhưng rồi cậu ta cũng không nói điều đó với cha mình: Anh ta đi ra cánh đồng để săn bắn, cố tìm ra loài động vật mà thịt của nó khiến cha mình thích nhất.

Lúc đó Rebekah núp ở bên ngoài và đã nghe được mọi điều Isaac bảo với Esau. Cô ta biết rằng Jacob có phúc lành hơn Esau và cô ta đã yêu thương Jacob hơn Esau. Sau đó cô ta gọi Jacob đến và bảo cho cậu ta biết những điều Isaac đã nói với Esau, cô ta bảo:

"Con trai của mẹ, bây giờ mẹ bảo con và con sẽ được phúc lành thay cho anh trai con. Hãy đến đàn thú nuôi và mang cho em hai con dê non, mẹ sẽ nấu chúng thành những món ăn mà cha con thích như lời ông ta bảo với Esau, sau đó con hãy mang đến cho cha con, cha con sẽ nghĩ rằng đó là Esau và sẽ cho con phúc lành, mọi thứ sẽ thực sự thuộc về con".

Nhưng Jacob nói với mẹ, "Mẹ nên biết con và Esau không giống nhau. Cổ và vai của anh trai con được phủ bởi mái tóc dài, trong khi đầu của con thì không. Cha con sẽ nhận ra con và sẽ bảo con không phải là Esau; thế rồi thay vì ban phúc lành cho con thì ông ấy sẽ nguyền rủa con".

Rebekah trả lời con trai mình, "Không đâu con, con hãy làm theo lời mẹ bảo rồi mẹ sẽ chăm sóc con. Nếu ai đó hại con cưng có nghĩa là hại ta, vì thế đừng lo sợ, hãy mang đĩa thịt này đi".

Thế là Jacob mang đi một ít thịt của hai con dê non mà mẹ anh ta đã làm thành món ăn, nó sẽ có mùi vị mà Isaac rất thích. Sau đó, Rebekah tìm một bộ quần áo của Esau cho Jacob mặc và đắp lên cổ và vai Jacob một ít da thú, vì thế khi chạm vào cổ và tay của Jacob sẽ có cảm giác râu tóc rậm rạp.

Sau đó Jacob đến căn lều và mang thức ăn tối đến, anh ta cố gắng nói với cha như mẹ mình đã dặn, anh ta nói:

"Con đây thưa cha!"

Và Isaac nói, "Con là ai, con trai?"

Jacob trả lời: “Con là Esau, đứa con trai lớn của cha; con đã cố gắng làm những điều cha dặn; bây giờ cha hãy ngồi dậy và ăn tối với những món ăn mà con đã làm đây, sau đó cha ban phúc lành cho con như cha đã hứa”.

Isaac nói: “Tại sao con lại tìm ra thức ăn này nhanh đến thế?”.

Jacob trả lời: “Bởi vì đức Chúa Trời đã chỉ đường cho con”.

Isaac cảm thấy nghi ngờ rằng đây không phải là con trai Esau của mình và ông ta nói: “Đến đây để cha xem con nào, xem xem con có chắc chắn là con trai Esau của ta không”.

Thế là Jacob đến bên cạnh giường của Isaac và ông ta đã sờ vào mặt vào cổ và cả tay của Jacob nữa, sau đó ông nói:

“Giọng nói thì giống Jacob, nhưng hai tay thì giống Esau. Con chắc chắn là con trai Esau của ta chứ?”.

Jacob nói dối với cha: “Vâng con đây!”.

Thế là người cha đã ăn thức ăn Jacob mang đến, ông ta hôn Jacob và tin đó là Esau; sau đó ban cho Jacob phúc lành, ông ta nói với Jacob:

“Chúa sẽ ban cho con sự tươi mát của Thiên đường, sự giàu có của Trái đất, rất nhiều hạt giống và rượu. Các dân tộc sẽ cúi đầu trước con và mọi người sẽ trở thành tôi tớ của con. Con sẽ là chủ nhân của em trai con, gia đình của con sẽ đời đời tiếp nối và thống trị con người. Con sẽ ban phúc thần thánh cho người con yêu và nguyền rủa những kẻ con khinh ghét”.

Ngay khi Jacob nhận được sự ban phúc, anh ta vội vàng đứng dậy và đi ra. Anh ta vừa đi ra ngoài thì Esau đi săn trở về trên tay bưng một đĩa thức ăn Esau đã nấu. Esau nói:

“Cha hãy ngồi dậy và ăn đĩa thức ăn con mang đến, sau đó ban phúc lành cho con”.

Isaac nói: “Sao, con là ai?”

Esau trả lời, "Dạ con là con trai cha, đứa con trai lớn của cha là Esau đây!”

Isaac run run và nói, “Thế thì ai vừa mang thức ăn đến cho ta? Ta đã ăn thức ăn đó và ban phúc cho người đó rồi; đúng là cậu ta đã được ban phúc”.

Esau khi nghe điều này, biết rằng mình đã bị lừa; cậu ta khóc lớn, giọng gay gắt, “Ôi, cha ơi, em con đã lấy đi phúc lành của con, cũng như đã lấy đi quyền thừa kế của con! Cha không thể cho con phúc lành nào nữa sao? Cha đã cho em con mọi thứ rồi ư?”

Isaac nói với Esau mọi điều ông ta đã nói với Jacob, rằng đã cho Jacob quyền thống trị người anh em của mình. Nhưng Esau đã muốn cầu xin phúc lành khác và Isaac nói:

“Con trai, con sẽ sống trong sự giàu có của trái đất và sự mát mẻ của Thiên đường. Con sẽ sống bằng thanh kiếm của mình nhưng con cháu của con sẽ phải phục vụ con cháu của Jacob. Nhưng khi thời cơ đến con hãy thoát ra khỏi ách thống trị của em trai con và con sẽ được tự do”.

Nhiều năm sau những điều này đã xảy đến. Con cháu của Esau đã sinh sống ở một vùng đất có tên là Edom, thuộc miền nam nước Do Thái, đó là vùng đất mà con cháu Jacob sinh sống. Sau một thời gian những người Do Thái đã nắm quyền thống trị người xứ Edom và sau đó những người Edom đã tự giải phóng khỏi ách thống trị của người Do Thái. Nhưng điều này xảy sau đó hàng trăm năm.

Con cháu dòng họ Jacob có phúc hơn nhiều so với con cháu của Esau, họ đã được ban phúc lành vì họ là những người biết thờ phụng Chúa, còn con cháu của Esau đã tin theo các Thần tượng và trở nên ác độc.

NẤC THANG LÊN THIÊN ĐƯỜNG

Sau khi Esau nhận ra rằng mình đã mất quyền thừa kế và được ban phúc lành, cậu ta rất giận dữ và có ý chống lại người em trai của mình là Jacob; anh ta tự nhủ và nói với người khác:

"Cha ta Isaac là lão già không sống được lâu, ông ta đã chết sớm, rồi ta sẽ giết chết Jacob vì hắn đã cướp đoạt quyền lợi của ta".

Khi Rebekah nghe được điều này, cô ta đã bảo với Jacob, con hãy rời khỏi nhà và thoát ra khỏi tầm ngắm của Esau trước khi quá muộn. Có lẽ lâu không thấy con cậu ấy sẽ quên đi sự hận thù của mình và thế là con có thể quay trở lại. Con hãy đi đến vùng Haran, cậu của con là Laban đang sống ở đó, con hãy xin cậu ở lại đó một thời gian.

Chúng ta phải nhớ rằng, Rebekah đến từ gia đình Nahor, em trai của Abraham đang sống ở Haran, cách xa miền đông bắc Canaan, Laban là em trai của Rebekah.

Như vậy, Jacob đã rời khỏi Beersheba, vùng ngoại biên của sa mạc, anh ta du hành một mình với chiếc gậy trên tay. Một buổi tối, đúng hơn là lúc hoàng hôn, cậu ta đến một thung lũng, cách xa nhà cậu ta đến sáu mươi dặm. Ở đây không có giường nằm, anh ta tìm một viên đá rồi gối đầu nằm ngủ.

Vào một đêm Jacob đã mơ một giấc mơ đẹp. Trong giấc mơ, cậu ta thấy một chiếc thang bắc từ mặt đất lên tới Thiên đường và trên các bậc thang có các thiên thần đang đi lên đi xuống. Cậu ta còn nhìn thấy đức Chúa đứng bên trên chiếc thang. Đức Chúa bảo với Jacob: "Ta là đức Chúa Trời, là Thượng Đế của Abraham và là Thượng Đế của cha con là Isaac và ta cũng là Thượng Đế của con. Vùng đất mà con đang nằm đó sẽ thuộc về con và con cháu của con; con cháu của con sẽ sinh trưởng khắp vùng đất này, Đông, Tây, Nam, Bắc như bụi của trái đất, gia đình con và cả thế giới sẽ được ban phúc lành. Ta sẽ cùng con đi khắp mọi nơi, sẽ đưa con đến những nơi cần đến rồi mang con trở lại vùng đất này. Ta sẽ không bao giờ rời xa con và ta chắc chắn sẽ giữ đúng lời hứa với con".

Lúc trời gần sáng, Jacob bừng tỉnh, cậu ta liền nói: "Chắc chắn đức Chúa Trời ở trong vùng đất này mà ta không biết! Ta cứ tưởng chỉ một mình ta nhưng Chúa Trời đã ở đây với ta. Vùng này là nhà của Chúa, đây là cánh cửa của Thiên đường!".

Jacob cầm viên đá mà đêm qua anh ta vừa gối đầu dựng lên rồi đổ dầu vào đó để

dâng cầu Chúa. Sau đó Jacob đặt tên nơi ấy là Bethel[1], theo ý nghĩa mà Jacob đặt tên thì đó có nghĩa là "Ngôi nhà của Chúa".

Lúc ấy Jacob đã thề với Chúa, anh ta nói:

"Nếu đức Chúa thực sự đến với con và cùng con chung bước thì ngài hãy cho con bánh mì để ăn và mang con đến ngôi nhà của cha con trong sự thanh bình, thế rồi ngài sẽ là Thượng Đế của con, viên đá này là nhà của ngài, mọi thứ mà ngài cho con con sẽ dâng cầu Chúa một phần mười".

Thế rồi Jacob lại tiếp tục cuộc hành trình của mình. Cậu ta đi xuyên qua dòng sông Jordan ở một chỗ cạn, dùng chiếc gậy của mình để dò đường; cậu ta leo lên một ngọn núi, men theo con đường phía đông của một sa mạc lớn và cuối cùng rồi anh ta cũng đến được thành phố Haran. Bên ngoài thành phố là một cái giếng, đó là nơi người đày tớ của Abraham đã gặp mẹ của Jacob là Rebekah; sau khi đợi một lúc cậu ta thấy một phụ nữ trẻ dắt theo con cừu và mang nước đến cho họ.

Cha của Rachel là Laban cũng là cậu của Jacob đã vui mừng đón nhận Jacob và dẫn cậu ta vào nhà.

Jacob yêu cầu Laban đồng ý gả con gái là Rachel để làm vợ mình và Jacob cũng đặt điều kiện, "Nếu cậu gả con gái cậu là Rachel cho con thì con sẽ làm việc cho cậu bảy năm".

Laban nói, "Thật là tốt nếu con chấp nhận lấy nó, tốt hơn là phải gả nó cho người lạ".

Thế là Jacob sống bảy năm trong nhà Laban, trông cừu, chăn bò và lạc đà cho cha vợ. Vì tình yêu dành cho Rachel nên Jacob cảm thấy thời gian bảy năm dường như ngắn lại.

Thấm thoắt đã đến ngày tổ chức hôn lễ; họ đã tổ chức lễ rước dâu theo phong tục của vùng đất này, họ trùm lên đầu cô dâu một chiếc khăn dày vì thế không ai có thể nhìn thấy mặt cô dâu. Thế là cô ta đã cưới Jacob, khi Jacob dở chiếc khăn trùm đầu cô dâu ra thì cậu ta phát hiện đó không phải là Rachel mà là Leah, chị gái của Rachel, cô ta là người không xinh đẹp, Jacob không hề yêu cô ta.

Jacob vô cùng giận dữ vì đã bị lừa gạt, mặc dù cách làm này cũng như cách mà cậu ta đã làm để lừa gạt cha và anh trai Esau của mình. Thế rồi Laban nói:

"Ở đây không bao giờ cho phép người em lấy chồng trước người chị, cứ chấp nhận lấy

Leah làm vợ của con và làm việc cho ta thêm bảy năm nữa rồi sau đó con sẽ cưới Rachel".

Vào thời kỳ đó như chúng ta đã biết, đàn ông thường lấy hai vợ, thậm chí còn nhiều hơn hai vợ. Thế là Jacob ở lại đây thêm bảy năm nữa, tổng cộng là mười bốn năm, trước khi cưới Rachel làm vợ.

Trong thời gian sống ở Haran, Jacob đã có được mười một đứa con trai nhưng chỉ có một đứa là con của Rachel, Jacob rất yêu thương đứa trẻ này. Đứa trẻ này là Joseph, được cha mình yêu thương hơn những đứa trẻ khác, một phần bởi vì Joseph là con út và một phần bởi vì đó là đứa con của người vợ mà ông ta yếu mến, Rachel.

[1] Bethel: nhà thờ của những người không theo quốc giáo

JOSEPH VÀ CHIẾC ÁO KHOÁC NHIỀU MÀU

Sau khi Jacob trở lại vùng Canaan với mười một người con trai, Jacob lại có thêm người con trai khác, đứa con thứ hai của Rachel ra đời, Jacob cũng rất yêu mến đứa trẻ này. Nhưng sau khi sinh người con thứ hai chưa được bao lâu thì Rachel qua đời, Jacob vô cùng buồn rầu. Đến nay chúng ta còn được chiêm ngưỡng ngôi mộ của Rachel trên con đường giữa Jerusalem và Bethlehem. Jacob đặt tên cho đứa con thứ hai của Rachel là Benjamin; thế là Jacob có cả thảy mười hai người con trai, phần lớn đã trưởng thành, còn Joseph vẫn còn là một cậu bé mười bảy tuổi và em trai cậu ta là Benjamin thì vẫn còn là trẻ con.

Trong những người con của mình, Jacob yêu Joseph nhất, một phần vì là con của Rachel, một phần vì cậu ta còn quá trẻ; ngoài ra cậu ta còn là một người tốt, có niềm tin và biết suy nghĩ. Jacob cho Joseph chiếc áo choàng dài nhiều màu sắc sặc sỡ, có tay áo rất rộng. Đây là một đặc ân của Jacob đối với Joseph, điều ấy khiến cho các anh em khác ganh tị.

Sau đó, Joseph thường làm những việc đúng đắn trong khi các anh của mình đã làm nhiều việc sai trái, thỉnh thoảng Joseph mách với cha những việc sai trái của các anh trai mình, vì thế mà các anh trai của Joseph rất tức giận Joseph. Họ càng ghét Joseph hơn khi Joseph kể cho họ nghe hai giấc mơ lạ của mình. Một ngày nọ cậu ta nói: "Các anh em hãy lắng nghe tôi kể về giấc mơ của mình. Tôi đã mơ rằng chúng ta ra đồng bó lượm, đột nhiên bó của tôi đứng dậy còn các bó của các anh đứng xung quanh và cúi đầu trước bó của tôi!".

Họ đã nói một cách khinh bỉ, "Ngươi cho rằng giấc mơ của ngươi là đúng thế sao, ngươi sẽ thống trị chúng ta và chúng ta phải cúi đầu trước ngươi ư?".

Thế là một vài ngày sau, Joseph nói, "Ta lại mơ lại một giấc mơ, trong giấc mơ này ta thấy mặt Trời, mặt Trăng và mười một vì sao, tất cả đều cúi đầu trước ta".

Sau đó cha Joseph đã bảo với cậu ta, cha không thích con mơ giấc mơ như thế. Cha con, mẹ con, anh em của con sẽ đến và cúi đầu trước con nếu con là một vị vua!"

Các anh em của Joseph rất ghét cậu ta và không bao giờ nói chuyện với cậu ta một cách tử tế, còn cha Joseph thì suy nghĩ nhiều về điều mà Joseph nói.

Một lần, mười anh em Joseph đang chăm nom đàn thú trên cánh đồng gần Shechem,

cách Hebron mười lăm dặm, nơi đó có một vài căn lều của Jacob. Sau đó Jacob muốn gửi một thông điệp đến những đứa con trai của mình, ông ta gọi Joseph và nói với cậu ta:

"Các anh em của con đang chăn thú gần Shechem, ta muốn con đến đó và uỷ thác cho họ một việc, nếu nhận thấy họ làm tốt, nếu bầy thú nuôi được chăm sóc tốt, sau đó con hãy về nói lại cho ta suy nghĩ của họ".

Một mình đi xuyên qua cánh đồng, vượt mười lăm dặm và quay trở lại chỉ là một việc đơn giản đối với một cậu bé đang tuổi trưởng thành. Joseph lại là một người biết chăm lo cho bản thân và rất tự tin; thế là cậu ta bắt đầu hành trình, thẳng về phía cánh đồng, xuyên qua những ngọn núi, băng qua Bethlehem, Jerusalem và Beth, tuy nhiên chúng ta cũng không chắc rằng các thành phố này được xây dựng, ngoại trừ Jerusalem là một thành phố lớn.

Khi Joseph đến được Shechem, cậu ta không tìm thấy các anh em của mình, có lẽ họ đã cùng đàn thú nuôi chuyển đến một nơi khác. Một người đàn ông gặp Joseph đi bộ lang thang trên cánh đồng và hỏi cậu ta, "Anh tìm ai?".

Joseph nói, "Tôi không tìm thấy các anh em của tôi; những người con trai của Jacob. Anh có thể nói cho tôi họ đang ở đâu không?".

Người đàn ông nói, "Họ đang ở Dothan; vì tôi nghe họ nói, họ đi đến đó".

Thế rồi Joseph đi băng qua các ngọn đồi đến Dothan, đi hết quãng đường mười lăm dặm. Từ xa các anh em của Joseph đã nhìn thấy cậu ta đang tiến về phía họ. Họ nhận ra nhờ bộ quần áo sặc sỡ của Joseph; một người trong số họ bảo với mọi người: "Nhìn xem, người mơ mộng đang đến kìa! Đến đi, chúng ta sẽ giết chết hắn, sau đó ném xác xuống lỗ, rồi bảo với cha là cậu ta bị thú săn ăn thịt; thế là chúng ta sẽ thấy giấc mơ của hắn thành sự thật ra sao!".

Một người anh em cậu ta tên là Reuben có thiện cảm với Joseph hơn những người khác. Cậu ta nói:

"Chúng ta đừng giết hắn, hãy ném hắn xuống hố ở nơi hoang vắng này rồi bỏ đi, hắn sẽ chết ở đó".

Reuben có ý định sau khi mọi người đi xa sẽ quay trở lại và kéo Joseph lên khỏi hố và mang về cho cha. Những người anh em khác đã làm như lời của Reuben; họ ném Joseph xuống hố. Joseph đã khóc lóc van xin các anh trai cứu mình nhưng họ đã

không làm như thế, họ bình thản ngồi xuống và ăn tối trên bãi cỏ, trong khi tiếng kêu cứu của em mình vẫn từ xa vọng lại.

Sau khi ăn tối xong, Reuben tình cờ đi sang một vùng khác trên cánh đồng cùng lúc đó có nhóm người đàn ông lạ cùng nhau cưỡi lạc đà từ Gilead, phía Đông sông Jordan đến Ai Cập để mua những miếng nhựa thơm từ cây nhựa của những người Ai Cập.

Một người anh em khác của Joseph là Judah nói, "Chúng ta giết người anh em của mình thì có lợi gì? Chúng ta bán Joseph cho những người đàn ông này chẳng phải tốt hơn sao, hãy để họ mang cậu ta đi? Rốt cuộc thì cậu ấy cũng là anh em của chúng ta, tốt nhất chúng ta đừng giết cậu ấy".

Những anh em khác đồng ý với Judah, thế là họ chặn những người đàn ông đang đi qua đó, họ kéo Joseph lên khỏi hố và bán Joseph cho những người đi đường với giá hai mươi đồng bạc, sau đó những người kia đã mang Joseph đến Ai Cập.

Sau đó Reuben trở lại chiếc hố, nơi mà họ đã ném Joseph xuống, Reuben nhìn xuống hố những chẳng thấy Joseph đâu cả. Reuben cảm thấy rất bối rối, anh ta trở về chỗ các anh em mình và nói: "Cậu ta không còn ở trong cái hố! Tôi vừa thấy điều đó!".

Thế là các anh em khác đã kể với Reuben chuyện họ vừa bán Joseph và tất cả anh em đều đồng ý chuyện dối lừa cha mình. Họ giết chết một con vật sau đó lấy chiếc áo khoác của Joseph nhúng vào máu con vật đó và mang về cho cha, họ nói với người cha rằng: "Chúng con tìm thấy chiếc áo này trên cánh đồng hoang. Cha hãy xem xem chiếc áo này có phải là chiếc áo của con trai cha không".

Jacob nhận ra ngay đây là chiếc áo của con trai mình. Ông ta nói: "Đây là chiếc áo khoác của con trai ta. Một thú hoang dã ăn thịt nó. Không còn nghi ngờ gì nữa, Joseph đã bị thú hoang xé xác rồi!".

Con tim của Jacob dường như bị xé rách khi mất Joseph, tất cả đều do ông ta bảo Joseph một mình đi qua vùng đất hoang dã. Các anh em đều xúm lại cố gắng an ủi ông ta nhưng ông ta chẳng thấy khuây khoả. Ông ta nói: "Ta sẽ đến phần mộ đứa con đáng thương của ta để làm lễ tang cho cậu ấy".

Thế là người đàn ông già đã rất đau buồn vì đứa con trai Joseph của mình; sau đó một thời gian, những anh em xấu xa của Joseph biết rằng Joseph vẫn còn sống nhưng họ không nói với cha mình hành động xấu ác của họ và đã bán cậu ta để làm nô lệ cho kẻ khác.

GIẤC MƠ CỦA MỘT ÔNG VUA

Những người đàn ông đã mua Joseph từ anh em của cậu ta là những người thuộc dòng họ Ishmael, các bạn phải nhớ rằng, Ishmael là con trai của Hagar, người hầu của Sarah. Những người đàn ông này mang Joseph đi về đồng bằng phía Nam, đó là vùng duyên hải thuộc miền Tây của Canaan; sau vài ngày họ mang Joseph đến Ai Cập. Cậu bé Joseph sống trong lều trại đã lâu nên dường như còn lạ lẫm khi nhìn dòng sông Nin rộng lớn, những thành phố đông ngịt người, những tự miếu và kem tự tháp hùng vĩ đồ sộ!

Những người trong dòng tộc Ishmael đã bán Joseph để làm nô lệ cho một người đàn ông có tên là Potiphar, ông ta 1à một sĩ quan quân đội của Pharaoh, vị Vua nước Ai Cập. Joseph là một cậu bé bảnh bao, có tấm lòng bao dung độ lượng, có tinh thần trách nhiệm, vì thế mà ông chủ của cậu ta là Potiphar cảm thấy rất thân thiện với cậu ta. Sau một thời gian, ông ta để cho Joseph trông nom nhà cửa và mọi thứ trong nhà. Được vài năm vẫn tiếp tục làm việc đó cho Potiphar với danh nghĩa là một đầy tớ nhưng trên thực tế Joseph đã tự làm chủ mọi việc của mình và còn cai quản cả những người đầy tớ khác.

Nhưng trên ai hết, người vợ của Potiphar và người thân thiện với Joseph nhất, về sau lại trở thành kẻ thù của cậu ta bởi vì Joseph đã không làm những việc sai trái để làm vui lòng cô ấy. Cô ta đã kể những chuyện xấu xa của chồng mình và rồi bắt Joseph thực hiện một hành động sai trái. Chồng cô ta đã nghe lời vợ của mình nên đã rất tức giận Joseph và bắt cậu ta vào ngục cùng ở với những kẻ tội phạm khác đã phạm vào pháp luật của vùng đất này. Thật khó khăn cho Joseph, từ một người trông nhà trở thành kẻ tội phạm khi chính mình không hề làm sai việc gì, thế rồi bị xô đẩy vào nơi ngục tù tối tăm giữa những người xấu xa ác độc.

Nhưng Joseph đặt niềm tin vào Chúa Trời, hy vọng một ngày nào đó tất cả sự thật đều được phơi bày, vì thế cậu ta mặc dù ở trong tù nhưng luôn tỏ ra vui vẻ, thân thiện và sẵn lòng giúp đỡ kẻ khác. Người cai ngục thấy rằng Joseph không giống những kẻ tội phạm khác, nên đối xử rất tử tế với Joseph. Một đôi khi, Joseph lại được người cai ngục giao phó trông nom chăm sóc những người cai ngục khác, giống như chăm sóc những người trong gia đình Potiphar mà trước đây cậu ấy đã làm. Người cai ngục không còn trông coi mọi thứ trong tù nữa mà đã giao phó nhiều việc cho Joseph, ông ta đặt niềm tin vào Joseph vì Joseph đã làm tốt công việc mà ông ta giao. Joseph đã làm đúng, đã biết phụng sự Chúa Trời và được Chúa Trời ban phúc lành trong mọi

công việc.

Khi Joseph ở trong tù, hai người đàn ông khác bị vị Vua Ai Cập gửi đến đây, bởi vì nhà Vua không hài lòng về họ. Một người là quản gia chính của nhà Vua, là kẻ hầu rượu cho nhà Vua; người khác là đầu bếp làm bánh mì, cậu ta làm bánh mì cho nhà Vua. Hai người đàn ông này được cai quản bởi Joseph, Joseph đã phục dịch họ vì họ là những người có địa vị trong xã hội.

Một buổi sáng, khi Joseph đến căn phòng của hai người quản gia, cậu ta nhận thấy hai người họ rất buồn rầu. Joseph nói với họ:

"Tại sao hôm nay trông các anh buồn thế?". Joseph là người có tâm hồn vui vẻ và hạnh phúc; anh ta cũng muốn những người khác hạnh phúc như mình, ngay cả tù nhân cũng vậy.

Sau đó một trong số hai người kia nói: "Mỗi một chúng ta trong đêm qua đã mơ một giấc mơ rất lạ lùng và không ai giải thích được ý nghĩa trong giấc mơ của chúng ta".

Trong lúc ấy, Joseph nghĩ đến chuyện đức Chúa Trời cho mình quyển kinh thánh trước đây, nên cậu ta nói với hai người đàn ông rằng cậu ta có thể nói lên được ý nghĩa của những giấc mơ.

"Hãy nói với tôi", Joseph nói: "Giấc mơ của anh là gì. Có lẽ đức Chúa của tôi sẽ giúp tôi giải thích được nó".

Thế là người quản gia kể về giấc mơ của mình. Ông ta nói, "trong giấc mơ tôi thấy cây nho có ba nhánh, các nhánh đâm nhiều chồi, những chồi nở thành những đoá hoa, những đoá hoa lại kết thành những chùm nho. Sau đó tôi hái những chùm nho và ép thành nước, rồi rót nước trái cây đó vào trong cốc nước của Pharaoh, sau đó nước ép từ nho đó đã trở thành rượu để dâng cho đức Pharaoh, đúng như lúc tôi từng làm khi tôi còn hầu bên cạnh bàn ông ấy.

Thế rồi Joseph nói, "Đây là ý nghĩa giấc mơ của anh. Ba nhánh cây biểu hiện có ba ngày. Trong ba ngày tới, đức Pharaoh sẽ gọi anh ra khỏi nhà tù và trở lại nơi làm việc của ông ấy. Anh sẽ được đứng hầu bên cạnh bàn ông ấy, anh sẽ rót rượu cho ông ấy như anh đã làm trước đây. Nhưng khi anh rời khỏi nhà tù xin hãy nhớ đến tôi và cố gắng tìm cách để cứu tôi ra khỏi trại tù này. Tôi sẽ trốn khỏi vùng Canaan và làm nô lệ, tôi không làm gì nên tội để bị giam vào nhà tù này cả. Hãy nói với đức Vua giúp tôi rằng tôi phải được tự do".

Dĩ nhiên là người quản gia chính cảm thấy vui vẻ khi nghe nói về giấc mơ tốt lành của mình. Còn người thợ làm bánh mì thì nói rằng, hy vọng sẽ có một câu trả lời tốt về giấc mơ của mình:

“Trong giấc mơ của tôi” người thợ làm mì nói, “có ba chiếc giỏ đựng mì màu trắng trên đầu tôi, cái này chồng trên cái kia và trên cùng và một giỏ các loại thịt nướng và thức ăn cho Pharaoh; sau đó có những con chim bay đến và ăn thức ăn trên chiếc giỏ trên đầu tôi”.

Joseph nói với người thợ làm bánh mì:

“Đây là ý nghĩa giấc mơ của anh, tôi rất tiếc phải nói điều này với anh. Ba giỏ mì là ba ngày. Trong ba ngày tới, đức Vua sẽ ra lệnh mang anh treo bên trên cây, sau đó những đàn chim sẽ đến mổ và ăn thịt sống của anh cho đến khi còn bộ xương treo lủng lẳng trong không trung”.

Thế rồi mọi chuyện đã xảy đến như lời Joseph nói. Ba ngày sau đó, đức Pharaoh đã bảo những người cai ngục đến nhà tù. Họ đến và mang cả hai người là quản gia chính và thợ làm bánh mì đi. Người thợ làm bánh mì bị họ treo cổ cho đến chết, sau đó ném xác cho đàn chim ăn thịt mổ xẻ thành từng mảnh. Vị quản gia chính được họ mang về chỗ cũ, ở đó cậu ấy được hầu bên cạnh Pharaoh và ngày ngày hầu rượu cho đức Vua.

Bạn sẽ nghĩ rằng người quản gia nhớ đến điều cầu xin để được tự do của Joseph và thể hiện sự khôn ngoan của mình. Thế nhưng trong cảnh sung sướng, anh quản gia này đã quên mọi điều Joseph cầu xin. Hai năm trôi qua, Joseph vẫn ở trong nhà tù, mãi cho đến khi tròn ba mươi tuổi.

Nhưng rồi vào một đêm, chính vị Vua Pharaoh lại mơ một giấc mơ thực sự, hai giấc mơ trong một, sáng sớm thức giấc, Vua cho gọi tất cả những bậc thức giả của Ai Cập đến để giải thích giấc mơ của mình. Nhưng không một ai trong họ có thể giải đáp ý nghĩa của những giấc mơ đó. Đức Vua đã vô cùng bối rối và cảm thấy ý nghĩa trong giấc mơ là một điều rất quan trọng mà mình cần phải biết.

Đột nhiên vị quản gia đang đứng bên cạnh nhà Vua nhớ ra chuyện giấc mơ trong tù của mình hai năm trước và nhớ đến người đàn ông đã giải thích ý nghĩa giấc mơ cho cậu ta một cách chính xác. Thế rồi cậu ta nói:

“Tôi nhớ chuyện sai lầm này của tôi. Hai năm trước, Vua Pharaoh đã giận dữ với những tôi tớ của mình, người đã tống tôi cùng với một thợ làm bánh mì vào ngục. Trong thời gian ở tù vào một đêm mỗi chúng tôi mơ một giấc mơ và ngày sau một

người đàn ông trẻ trong tù, thuộc tộc người Do Thái đến từ Canaan đã giải thích ý nghĩa giấc mơ của chúng tôi và đúng sau ba ngày họ đã đến, đúng như người Do Thái trẻ ấy đã nói. Tôi nghĩ rằng nếu người đàn ông trẻ này vẫn còn ở trong tù thì cậu ta có thể nói cho Vua biết ý nghĩa mà Vua đã mơ thấy".

Bạn lưu ý rằng, người quản gia gọi Joseph là "một Hebrew". Joseph thuộc bộ tộc Do Thái vì thế gọi Hebrew cũng giống như gọi người Do Thái. Gọi là Hebrew có nghĩa ám chỉ "người du mục" và thuộc về Do Thái là do cha họ Abraham đã đến từ vùng đất khác thuộc sông Euphrates và đã dọc theo con sông này để đến Canaan.

Thế là đức Vua vội vã ra lệnh thả Joseph, Joseph được tự do, anh ta được mặc một bộ y phục mới để đến trình diện trước ngai vàng. Pharaoh nói:

"Ta mơ một giấc mơ mà không ai có thể giải thích được. Ta nghe nói rằng ngươi là người có khả năng đoán mộng rất tài tình".

Joseph trả lời:

"Khả năng này không phải tự tôi có mà là Chúa Trời đã trả lời đúng. Ngài đã mơ những gì?".

"Trong giấc mơ", Pharaoh nói: "Ta đứng bên bờ sông và thấy bảy con bò béo tốt, mập mạp từ dưới sông đi lên và gặm cỏ. Trong khi chúng đang gặm cỏ thì lại có bảy con khác từ dưới sông đi lên theo bọn chúng, những con bò này rất gầy gò và đáng thương như những tạo vật khốn khổ tồi tàn mà ta chưa từng thấy bao giờ. Những con bò gầy gò đáng thương ấy ăn hết cỏ của những con bò mập mạp, nhưng rồi sau khi chúng ăn hết cỏ, chúng cũng gầy gò và khốn khổ như trước. Sau đó ta tỉnh dậy".

Một lúc sau, ta ngủ trở lại và lại tiếp tục mơ. Trong lần mơ thứ hai này, ta thấy bảy hạt mầm mọc ra với một thân cây rất lớn, khoẻ mạnh và tốt lành. Sau đó bảy hạt mầm khác lớn lên sau chúng, rất gầy, đáng thương và tàn úa. Bảy hạt mầm gầy này sau đó đã hút hết dinh dưỡng của bảy hạt mầm kia, nhưng rồi sau đó chúng cũng gầy gò đáng thương và tàn úa như trước.

Sau đó ta đã kể giấc mơ của mình với tất các bậc minh triết, nhưng không có ai có thể giải thích được hai giấc mơ của ta. Ngươi có thể nói những giấc mơ của ta có ý nghĩa như thế nào không?".

Joseph thưa với đức Vua:

“Hai giấc mơ của ngài có cùng một ý nghĩa. Đức Chúa đã phó thác cho đức Vua Pharaoh những điều mà ông ta phải làm trên mảnh đất này. Bảy con bò béo tốt ấy có nghĩa là bảy năm, bảy hạt mầm tươi tốt cũng có nghĩa là bảy năm. Bảy con bò gầy và bảy hạt mầm yếu ớt cũng mang ý nghĩa là bảy năm. Những con bò béo tốt và những hạt mầm tươi xanh có nghĩa là bảy năm sung túc, giàu có. Bảy con bò gầy gò và bảy hạt mầm yết ớt thể hiện bảy năm nghèo nàn đói khát. Những điềm báo đó sẽ đến trên vùng đất Ai Cập, có bảy năm giàu có sung túc mà chúng ta không bao giờ thấy; những cánh đồng mang lại mùa màng bội thu so với trước đây; sau bảy năm thì những cánh đồng sẽ không còn bội thu nữa, bảy năm lại trôi qua như thế, những năm sung túc giàu có sẽ bị lãng quên và con người sẽ không còn gì để ăn nữa”.

“Bây giờ, đức Vua Pharaoh hãy tìm ra một người thông thái, để cho anh ta đặt ra pháp chế và áp dụng khắp vùng đất này. Trong suốt bảy năm giàu có, hãy để lại một phần cây trồng, cất đi để phòng khi cần đến. Nếu làm như thế thì khi cần sẽ có thức ăn dồi dào cho mọi người và sẽ không có ai bị đau đớn khổ sở, vì mọi thứ sẽ đầy đủ”.

Đức Vua Pharaoh nói với Joseph: “Từ khi Chúa Trời cho người điều này, trên thế gian không còn ai thông minh như ngươi. Ta sẽ bổ nhiệm ngươi vào làm việc và để cho ngươi đặt ra pháp chế cho vùng đất Ai Cập. Tất cả mọi người đến thuộc quyền cai trị của ngươi; duy nhất ngai vàng Ai Cập là của ta, ta sẽ ở trên ngươi”.

Sau đó Pharaoh cởi chiếc nhẫn trong tay mình và đeo vào tay của Joseph để làm ấn tín, vì vậy mà Joseph có thể ký tên và đóng dấu thay nhà vua. Sau đó nhà Vua khoác lên mình Joseph chiếc áo choàng bằng vải Lanh rất đẹp, đeo vào cổ cậu ta một dây chuyền vàng. Sau đó ông ta cho Joseph cưỡi lên xe ngựa và xếp vào hàng ngũ kế tiếp sau đức Vua. Họ đã hô hào trước Joseph, “Hãy quỳ xuống”. Như vậy là Joseph nắm quyền thống trị toàn bộ lãnh thổ Ai Cập.

ĐỒNG TIỀN TRONG BAO TẢI

Khi Joseph nắm quyền thống trị vùng đất Ai Cập ông ta đã làm đúng như lời ông ta thường nói. Ông ta thường không ngồi nghỉ ngơi vui đùa trong khi làm việc, không hề để người khác phải chờ đợi mình. Ông ta tìm thấy công việc trong mọi lúc và bắt đầu làm việc một cách chăm chỉ, trung thực. Ông ta đi khắp các vùng trên đất nước Ai Cập, ông ta đã chứng kiến sự phì nhiêu của những cánh đồng, mách bảo cho họ tận dụng hết khả năng và khai thác hết công suất. Ông ta khuyên bảo mọi người đừng phung phí và phải tích trữ lương thực cần thiết cho tương lai.

Ông ta kêu gọi mọi người đóng góp cho nhà Vua, cứ có năm giạ[1] thì góp một giạ để tích trữ. Mọi người mang thóc của mình đến sau khi đã giữ lại đủ cho nhu cầu sử dụng của mình. Joseph chứa thóc vào những kho lớn trong thành phố, số thóc nhiều đến mức không còn có thể chứa thêm được nữa.

Vị Vua Ai Cập đã gả con của mình là một nàng Công chúa trẻ đẹp để làm vợ Joseph. Cô ta tên là Asenath; hai vợ chồng họ đội ơn Chúa đã sinh được hai người con trai, đứa lớn tên là Manasseh, một từ có nghĩa là "Làm cho quên".

"Vì" Joseph nói: "Thượng Đế đã khiến cho ta quên hết tất cả rắc rối và công việc khó nhọc như một sự cứu rỗi".

Đứa con trai thứ hai tên là Ephraim, một từ có nghĩa là "Nhiều hoa quả". "Bởi vì" Joseph giải thích, "Thượng Đế không những làm cho vùng đất này đầy hoa trái mà người còn khiến mảnh đất phiền muộn trong tâm hồn ta cũng đầy hoa trái".

Thế là bảy năm trù phú đã trôi qua, những năm cần đến rồi đã đến. Những vùng lân cận đã xuất hiện nạn đói, chẳng có thức ăn để ăn, nhưng ở vùng đất Ai Cập thì lương thực rất đầy đủ. Phần lớn mọi người sử dụng thức ăn dự trữ, nhiều người tích trữ không đủ thì họ đến cầu xin nhà Vua cứu tế.

"Hãy đến Joseph!" Vua Pharaoh bảo, "phải làm tất cả mọi điều ông ta bảo các ngươi".

Thế là mọi người đi đến chỗ Joseph, Joseph mở kho lương thực và bán cho những người có nhu cầu mua. Và không chỉ những người Ai Cập đến mua lương thực mà còn có cả những người ở các vùng đất lân cận đến mua vì nạn đói xảy ra khắp nơi. Nhu cầu lương thực cũng rất lớn trong vùng Canaan, nơi mà Jacob đã sống, cũng như những vùng đất khác. Jacob rất giàu có, ông ta có nhiều những đàn thú nuôi vàng bạc

nhưng cánh đồng trong lãnh thổ của ông ta đã không mang lại mùa màng, không có thóc, nghiêm trọng hơn là gia đình của ông ta cùng với mọi người không có lương thực để ăn. Jacob người mà chúng ta bây giờ cũng gọi là người Do Thái cũng nghe được chuyện nước Ai Cập có thức ăn, thế là ông ta bảo với mấy đứa con trai: "Tại sao các con chỉ biết nhìn nhau, hãy làm gì để tìm kiếm thức ăn đi chứ? Ta nghe nói ở Ai Cập có rất nhiều lương thực. Hãy đến vùng đất ấy, mang theo tiền bạc để mua lương thực, chúng ta sẽ có bánh mì và chúng ta sẽ sống".

Thế là mười anh em của Joseph đi đến vùng đất Ai Cập. Họ cưỡi những con lừa, vì cúc đó người ta chưa dùng ngựa để cưỡi, họ đi và mang theo tiền. Nhưng Jacob không để đứa con út của mình là Benjamin đi theo họ vì Benjamin là người thường xuyên lân cận bên cha mình, giờ đây Joseph đã không còn bên cạnh Jacob nữa vì thế mà Jacob sợ rằng sẽ có người làm hại đến ông ta.

Thế là những anh em của Joseph đến chỗ Joseph để mua thức ăn. Họ không biết rằng Joseph đã trưởng thành, mang trên người hoàng bào của Hoàng tử và ngồi trên Ngai vàng. Joseph giờ đây đã gần bốn mươi tuổi và ông ta đã trải qua hai mươi năm ở đây kể từ khi các anh em của ông ta bán ông ta đi. Những anh em của Joseph không biết Joseph nhưng trái lại, Joseph biết tất cả bọn họ ngay lần đầu tiên gặp mặt. Anh ta muốn tỏ ra nghiêm nghị với họ, nhưng không vì thế mà anh ta căm ghét họ, anh ta muốn thăm dò xem tính cách của họ như thế nào, xem họ còn tính ích kỷ, độc ác, tàn bạo như trước nữa không.

Họ đến trước Joseph cúi đầu và mặt nhìn xuống đất, thế rồi không còn nghi ngờ gì nữa, Joseph nghĩ ngay đến giấc mơ của mình khi còn là một cậu bé, mấy bó lượm của các anh em rạp mình xung quanh bó lượm của mình. Joseph nói với họ như một người xa lạ và như thể mình không hiểu ngôn ngữ của họ, bắt họ phải giải thích bằng ngôn ngữ Ai Cập.

"Các anh là ai? Các anh từ đâu đến đây?". Joseph nói với thái độ nghiêm nghị.

Họ trả lời Joseph một cách sợ sệt: "Chúng tôi từ vùng Canaan đến đây để mua thức ăn".

"Không", Joseph nói, "Tôi biết các anh đến đây vì cái gì rồi, các anh là gián điệp, đến vùng đất này để thám thính tình hình, sau đó mang quân đội đến đây chống lại chúng tôi, thực thiện chiến tranh trên vùng đất này".

"Không, không", mười anh em của Joseph nói. "Chúng tôi không phải gián điệp.

Chúng tôi là con trai của một người đang sống ở vùng đất Canaan; chúng tôi đến đây vì thức ăn, bởi vì nhà chúng tôi đã không còn lương thực".

"Các anh nói các anh là con trai của một người đàn ông, thế ông ta là ai? Đang sống ở đâu? Các anh còn có anh em nào khác không? Hãy nói với tôi tất cả những điều về các anh".

Những người kia nói: "Cha tôi là một người đàn ông già ở Canaan. Chúng tôi có một người em mất tích, vẫn còn thêm một người nữa, anh ta là em út của chúng tôi, nhưng cha chúng tôi không cho cậu ấy đi theo chúng tôi".

"Không", Joseph nói. "Các anh không phải là những người đàn ông tốt và lương thiện. Các anh là gián điệp. Tôi sẽ bắt các anh vào tù, trừ khi có một người trở về mang đứa em út của các anh đến đây, khi tôi nhìn thấy cậu ta, tôi sẽ tin những điều các anh nói là sự thật".

Thế là Joseph bắt mười người bỏ vào tù, giam giữ họ trong ba ngày rồi sau đó lại thả họ. Họ không ngờ rằng Joseph có thể hiểu được ngôn ngữ của họ, thế là họ bàn tán với nhau, trong khi Joseph vẫn nghe họ nói nhưng ông ta giả vờ như không nghe: "Đây là quả báo của chúng ta bởi vì chúng ta đã làm điều sai trái với người anh em của mình là Joseph cách đây hơn hai mươi năm. Chúng ta nghe cậu ta khóc, cậu ta đã van xin chúng ta khi chúng ta ném cậu ta xuống hố, chúng ta không có lòng nhân từ đối với cậu ta. Đức Chúa cho chúng ta gánh chịu những gì mà chúng ta đã làm".

Sau đó Reuben, người mà trước đây muốn cứu Joseph nói: "Tôi đã bảo các anh không làm hại đến cậu bé cơ mà? Các anh đã không nghe tôi. Chúa Trời sẽ mang máu của người anh em chúng ta đổ lên đầu chúng ta".

Khi Joseph nghe được điều này con tim cậu ta bỗng dưng xúc động, cậu ta thấy rằng những người anh em của mình đã rất hối hận về hành động sai trái của họ đối với cậu ta. Cậu ta quay đi nên họ không thấy được khuôn mặt với đôi mắt rơm rớm nước mắt của cậu ta. Thế rồi cậu ta trở lại chỗ họ và cũng bằng giọng nói cứng rắn như trước, cậu ta nói:

"Tôi sẽ làm điều này vì Chúa. Tôi sẽ để cho các anh về nhà, trừ ra một người. Tôi sẽ tống vào tù một người trong số các anh, những người còn lại có thể về nhà và mang thức ăn về đó cho mọi người. Sau đó các anh phải trở lại và mang đứa em út của các anh đến đây để tôi biết rằng lời các anh nói là sự thật".

Thế là Joseph ban bố mệnh lệnh cho những người đầy tớ bắt lấy một người trong số

mười anh em của ông ta, người ấy tên là Simeon, trói lại trước mặt mọi người sau đó giam vào ngục. Joseph tiếp tục lệnh cho các tôi tớ đổ đầy những bao tải lương thực, sau đó để tiền của những người đàn ông này lại trong các bao tải lương thực trước khi buộc miệng chúng lại, như thế họ sẽ tìm thấy tiền ngay khi họ mở những tải lương thực. Những người đàn ông này lại cưỡi lên lừa với những bao tải thức ăn đầy bắt đầu về nhà, để lại người anh em của họ là Simeon làm tù nhân.

Khi họ dừng lại dọc đường để kiếm thức ăn cho lừa thì một người anh em của họ mở một bao tải lương thực ra, cậu ta phát hiện tiền của cậu ta nằm trên thóc. Cậu ta vội vã gọi những người anh em: xem này, đây là tiền của tôi, tiền của tôi đã trở lại với tôi!" Họ hoảng sợ nhưng không dám trở lại Ai Cập, vùng đất của những luật pháp lạnh lùng. Họ trở về nhà và kể lại cho người cha nghe hết mọi chuyện xảy ra với họ, kể chuyện người anh em Simeon ở tù, phải ở lại đó cho đến khi họ trở lại đó và mang theo Benjamin.

Khi họ mở những tải lương thực của họ thì mỗi một miệng bao đều có tiền của họ, số tiền mà họ đã mang đi để mua lương thực đều được trả về. Họ cảm thấy rất lo lắng. Sau đó họ nói là sẽ đến lại Ai Cập và mang theo Benjamin, nhưng Jacob nói với họ:

"Các con mang lần lướt những đứa con trai của ta đi. Joseph đã đi, Simeon đã đi và giờ các con lại mang Benjamin đi nữa ư. Những điều các con làm đều chống lại cha!" Reuben nói: "Đây là hai đứa con của con, trường hợp con không mang Benjamin trở về cho cha thì cha có thể giết nó nếu cha muốn". Jacob nói: "Đứa con trai út của ta sẽ không đi theo các con. Anh trai của nó đã chết, còn mỗi mình nó bên cạnh ta. Nếu có tai hại nào xảy đến với nó, điều đó sẽ mang ta xuống mồ với mái tóc bạc trắng và nỗi buồn vô tận".

[1] Giạ: đơn vị đong thóc.

SỰ HUYỀN BÍ CỦA ĐỨA CON MẤT TÍCH

Thức ăn mà những đứa con trai của Jacob mang về từ Ai Cập cũng chóng hết, vì gia đình của Jacob rất lớn. Hầu hết các con trai đều cưới vợ và họ cũng có con cái, tất cả con cháu đã đông đến con số sáu mươi sáu, ngoài ra còn có những người đầy tớ hầu hạ họ nữa, cả những người đàn ông chăm sóc gia súc cho Jacob.

Khi thức ăn mang từ Ai Cập về đã gần hết Jacob nói với mấy đứa con trai:

"Hãy đến Ai Cập một lần nữa và mua thức ăn cho chúng ta".

Judah, con trai Jacob, người mà những năm về trước đã đề nghị bán người anh em của mình là Joseph cho những người Do Thái, nói với cha mình: "Thật là vô ích nếu chúng ta đến Ai Cập, trừ phi chúng ta mang Benjamin đi cùng. Kẻ thống trị vùng đất đó đã nói với chúng con rằng, "Anh sẽ không thể gặp được tôi, trừ phi đứa em út của anh cùng đến với anh".

Berjamin nói, "Tại sao anh lại bảo với người đàn ông ấy là anh có một người em? Anh đã đặt em vào nơi nguy hiểm khi anh nói điều đó với ông ta".

"Tại sao", những đứa con trai của Jacob nói. "Chúng tôi không thể không nói. Người ấy yêu cầu chúng tôi nói về gia đình mình. Cha anh sống ở đâu? Có bao nhiêu anh em? Và chúng tôi đã nói với ông ấy, những câu hỏi của ông ấy thật là bí hiểm. Chúng tôi làm sao biết được ông ấy bảo chúng tôi phải đưa người em của các ngươi đến đây, để ta thấy cậu ta?".

Judah nói: "Để Benjamin đi với tôi, tôi sẽ chăm sóc cậu ấy. Tôi hứa với mọi người rằng tôi sẽ mang cậu ấy về nhà an toàn. Nếu cậu ta không trở về, tôi sẽ chịu sự nguyền rủa suốt đời. Cậu ta phải đi, hoặc chúng ta sẽ chết vì thiếu thức ăn chúng tôi sẽ đến Ai Cập và sau đó quay trở về nhà nếu chúng tôi không bị giữ lại".

Jacob nói, "nếu sự thật là như vậy thì cậu ta cần phải đi. Nhưng hãy mang tặng người đàn ông ấy một món quà, hãy chọn một vài loại quả hảo hạng nhất trên vùng đất này, một ít đồ gia vị vài quả thơm, vài quả hạnh và cầm tiền nhiều gấp đôi ngoài số tiền mà các con được trả lại trong tải lương thực. Có lẽ các con đã sai khi bị người ta trả lại tiền. Hãy mang theo người em của con Benjamin, hy vọng đức Chúa sẽ khiến người đàn ông ấy đối xử tốt với các con và, vì thế ông ta sẽ cho Simeon được tự do và để cho các con mang Benjamin về. Nhưng nếu điều đó là ý của Chúa thì ta sẽ mất đi

những đứa con, ta không thể chịu nổi".

Thế là mười người anh của Joseph lần thứ hai tìm đến Ai Cập, Benjamin đi đến chỗ Simeon. Họ đến phòng làm việc của Joseph, nơi ông ta đang bán gạo cho mọi người và sau đó họ đến trước mặt Joseph và cúi đầu chào như lần gặp trước. Joseph thấy Benjamin cùng với những anh em của mình liền bảo quản gia chuẩn bị bữa ăn tối. Ông nói: "Tất cả những người này sẽ ăn cơm với ta hôm nay".

Khi những anh em Joseph được mời vào nhà thì họ cảm thấy rất lo sợ. Họ nói với nhau:

"Chúng ta mang nhiều tiền ở đây sẽ khiến họ nghi ngờ rằng chúng ta ăn trộm tiền và rất có thể họ sẽ bán chúng ta đi làm nô lệ".

Nhưng người quản gia của Joseph đã đối xử với họ rất tử tế, khi họ đưa ra những đồng tiền trong các bao lương thực thì ông ta đã không lấy, ông ta nói:

"Đừng lo lắng, Chúa của các anh đã tặng các anh những thứ đó như một món quà. Tôi cũng đã có tiền của các anh".

Những người quản gia tiếp đón mọi người vào nhà của Joseph, rửa chân cho họ theo phong tục của vùng đất này. Đến trưa, Joseph đến gặp họ. Họ mang món quả của cha gửi đến cho Joseph và một lần nữa cúi đầu trước Joseph.

Joseph đã hỏi thăm sức khoẻ của họ và nói "Cha của các anh vẫn còn sống chứ, người đàn ông già mà các anh nói đến đó? Ông ta có khoẻ không?".

Họ nói: "Cha của chúng tôi vẫn còn sống và rất khoẻ", rồi họ lại cúi đầu trước Joseph.

Sau đó Joseph nhìn người em của mình là Benjamin, đứa trẻ cùng cha cùng mẹ của mình và nói:

"Đây là đứa em út mà các anh đã nói với tôi đúng không? Thượng Đế rất nhân từ với em, em trai ta!".

Con tim Joseph cảm xúc dâng trào khiến ông ta không cầm được nước mắt. Ông ta vội vàng đi vào phòng rồi bật khóc. Sau đó Joseph rửa mặt và quay lại, sắp đặt bàn ghế chuẩn bị bữa tối. Họ sắp riêng cho Joseph một bàn ăn như người chủ, những bàn ăn khác cho những sĩ quan Ai Cập và những chiếc bàn khác nữa cho nhóm người đến từ Canaan; Joseph ra lệnh thả Simeon ra khỏi tù và cho ngồi cùng bàn ăn với những

người anh em của mình.

Joseph sắp xếp chỗ ngồi cho tất cả những anh em mình, người lớn nhất được ngồi đầu và người nhỏ nhất ngồi cuối. Những người anh em của Joseph cảm thấy rất ngạc nhiên về điều này, tại sao một người lãnh đạo vùng đất Ai Cập tại biết được thứ tự các anh em của họ. Sau đó Joseph đã lấy thức ăn từ bàn của mình đến cho những người anh em ăn, ông ta đã mang thức ăn cho Benjamin nhiều gấp năm lần so với những người khác. Có lẽ ông ta đang để ý xem họ có tỏ thái độ ganh tị với Benjamin như trước đây họ từng ganh tị với ông không.

Sau buổi tối, Joseph bảo với người quản gia: "Hãy đổ đầy những bao tải lương thực và tiền của người nào thì để lại vào bao tải của người đó. Để tiền và chiếc cốc bạc của ta vào trong bao tải của người trẻ nhất'.

Người quản gia làm đúng theo lời Joseph dặn: Sáng sớm ngày mai những người anh em của Joseph lên đường trở về nhà. Một lát sau Joseph nói với người quản gia:

"Nhanh lên, hãy đi theo những người đàn ông kia và hãy nói: Tại sao các người làm thế với ta, trong khi ta đã đối xử rất tử tế với các ngươi? Các ngươi đã ăn cắp chiếc cốc bạc của ông Chủ ta, đó là chiếc cốc uống nước của ông ấy".

Người quản gia chạy theo những người đàn ông, chạy đến trước mặt họ và buộc tội ăn cắp cho họ. Họ nói với cậu ta:

"Tại sao anh có thái độ như thế với chúng tôi? Chúng tôi có ăn cắp gì đâu. Tại sao, chúng tôi mang tiền trong các bao tải lương thực của chúng tôi đến trả cho anh, sự thật chúng tôi có trộm cắp vàng bạc gì đâu? Ngươi hãy lục soát, nếu anh phát hiện chiếc cốc bạc của ông chủ anh nằm ở túi của ai chúng tôi sẽ để người ấy chết, những người còn lại sẽ bị bán làm nô lệ".

Thế là họ để những cái bao tải lương thực trên những con lừa xuống đất và mở chúng ra; lần này cũng như lần trước, các túi lương thực đều có tiền; khi xem túi lương thực của Benjamin thì phát hiện có chiếc cốc bạc của Joseph. Trong cơn tuyệt vọng, họ buộc lại những bao tải lương thực, đặt lên lưng những con lừa và quay lại cung điện của Joseph.

Joseph nói với họ:

"Các ngươi đã làm những điều xấu xa gì? Các ngươi không biết rằng ta chắc chắn sẽ tìm ra những hành động của các ngươi ư?"

Judah nói: “Ôi Chúa ơi, chúng ta biết nói gì đây? Thượng Đế trừng trị chúng ta vì chúng ta đã gây ra nhiều tội lỗi bây giờ chúng ta phải làm nô lệ, trong túi lương thực của hết thảy lớn bé của chúng ta đều tìm thấy chiếc cốc bạc”.

“Không”, Joseph nói: “Chỉ duy nhất một người là tội phạm; chỉ một người ăn cắp chiếc cốc của ta. Ta sẽ bắt người đó làm nô lệ, những người còn lại được thả, các ngươi có thể về nhà với cha của các ngươi”.

Joseph muốn xem tính ích kỷ của các anh em mình còn hay không, nếu còn thì họ sẽ để cho Benjamin chịu khổ còn họ sẽ thoát nạn.

Còn Judah, người thực sự thúc giục anh em mình bán Joseph làm nô lệ trước đây đã đến trước Joseph, quỳ xuống và cầu xin Joseph tha cho Benjamin. Cậu ta kể lại toàn bộ câu chuyện, rằng Benjamin là một đứa con được cha yêu quí nhất trong số những người con của ông ấy. Và bây giờ người anh trai của cậu ấy đã mất. Judah nói tiếp:

“Tôi đã hứa sẽ ở đây chịu sự trừng phạt, nếu cậu bé này không được về nhà an toàn. Nếu cậu ta không trở lại nhà thì người cha già đáng thương của tôi sẽ không thể sống nổi, ông ấy đã phải chịu quá nhiều phiền muộn. Bây giờ ngài hãy để người em út của tôi trở về nhà với cha, tôi sẽ ở đây chịu làm nô lệ”.

Giờ thì Joseph đã biết điều mà ông ta bấy lâu ấp ủ trong lòng, những anh em của mình không còn tàn bạo và ích kỷ như xưa nữa, nhưng phải một người ở đây chịu khổ thì người anh em của cậu ta mới được dung thứ. Và rồi Joseph cũng không thể giấu kín nỗi niềm, không thể cầm lòng trước những người anh em của mình, ông ta đã khóc, lần này Joseph đã khóc trong tình thương và niềm vui sướng. Joseph bảo tất cả đày tớ vào phòng, còn lại một mình ông ta với các anh em, sau đó ông ta nói:

“Hãy đến gần ta, ta muốn nói với các anh”. Họ ngạc nhiên nhưng cũng đã đến bên Joseph. Joseph nói:

“Ta là Joseph; cha ta thực sự còn sống chứ?”

Những người anh em thì cảm thấy vô cùng lo sợ khi họ nghe tiếng dân tộc của họ được nói bởi một người cai trị Ai Cập và lần đầu tiên họ biết được rằng người đàn ông nghiêm khắc lạnh lùng này, ông ta đang nắm sinh mạng của họ trong tầm tay, ông ấy chính là người em mà họ đã rắp tâm hãm hại! Thế rồi Joseph nói tiếp:

“Ta là Joseph, là anh em của các anh, các anh đã bán tôi đến Ai Cập. Nhưng ta đã không băn khoăn về hành động mà các anh đã làm. Vì Chúa đã phái ta đến để cứu rỗi

cuộc sống của các anh. Đã hai năm xảy ra nạn đói và vẫn còn tiếp tục thêm năm năm nữa, cho đến khi nào không còn cày cấy và thu hoạch. Không phải các anh phái tôi đến đây mà chính là đức Chúa; ngài phái tôi đến đây để cứu vớt cuộc sống cho các anh. Đức Chúa ban cho tôi vị trí của một người cha, làm Vua Pharaoh và cai trị lãnh thổ Ai Cập. Bây giờ tôi muốn các anh về nhà, sau đó đưa cha và tất cả mọi người trong gia đình đến đây với tôi".

Joseph choàng tay qua cổ của Benjamin và hôn vào má, hai anh em đã ôm nhau và họ khóc nức nở. Sau đó Joseph ôm hôn tất cả các anh em và tỏ ra đã hoàn toàn tha thứ cho họ; sau đó những người anh em của Joseph đã không còn thấy sợ Joseph nữa, họ đã cùng đi dạo với Joseph.

Về sau, Joseph lệnh cho mang đến nhà các anh em mình những lời chúc tốt đẹp, những món quà hậu hĩnh cùng rất nhiều thức ăn. Họ cũng gửi tặng nhiều xe ngựa mà Jacob và những người con dâu và một số người trong gia đình của họ đã cưỡi từ Canaan đến Ai Cập. Những anh em của Joseph đã sống một cuộc sống hạnh phúc cho đến mãi sau này.

MOSES, ĐỨA TRẺ ĐƯỢC TÌM THẤY TRÊN SÔNG

Bọn trẻ người Do Thái được ở lại vùng đất Ai Cập lâu hơn cả sự mong đợi. Họ đã sống trên vùng đất ấy khoảng bốn trăm năm. Việc đến được Ai Cập đã chứng tỏ họ đã được ban phúc lành. Điều đó đã cứu vớt họ trong suốt những năm đói khát, những năm đói khát trôi qua, họ tìm ra vùng đất Goshen, một phần đất của Ai Cập và họ đã sống ở đó, họ rất giàu có. Mỗi năm họ thu hoạch từ ba đến bốn vụ mùa.

Còn những người con trai Do Thái, trước khi đến Ai Cập họ đã lập gia đình tại vùng đất Canaan, họ tôn thờ những tượng thần và không thờ Chúa Trời. Nếu họ ở lại đó, con cái của họ sẽ lớn lên và cũng giống như họ, sớm mất tất cả những ý niệm về đức Chúa Trời.

Trong vùng Goshen họ đã sống đơn lẻ cùng một bộ phận người dân Ai Cập. Họ phụng sự đức Chúa Trời và cũng không rời bỏ việc thờ phụng các thần linh của Ai Cập. Và tại đó, trải qua một vài năm từ con số bảy mươi, họ đã phát triển thành một cộng đồng rất lớn. Mỗi một người con trai trong mười hai người con của Jacob đều trở thành cha[1] của một bộ lạc và Joseph là cha của hai bộ lạc, lấy tên theo hai đứa con trai của mình là Ephraim và Manasseh.

Tại thời điểm Joseph sống và một thời gian sau, người Do Thái được người Ai Cập đối xử rất thân thiện, tình yêu ấy có được là vì Joseph, người đã cứu vớt những người Ai Cập thoát khỏi nạn đói. Nhưng sau đó một thời gian những vị Vua khác lên nắm quyền cai trị Ai Cập, họ đã không quan tâm đến Joseph và giòng họ của Joseph. Ông ta thấy rằng những người Do Thái là rất đông, ông ta sợ rằng họ sẽ sớm lớn mạnh và quyền năng hơn những người Ai Cập.

Ông ta nói với những người của mình: “Chúng ta hãy cai trị những người Do Thái một cách nghiêm khắc. Họ đã trở nên thực sự lớn mạnh”.

Thế là họ đặt những luật lệ vô cùng hà khắc để thống trị những người Do Thái, họ đã đặt lên vai những người Do Thái những gánh nặng. Họ bắt những người Do Thái làm việc nặng nhọc, phục vụ cho những người Ai Cập và xây dựng thành phố cho họ và người Ai Cập, một phần khác thì bắt phụ trách mùa màng trên những cánh đồng để phục vụ họ. Họ bắt những người Do Thái làm ra những viên gạch để xây dựng các nhà kho. Họ sợ rằng những người Do Thái lớn mạnh nên đã đặt ra luật lệ là giết chết những đứa trẻ Do Thái khi chúng được sinh ra, nhưng nếu là con gái thì được sống.

Nhưng trước sự tàn bạo, độc ác ganh ghét, người dân Do Thái ngày càng đông đúc và mỗi ngày mỗi lớn mạnh hơn.

Một ngày nọ, khi sự tàn bạo của những người Ai Cập nên tới tột đỉnh, khi những trẻ nhỏ đều bị giết, thì một cậu bé được sinh ra.

Đứa bé thật đáng yêu, không chịu để con mình chết oan uổng, người mẹ đã mang đứa bé giấu đi, vì thế mà không ai tìm thấy đứa trẻ ấy. Khi biết mình không thể giấu con được nữa, bà ta đã lập một kế hoạch để cứu lấy cuộc sống của đứa bé; bà ta tin rằng Chúa Trời sẽ giúp đỡ và cứu lấy đứa con nhỏ xinh đẹp của bà ta.

Bà ta làm chiếc rương nhỏ hình một chiếc thuyền và quét sơn để cho nước không thể thấm vào trong. Giống như chiếc thuyền trong truyện "Noah và con thuyền lớn". Vì biết chắc chắn rằng những người con gái của Pharaoh[2] thường xuống sông tắm, cho nên bà ta đã đặt đứa con trai nhỏ bé của mình trong chiếc thuyền nhỏ và thả trôi trên sông với hy vọng là Công chúa - con gái của Pharaoh, sẽ nhìn thấy đứa bé. Sau đó bà ta bảo đứa con gái lớn của mình, một cô bé tên là Miriam, mười hai tuổi nấp và canh ở gần ngay đó. Người mẹ và người chị trông theo chiếc rương nhỏ trôi lững lờ trên sông, họ mới lo lắng làm sao!

Con gái của Pharaoh cùng với người hầu gái xuống sông để tắm và họ đã thấy con thuyền nhỏ trôi trên mặt nước giữa đám lau sậy. Công chúa liền bảo một người hầu gái bơi ra và đưa chiếc rương vào bờ. Vì tính hiếu kỳ của mình, cô ta muốn xem trong rương nhỏ ấy đựng thứ gì. Họ mở chiếc rương và thấy một cậu bé kháu khỉnh đang nằm ngủ và cậu bé đã khóc khi được mọi người bế ra khỏi rương.

Công chúa cảm thấy thương mến đứa trẻ nhỏ, cô ta nói: "Đây là một trong những đứa trẻ của Hebrew[3]". Con gái của Pharaoh nghĩ rằng thật là tàn bạo nếu để đứa trẻ nhỏ đáng yêu này chết trôi trong nước. Và tình cờ một đứa bé gái chạy đến bên cạnh công chúa, công chúa bảo: "Gọi một người phụ nữ Hebrew đến đây cho ta, ta sẽ bảo người ấy làm bảo mẫu để chăm sóc đứa bé này".

Cô bé gái tên là Miriam, là chị gái của cậu bé chạy rất nhanh về nhà và dẫn mẹ của mình đến cho công chúa. Hành động này của Miriam thể hiện rằng cô ta là một cô bé rất khôn ngoan và biết suy nghĩ. Công chúa bảo mẹ đứa bé: "Hãy mang đứa trẻ này về nhà và chăm sóc nó cho ta, ta sẽ trả lương hàng tuần cho ngươi".

Người mẹ Hebrew vui sướng làm sao khi được mang con mình về nhà! Hiện giờ không ai có thể làm hại cậu bé được nữa, vì cậu ta đã được bảo vệ bởi Công chúa Ai

Cập, con gái của đứa Vua Pharaoh.

Khi đứa trẻ đủ lớn để tách khỏi mẹ của mình thì con gái Pharaoh mang cậu ta về ở trong cung điện của cô ấy. Cô ta đặt tên cho cậu bé là Moses, một danh từ có nghĩa là "bị nước cuốn trôi", bởi vì cô ta đã cứu cậu bé thoát khỏi dòng nước.

Thế rồi, Moses, một đứa bé dòng Hebrew đã sống trong cung điện tại một lãnh thổ cao quí, mọi người xem cậu ta như con trai của Công chúa. Ở đây, Moses học được nhiều kiến thức do những người Ai Cập truyền lại. Trong triều đình nhà Vua có nhiều nô lệ là dân Do Thái, những người con của Chúa Trời, trong quá trình trưởng thành tại đây, cậu bé người Do Thái này đã tìm nhiều cách để trả tự do cho nhiều người cùng gốc tích với mình.

Mặc dầu Moses lớn lên giữa những người Ai Cập và học tập theo nền văn hoá của họ nhưng cậu ta rất yêu quí dân tộc của mình. Họ là những người nghèo khổ và bị ghét bỏ, là những người nô lệ nhưng cậu ta vẫn yêu thương họ bởi vì họ là những người sinh ra để phụng sự đức Chúa Trời, trong khi những người Ai Cập thờ thần tượng và thú vật. Thật kỳ lạ, con người vốn khôn ngoan như thế mà lại cúi đầu trước một con bò, con mèo, hoặc con rắn như những người Ai Cập đã làm.

Khi Moses đã thực sự trưởng thành là một người đàn ông, anh ta đã đến với những người thuộc dòng tộc của mình, rời xa sự giàu sang và quyền quí mà anh ta đã từng có cùng với những người Ai Cập. Anh ta nhân danh Chúa Trời để trả tự do cho những người Do Thái. Nhưng lúc này anh ta nhận thấy mình không thể làm gì để giúp đỡ họ. Họ không để anh ta dẫn dắt họ và như thể vị Vua Ai Cập bây giờ trở thành kẻ thù của anh ta, Moses đã rời khỏi Ai Cập và đến một vùng đất thuộc Arabia, được gọi là Midian.

Mệt mỏi với chuyến đi dài, khi đó Moses ngồi nghỉ bên một bờ giếng và cậu ta đã thấy một vài phụ nữ đến để múc nước giếng cho bò và cừu của họ uống. Sau đó có một vài người đàn ông với bộ dạng thô kệch cũng đến, họ xua đuổi những phụ nữ kia ra và ra sức múc nước cho đàn cừu của họ uống. Moses thấy thế liền đến giúp những người phụ nữ và lấy nước cho họ.

Những người phụ nữ này là chị em và là con gái của một người đàn ông tên là Jethro, ông ấy là một vị linh mục trong lãnh địa của Midian. Ông ta đã yêu cầu Moses đến ở với ông ta, giúp đỡ ông ta chăm sóc đàn cừu. Moses đã ở lại đó và kết hôn với một trong số những người con gái của Jethro. Thế là từ một vị hoàng tử trong cung điện Vua Ai Cập, Moses đã trở thành một người chăn cừu trên vùng đất hoang mạc xứ

Midian.

Trong khi Moses đang chăn cừu thì đức Chúa xuất hiện, tay cầm bó đuốc sáng và bảo cậu ta trở lại Ai Cập để tiếp tục lãnh đạo người dân ở đó. Đức Chúa Trời chỉ cho Moses thấy rằng phải trừng phạt những người Ai Cập độc ác vì họ đã ngược đãi những người Do Thái. Những người Ai Cập bị trừng phạt bởi nhiều dịch bệnh và cuối cùng họ cũng cho phép những người Do Thái ra đi. Họ đã băng qua vùng biển đỏ trong một con đường tuyệt đẹp, đi du ngoạn khắp vùng hoang mạc một thời gian dài, ở đó đức Chúa đã nuôi họ hàng ngày bằng loại bánh Manna. Chúa Trời cũng đặt ra nhiều nguyên tắc và chỉ dẫn cuộc sống hàng ngày cho họ; những nguyên tắc này được gọi là "Mười điều răn dạy" và giờ đây họ vẫn nhớ mãi những lời răn dạy của người.

[1] Cha: Trưởng tộc

[2] Pharaoh: Tất cả những vị vua Ai Cập đều gọi là Pharaoh, Pharaoh có nghĩa là một ông vua.

[3] Hebrew: Người Do Thái

NHỮNG CHÙM NHO TỪ CANAAN

Những người Do Thái ở lại trong lều trại của họ trước Mount Sinai gần một năm, trong khi họ xây dựng nơi ở tạm gọi là Tabernacle và nghiên cứu những điều luật của Chúa đã ban cho Moses. Cuối cùng đám mây trên Tabernacle đã bay đi hết, mọi người biết rằng đây là dấu hiệu để họ phải ra đi. Họ đã rời bỏ Tabernacle và những căn lều để hành trình dài nhiều ngày về vùng đất Canaan.

Cuối cùng họ đến được vùng ngoại ô giữa hai vùng sa mạc và Canaan, gọi là Kadesh. Họ đã dừng lại và nghỉ ở đây để tìm cỏ và nước uống cho đàn thú nuôi. Trong lúc chờ đợi tại Kadesh, họ đã cầu mong sớm đến được vùng đất mà ở đó sẽ là nhà của họ. Đức Chúa đã bảo Moses cho một vài người đàn ông đi trước để thăm dò vùng đất này sau đó trở về thông báo những điều họ đã tìm thấy trên đường đi; đất đai ở đó, những giống cây trồng và cả con người sống ở đó như thế nào. Những người Do Thái sẽ dễ dàng tìm được những vùng đất tốt nhờ vào những người đi thăm dò. Họ có thể hướng dẫn và chỉ ra những nơi tốt nhất để mọi người có thể đến được.

Thế là Moses chọn ra những người đàn ông tốt nhất, mạnh mẽ nhất. Tất cả có mười hai người, cai trị mười hai bộ tộc. Một trong số những người này là Joshua, người đã giúp đỡ Moses coi sóc mọi người và một người khác là Caleb, người thuộc về bộ tộc Judah. Mười hai người đàn ông này đi thưởng ngoạn khắp những ngọn núi vùng Canaan và nhìn những thành phố cũng như những cánh đồng. Trong đó có một nơi trước khi trở về lều trại, họ đã cắt một chùm nho chín. Chùm nho ấy lớn đến nỗi phải hai người trong số họ, sử dụng đòn gánh mới mang về được. Họ đặt tên cho vùng đất mà họ đã tìm ra giống nho lớn và mang về đó là Eshcol, chữ này có nghĩa là "một chùm". Mười hai người đàn ông này được gọi là spies[1], bởi vì họ đã đến và tìm ra vùng đất này; sau đó bốn mươi ngày họ trở về cắm lều trại và đây là lời phát biểu của họ, họ nói:

"Chúng ta đã du hành khắp nơi và đã tìm ra một vùng đất giàu có. Có cỏ và thức ăn để nuôi đàn cừu, có những cánh đồng để gieo trồng lương thực và có những loài cây nhiều quả những dòng suối chảy dưới chân đồi. Nhưng chúng ta phải biết rằng, những người sống ở vùng đất này là những người đàn ông rất mạnh mẽ và họ biết chiến thắng. Họ có thành phố với thành lũy cao đến tận mây xanh, có những người đàn ông cao lớn lực lưỡng đến nỗi khi đứng bên cạnh họ chúng ta cảm thấy mình chỉ như những con châu chấu".

Một người trong số mười hai thủ lĩnh, anh ta tên là Caleb, nói: "Tất cả điều ấy là đúng,

vì vậy chúng ta sợ gì mà không đứng lên để chiếm ấy vùng đất này. Đây là vùng đất tốt, xứng đáng phải đấu tranh; Chúa luôn bên cạnh chúng ta và Ngài sẽ giúp chúng ta chiến thắng những người ấy".

Nhưng ngoại trừ Joshua, tất cả những người thủ lĩnh khác đều nói: "Không, không cần vô ích để chiến thắng những người đàn ông mạnh mẽ ấy. Chúng ta không bao giờ có thể có những thành phố với thành lũy ấy và chúng tôi cũng không đủ đũng khí để đánh nhau với những người khổng lồ cao lớn ấy".

Những người đi cùng trong chuyến hành trình đến đây, họ cảm thấy sợ hãi bởi những lời nói của mười spices ấy bây giờ, ngay cả vùng ngoại ô Canaan, họ còn không dám vào đó. Họ quên rằng Chúa Trời đã dẫn dắt họ ra khỏi Ai Cập, bảo vệ họ thoát khỏi sự hiểm nguy của sa mạc, đã cho họ nước suối và bánh mì và họ đã quên chuyện Chúa Trời đã dạy luật lệ cho họ từ trong rừng núi.

Tất cả những đêm ấy, sau khi những người spices phát biểu ý kiến của họ, mọi người đều lo sợ không thể nào ngủ được. Họ kêu gào và phản đối Moses, họ trách Moses vì Moses đã đưa họ đi khỏi vùng đất Ai Cập. Họ đã quên những chuyện rắc rối ở Ai Cập, quên hết những công việc nặng nhọc của cuộc đời nô lệ và họ kiên quyết đòi trở về vùng đất cũ. Họ nói:

"Chúng ta hãy chọn một người khác lãnh đạo thay cho Moses, ông ta đã mang lại cho chúng ta tất cả những tai hại này và chúng ta hãy quay về Ai Cập!".

Nhưng Caleb và Joshua, hai trong số mười hai thủ lĩnh phát biểu: "Tại sao chúng ta phải sợ? Vùng đất Canaan là một vùng đất tốt, rất nhiều sữa bò và mật ong. Nếu Chúa Trời là bạn và ủng hộ chúng ta, chúng ta có thể dễ dàng chiến thắng những người ở đây. Vượt lên trên tất cả, chúng ta hãy không lùi bước, hãy tin đức Chúa, hãy vâng lời người".

Thế nhưng sau đó, mọi người đã rất bực tức Caleb và Joshua, họ đã toan lấy đá để ném chết hai người này. Nhưng rồi đột nhiên mọi người nhìn thấy một hiện tượng kỳ lạ. Đức Chúa vinh quang mà mọi người đã đặt ở bàn thờ trong phòng của ngôi nhà tạm bỗng nhiên phát ra ánh hào quang chiếu thẳng ra cửa Tabernecle.

Sau đó, đức Chúa vinh quang đã bảo với Moses, ngài nói, "Đã bao lâu rồi mọi người này không tuân lời ta và khinh bỉ ta? Họ sẽ không đến được vùng đất lành mà ta đã hứa khả cho họ. Không một ai trong họ sẽ đến đây, ngoại trừ Caleb và Joshua, họ đã đặt niềm tin ở ta. Tất cả những người độ tuổi hai mươi và lớn hơn hai mươi sẽ chết

trong vùng đất sa mạc. Sau đó con cái của họ sẽ trưởng thành ở nơi hoang dã, khi bọn chúng lớn lên sẽ được vào vùng đất mà trước đây ta đã hứa khả cho những người cha của họ. Dân tộc của các ngươi sẽ không có danh tiếng trên mảnh đất ta dành cho các ngươi. Bây giờ, hãy trở lại sa mạc và ở đó cho đến khi chết. Sau khi các ngươi chết, Joshua sẽ dẫn dắt con cái của các người về vùng đất Canaan. Bởi vì Caleb thể hiện một tinh thần khác biệt, hợp với ý ta, nghe theo lời ta, Caleb sẽ sống trong vùng đất này và sẽ có nhà cửa ở đó. Ngày mai, hãy trở về sa mạc theo con đường của vùng biển đỏ.

Sau đó đức Chúa Trời bảo Moses rằng, những thủ lĩnh sẽ ở vùng đất Canaan trong vài ngày, hãy xem họ sẽ trở về vùng đất hoang dã; con hãy để họ sống trong sa mạc bốn mươi năm thay vì trở về vùng đất hứa ngay.

Khi Moses thuật lại tất cả những lời Chúa thì mọi người cảm thấy buồn hơn trước. Họ lập tức thay đổi suy nghĩ một cách ngẫu nhiên như họ đã từng toan tính trong thời gian trước đó.

“Không”, tất cả bọn họ phát biểu, “Chúng tôi sẽ không trở về vùng hoang mạc; chúng tôi sẽ thẳng tiến đến vùng đất trù phú đó, sẽ chiến đấu và chiếm lĩnh nó như lời Joshua và Caleb đã nói”.

“Các người không được đến lãnh thổ này”, Moses nói.

Nhưng mọi người đã không nghe theo lời của Moses. Họ đi lên núi và cố gắng tiến vào vùng lãnh thổ phía trước như đã dự định. Nhưng vì không có người lãnh đạo, không có kinh nghiệm nên họ đã trở lên rất lộn xộn. Sau đó, một bộ phận người dân ở vùng đất này là người Canaan và người Amorites, tiến xuống đánh đuổi và giết chết nhiều người. Thế là, họ trở nên chán nản vì bị đánh đuổi, họ quyết định nghe lời đức Chúa và Moses, một lần nữa trở về vùng sa mạc.

Sau đó, trong vùng sa mạc Paran thuộc miền Nam xứ Canaan, những đứa con của người Do Thái ở lại đây gần bốn mươi năm, tất cả cũng vì họ không tin tưởng Chúa.

[1] Spies: Những người thăm dò.

GIDEON VÀ BA TRĂM NGƯỜI LÍNH

Cuối cùng rồi những người Do Thái cũng đến được vùng đất hứa, nhưng họ đã làm nhiều điều ác nên đức Chúa bắt họ phải chịu khổ cực vì những lỗi lầm của họ. Một lần, những người Midian sống gần sa mạc ở phía Đông vùng đất của người Do Thái, đã đến gây chiến với các bộ lạc. Hai bộ lạc phải chịu định mệnh hà khắc là Ephraim và bộ phận người phía tây Jordan. Trong vòng bảy năm, năm nào họ cũng đến càn quét đúng vào dịp mùa màng, họ mang đi tất cả những lương thực mà người Do Thái thu hoạch được, mãi cho đến khi người Do Thái không còn lương thực để sống và chẳng còn những đàn cừu và vật nuôi. Người Midian cũng mang vô số bò cừu, lạc đà đến và ăn hết những cánh đồng cỏ của người Do Thái.

Dân tộc Do Thái bị đuổi khỏi làng mạc và trang trại của họ và bị ép buộc phải trốn vào các hang động trong núi.

Một hôm, một người đàn ông tên là Gideon, khi đang đập lúa mì ở một nơi kín đáo thì anh ta thấy một thiên thần ngồi dưới gốc cây sồi. Vị thiên thần nói với anh ta: "Người là một người đàn ông dũng cảm, Gideon ạ, đức Chúa sẽ ở nơi ngươi. Hãy dũng cảm ra đi và cứu vớt mọi người ra khỏi sự thống trị của những người Midian". Gideon trả lời đến vị thiên thần:

"Ôi, đức Chúa, làm thế nào con có thể cứu được người Do Thái? Gia đình con là một gia đình nghèo ở vùng Manasseh và con là đứa con út của gia đình".

Đức Chúa nói với cậu ta: "chắc chắn ta sẽ cùng với con, sẽ giúp đỡ con thoát khỏi những người Midian".

Gideon cảm nhận được điều mà đức Chúa đã hoá thân như một thiên thần để nói với mình. Cậu ta mang những phẩm vật dâng lên trước vị thiên thần. Thế rồi vị thiên thần đã đón lấy vật cúng đường bằng chiếc gậy của mình. Đột nhiên có một ngọn lửa vụt qua và bốc cháy trên những vật dâng cúng của Gideon và thoạt nhiên vị thiên thần biến mất trong sự quan sát của Gideon. Gideon cảm thấy ghê người khi nhìn thấy cảnh tượng đó, nhưng rồi đức Chúa bảo với anh ta: "Thanh bình sẽ đến với con, Gideon đừng sợ gì ta luôn ở bên con".

Ngay tại nơi đức Chúa đã xuất hiện để gặp gỡ Gideon, dưới gốc cây sồi, cạnh làng Opharh, vùng đất của bộ lạc Mabasseh, Gideon dựng lên một bàn thờ và gọi tên bằng một từ có nghĩa là: "Đức Chúa thanh bình". Bàn thờ này đã tồn tại trong một thời gian

dài ở đó.

Đức chúa đã dạy Gideon rằng; trước khi cứu dân tộc của mình thoát khỏi những người Midian, Gideon phải đưa họ thoát ra khỏi sự thờ phụng Baal và Asherah, hai thần linh và bọn họ đang tôn thờ. Gần ngôi nhà của gia đình Gideon cũng có dựng hai bàn thờ để thờ cúng hai vị thần Baal và Asherah.

Trong đêm ấy, Gideon đến chỗ mười người đàn ông kia, ném bỏ những bức ảnh của Baal và cắt những bức ảnh của Asherah ra thành từng mảnh nhỏ, sau đó phá huỷ bàn thờ hai vị thần này. Và tại đó, ông ta cho dựng lên những bàn thờ để thờ phụng đức Chúa của người Do Thái. Sau đó họ lấy những thứ mà họ đã phá để làm nhiên liệu thiêu một con bê làm vật phẩm cúng tế.

Sáng sớm hôm sau, khi mọi người trong làng đi đến bái lạy những thần linh, họ phát hiện những mảnh giấy bị cắt, chỗ thờ phụng cũng bị ném đi, thay vào đó là bàn thờ đức Chúa và trên đó, những mảnh vụn từ bức ảnh của Asherah đang cháy như một sự hy sinh để cúng dường đức Chúa. Mọi người nhìn những Thần linh bị đốt cháy, họ liền bảo: "Ai đã làm điều này?".

Một người nào đó nói: "Gideon, con trai của Joash, đã làm tối hôm qua".

Thế là mọi người tập trung đến chỗ cha Gideon, tức là ông Joash, họ nói:

"Chúng tôi sẽ đi tìm và giết con trai của ông, bởi vì hắn đã huỷ hoại di ảnh của Baal, Ngài là Thượng Đế của chúng ta".

Và Joash, cha của Gideon nói: "Nếu Baal là Thượng Đế thì ông ta có thể chăm sóc chính mình và trừng phạt người nào phá hoại hình ảnh ông ta. Tại sao các ngươi lại giúp Baal? Hãy để Baal tự làm điều đó".

Và khi họ nhận ra Baal không thể làm hại người đàn ông đã phá huỷ bàn thờ và di ảnh của ông ta, mọi người đều chuyển từ việc phụng thờ Baal sang phụng thờ đức Chúa.

Gideon bảo những sứ giả đi khắp Manasseh trên vùng phía tây của Jordan và những bộ lạc gần phía bắc, cùng với những người thống lĩnh những bộ lạc khác tụ tập lại, với giáo mác, đao gươm nhưng số lượng rất ít vì người Do Thái chưa sẵn sàng để chiến đấu. Họ gặp nhau để họp bàn bên cạnh con suối lớn tại vùng Mount Gilboa, được gọi là "Dòng suối Harod". Mount Gilboa là một trong ba ngọn núi nằm ở phía bắc của vùng đồng bằng Esdraelon, hoặc là đồng bằng Jezreel. Ở đó đã một lần xảy ra một

trận đánh lộn. Trên đồng bằng, trải dài đến các vùng ven của những đỉnh núi này được gọi là "Đồi Moreh" là nơi đóng trại của một quân đội hùng mạnh của người Midian. Không bao lâu, những người Midian đã nghe tin Gideon đã cam đoan rằng ông ta sẽ giải cứu dân tộc của mình, họ đến chống lại ông ta với một đạo quân hùng mạnh.

Gideon là một người đàn ông rất tự tin. Ông ta ước ao được Chúa dẫn dắt và ông ta đã cầu nguyện đến Chúa, ông ta nói:

"Ôi đức Chúa đáng kính, hãy cho con một dấu hiệu rằng liệu con có thể cứu thoát những người Do Thái hay không. Đây là một ít lông cừu con đặt trên sàn. Nếu ngày mai, những lông cừu này bị ướt đẫm sương trong khi cỏ cây bên ngoài là khô ráo, điều đó chứng tỏ rằng người luôn ở bên con và người sẽ cho con chiến thắng người Midian".

Sáng sớm hôm sau, Gideon đến xem những chiếc lông cừu. Anh ta phát hiện nó ướt đẫm sương, trong khi cỏ cây bên ngoài vẫn còn khô ráo. Nhưng rồi Gideon vẫn chưa thoả mãn, anh ta nói với đức Chúa:

"Lạy Chúa, đừng giận dữ với con, nhưng con muốn thấy thêm một dấu hiệu nữa. Sáng sớm ngày mai, ngài hãy để những chiếc lông cừu khô ráo và những giọt sương bao quanh những sợi lông này. Như thế con sẽ không còn nghi ngờ nào nữa".

Sáng hôm sau, Gideon phát hiện thấy cỏ, cây và những bụi rậm ướt đầy sương, trong khi những chiếc lông cừu vẫn khô ráo. Gideon đã có thể tin chắc rằng đức Chúa đã chứng nghiệm lời cầu của mình và tin rằng Chúa sẽ mang vinh quang về cho những người Do Thái.

Đức Chúa bảo Gideon: "Quân đội của con rất lớn. Nếu những người Do Thái chiến đấu dũng mãnh và vinh quang thì họ sẽ nói rằng: Hãy quên đi hết thảy những sợ hãi, chúng ta sẽ chiến thắng nó bằng sức mạnh của chính mình".

Vì có nhiều người sợ hãi không dám chiến đấu khi họ nhìn thấy đạo quân hùng mạnh và đức Chúa biết rằng những người đàn ông này chỉ gây trở ngại cho việc chiến đấu trên chiến trường. Thế nên, Gideon đã bảo họ quay về trang trại:

"Những ai sợ chiến tranh thì hãy quay về nhà". Hai mươi hai nghìn người đã bỏ về và quân đội của Gideon giờ đây chỉ còn lại mười nghìn người. Nhưng đối với quân đội dù ít nhưng tinh nhuệ thì vẫn hơn đông người mà ô hợp, vì những người hèn nhát đã bỏ đi, chỉ còn lại những người dũng cảm thiện chiến.

Nhưng sau đó, đức Chúa đã bảo với Gideon: "Mọi người vẫn còn quá nhiều. Con chỉ cần một ít người dũng cảm thiện chiến để chiến đấu trên chiến trường thôi. Hãy mang những người đàn ông xuống núi, băng qua sông và ta sẽ chỉ cho con cách để chọn ra những người đàn ông dũng cảm nhất".

Vào buổi sáng, Gideon tuân theo lời Chúa dẫn mười nghìn người đàn ông xuống núi và băng qua ngọn đồi, những người đàn ông cứ tưởng họ đang đi tấn công kẻ thù. Họ đến bên dòng nước, ông ta chú ý xem họ uống nước như thế nào sau đó xếp họ thành hai nhóm, tuỳ thuộc vào cách uống nước của họ.

Khi họ đến bên dòng nước, phần lớn những người đàn ông ném những bao kiếm và giáo mác sang một bên và quỳ chân xuống múc nước bằng hai bàn tay bụm lại như một chiếc cốc. Những người làm như thế Gideon lệnh cho họ đứng về một nhóm.

Còn lại một số người không dừng hẳn để múc nước uống theo kiểu những người kia. Họ vừa mang binh khí bằng tay phải, sẵn sàng chiến đấu nếu kẻ thù bất chợt tấn công, họ chỉ múc một nhúm nước uống và tiếp tục hành trình, họ uống nước bằng một tay. Đức Chúa bảo với Gideon:

"Hãy chọn những người uống nước bằng một tay. Họ là những người mà con có thể chọn để chiến đấu mang lại tự do cho người Do Thái".

Gideon đếm những người đàn ông uống nước theo kiểu này và phát hiện ra rằng chỉ có ba trăm người trong số mười nghìn người đi theo. Sự khác biệt giữa họ là ba trăm người đàn ông này là những người đàn ông mạnh mẽ, cùng mục đích; họ không lơ là nhiệm vụ ngay cả khi uống nước, khác với những người khác. Họ mới thực sự là những người cảnh giác, đặt mục đích chiến đấu lên hàng đầu.

Thế là Gideon theo lời của Chúa, lệnh cho mọi người nghỉ ngơi ở doanh trại trên vùng Mount Gilboa, gần mười nghìn người, ông ta chỉ giữ lại cho đoàn quân của mình ba trăm người.

Kế hoạch của Gideon không cần đến một đội quân lớn; nhưng điều cần thiết là phải chọn ra những người đàn ông thận trọng, dày dặn, làm người lãnh đạo cho đội quân của họ. Gideon phân phát cho mỗi người một cây đèn, một cái phễu rót nước và một cái kèn và bảo với những người đàn ông sử dụng những thứ đó như thế nào. Ngọn đèn là để thắp sáng, nhưng đặt nó trong cái phễu thì sẽ không bị phát hiện. Ông ta chia đội quân của mình thành ba nhóm và dẫn họ xuống núi vào lúc nửa đêm một cách thầm lặng, sau đó bố trí cho họ xếp quân xung quanh doanh trại của người

Midian.

Chỉ một lát sau, một tiếng động lớn vang lên trong đêm tối và sau đó là tiếng loảng xoảng của những cái phễu vỡ và những ánh đèn rực sáng khắp nơi. Ba trăm người đàn ông cùng hét vang, họ đập vỡ những chiếc phễu của họ, rồi những ngọn đèn loé sáng lên. Những người đàn ông thổi những chiếc kèn họ đang cầm, phát ra những âm thanh rất lớn; những người Midian đang say giấc nồng, bỗng thấy kẻ thù xuất hiện bao vây họ, những ánh đèn rực rỡ và gươm đao chói loà và tiếng kèn rộn lên inh ỏi khắp nơi.

Họ bị bao vây bằng sự đột kích bất ngờ và chỉ nghĩ đến sự chạy trốn, không thể đánh lại được, nhưng họ tháo chạy đến đâu thì ở đấy kẻ thù cũng đã đợi sẵn với gươm giáo chỉnh tề. Họ trốn chạy và giẫm đạp lên nhau bất kể sống chết để trốn thoát khỏi những người Do Thái. Vùng đất của họ dọc từ phía Đông, ngang qua dòng sông Jordan, họ đã chạy theo phương hướng đó, chạy xuống một trong những thung lũng giữa những ngọn núi.

Gideon nghĩ rằng, những người Midian sẽ chạy đến vùng đất của họ, nếu họ bị đánh thua trận trên chiến trường và ông ta đã lập kế hoạch chuẩn bị đánh chặn đường rút chạy của họ. Mười nghìn người đang ở trong doanh trại mà ông ta đã cho dựng bên sườn thung lũng dẫn đến Jordan. Ở đó họ đã tàn sát rất nhiều người Midian khi họ chạy trốn băng qua dòng sông. Sau đó, Gideon hạ lệnh cho những người thuộc bộ tộc Ephraim, đến đó để chiếm giữ những vùng đất không bị chiến tranh, đóng đô tại những dòng sông mà mọi người có thể lội qua được. Những người Midian chạy trốn khỏi sự truy đuổi của quân đội Gideon cũng đến bên sườn thung lũng và ở đây họ gặp những người Ephraim đang đóng bên dòng sông, thế là nhiều người trong số họ đã bị những người Ephraim giết chết. Trong số những người bị giết có hai vị hoàng tử của người Midian tên là Oreb và Zeeb.

Một bộ phận quân đội Midian đã vượt được qua sông và tiếp tục trốn chạy về hướng sa mạc nhưng Gideon và ba trăm người lính dũng cảm đã đuổi theo, bám sát và chiến đấu với họ, quân đội Gideon đã huỷ diệt hoàn toàn quân địch, bắt hai vị vua là Zebah và Zalmunna. Sau cuộc chiến, người Do Thái đã vinh quang thoát khỏi ách thống trị của người Midian. Và người Midian không bao giờ dám rời bỏ vùng sa mạc của mình để chiến đấu với các bộ lạc Do Thái nữa.

Sau này, cho đến khi Gideon còn sống, ông ta đã cai trị như một lãnh tụ của người Do Thái. Mọi người đều tôn sùng và xem ông ta như một vị quốc vương.

“Hãy thống trị chúng tôi như một vị vua”, họ nói: “Hãy truyền ngôi vua cho con trai

của người, con trai người sẽ là vị vua kế nghiệp người".

Nhưng Gideon nói:

"Không, các người đã sẵn có một vị vua rồi, vì đức Chúa là Vua của dân tộc Do Thái chúng ta. Không người nào khác ngoài Chúa, là vị vua của bộ tộc này".

Cả thảy có mười lăm người cai trị đất Do Thái, thì Gideon, người cai trị thứ năm là người vĩ đại nhất, can đảm, thông minh tài trí và có đức tin với Chúa Trời.

SAMSON - NGƯỜI ĐÀN ÔNG MẠNH MẼ

Bây giờ, chúng ta tìm hiểu ba vị thống lĩnh, lần lượt cai trị đất Do Thái. Họ là Ibzan, Elon và Abdon. Không có bất kỳ cuộc chiến tranh nào khi họ thống trị đất Do Thái và thời kỳ họ thống trị là thời kỳ lãnh thổ được yên bình.

Nhưng rồi, người Do Thái lại bắt đầu tôn thờ các thần linh; sau đó đức Chúa đã hơn một lần trừng phạt họ phải chịu sự thống trị của kẻ thù. Cuộc tấn công đàn áp người Do Thái lần thứ bảy là một cuộc đàn áp gian nan và lâu dài nhất, rộng khắp hơn tất cả các cuộc đàn áp khác, nó diễn ra khắp tất cả các bộ lạc. Bắt đầu từ người Philistine, một nhóm người dũng mãnh thiện chiến sống ở bờ Tây lãnh thổ Do Thái trên vùng biển lớn. Họ thờ tượng thần được gọi là Dagon, tượng thần được làm có hình dạng như một cái đầu cá trên một cái đầu người.

Những người Philistine lệnh cho quân đội của họ tiến đóng tại vùng đồng bằng duyên hải Do Thái và trán khắp tất cả lãnh thổ. Họ cướp đi tất cả giáo mác gậy gộc của người Do Thái, vì thế mà những người này không thể chiến đấu được. Họ cướp đất đai, mùa màng, khiến cho những người Do Thái không còn cái để ăn. Và như trước đây, người Do Thái một lần nữa lại lâm vào tình trạng khó khăn bối rối, họ khóc lóc cầu xin đức Chúa và đức Chúa đã nghe họ cầu nguyện.

Trong lãnh thổ bộ lạc Dan, nằm cạnh vùng đồng bằng của người Philistine có một người đang sinh sống ở đó tên là MaNoah. Một ngày nọ có một thiên thần đến và bảo với vợ ông ta:

"Ngươi sẽ có con trai và khi đứa bé lớn lên nó sẽ là người cứu vớt người dân Do Thái khỏi sự thống trị của người Philistine. Nhưng con trai của ngươi không được uống bất kỳ thứ rượu nào. Con phải để tóc của con trai con dài và không được cắt, vì cậu ta sẽ là một Nazarite với lời thề đến với đức Chúa".

Khi đứa bé được hứa khả tới Chúa, hoặc khi một người đàn ông làm một việc gì đó cho Chúa, cậu ta phải bị cấm không được uống rượu[1], tóc của cậu ta dài chứng tỏ được lời thề hoặc lời hứa của Chúa tới cậu ta. Một người có những đặc điểm như thế được gọi là Nazarite[2] và đứa trẻ của MaNoah là một Nazarite thực thụ đã sống bằng một lời nguyền trong suốt cuộc đời.

Đứa bé được sinh ra và được đặt tên là Samson. Cậu ta lớn lên và trở thành người đàn ông mạnh mẽ nhất mà Kinh Thánh đề cập. Samson đại để không như Gideon hay

Jephthah, hai người đó sinh ra để lãnh đạo dân tộc của mình và dẫn dắt họ trong chiến tranh để đem lại tự do cho dân tộc, còn mọi thứ Samson làm đều bằng chính sức mạnh của mình.

Khi Samson trưởng thành, anh ta đã đến Timnath, thuộc vùng đất của người Philistine. Ở đó cậu ta gặp một người phụ nữ Philistine trẻ tuổi, anh ta đã yêu và muốn cưới cô ấy làm vợ. Cha mẹ anh ta phản đối việc anh ta muốn cưới một người con gái thuộc dòng tộc kẻ thù làm vợ. Họ không biết rằng đức Chúa đã sắp xếp chuyện hôn nhân này. Cuộc hôn nhân sẽ mang lại nhiều bất lợi cho người Philistine và lợi ích cho người Do Thái.

Khi Samson đi đến Timnath để gặp người phụ nữ trẻ thì gặp một con sư tử xuống núi, nó gầm vang và muốn vồ lấy cậu ta. Samson mạnh mẽ tóm lấy chú sư tử và xé nát nó ra thành từng mảnh một cách dễ dàng như giết chết một con dê con và thế là anh ta tiếp tục đi. Anh ta hoàn thành chuyến đi của mình rồi trở về nhà mà không nói gì đến chuyện giết chết con sư tử.

Sau một thời gian, Samson lại phải đến Timnath để cưới người phụ nữ Philistine. Trên đường đi, anh ta dừng lại chỗ mà anh ta đã giết chết con sư tử; anh ta phát hiện một bầy ong và mật ong do những con ong tạo ra. Anh ta lấy một ít mật ong, vừa đi vừa ăn nhưng không nói chuyện này với ai.

Hôn lễ của Samson và người phụ nữ trẻ Philistine được tổ chức kéo dài suốt một tuần lễ, có cả những người đàn ông Philistine, họ cùng nhau vui thú bằng những câu hỏi và những câu đố.

“Tôi sẽ đưa ra cho mọi người một câu đố”, Samson nói. “Nếu ai trả lời được ngay trong buổi tiệc này, tôi sẽ thưởng cho người đó ba mươi bộ quần áo; còn nếu không thể trả lời được các bạn phải cho lại tôi ba mươi bộ quần áo”. “Chúng ta hãy nghe câu đố”, họ nói, “và đây là câu đố của Samson”.

“Người ăn đến trước thịt hay thịt đến trước người ăn và sức mạnh đến trước sự ngọt ngào hay là sự ngọt ngào đến trước sức mạnh”.

Mọi người không thể tìm ra lời giải đáp, mặc dầu họ cố gắng suy nghĩ trong suốt cả ngày. Và cuối cùng họ đến chỗ người vợ của Samson và nói với cô ta: “Hãy dỗ dành chồng của cô và hỏi câu trả lời, sau đó bảo với chúng tôi. Nếu cô không tìm ra được câu trả lời thì chúng ta sẽ đốt nhà cô, thiêu sống cô và gia đình cô”.

Vợ Samson thúc giục chồng mình để anh ta nói ra câu trả lời. Cô ta khóc và nài nỉ với

chồng mình, cô nói:

“Nếu anh thực lòng yêu em thì anh không thể giấu em điều gì cả”.

Rốt cuộc Samson cũng nhường nhịn vợ, anh ta nói với vợ mình anh ta đã giết con sư tử như thế nào và tìm ra mật ong trên cơ thể nó. Cô ta bảo với những người của cô ta và trước khi kết thúc buổi tiệc, họ đến chỗ Samson cùng với câu trả lời. Họ nói:

“Cái gì ngọt ngào hơn mật ong? Và cái gì mạnh hơn sư tử?”. Và Samson nói với họ:

“Nếu các bạn không có cày và bò cái non, bạn không thể tìm ra câu giải đáp cho câu đố mà ta đưa ra”.

Samson muốn ám chỉ vợ mình, vợ anh ta đã nói lời giải đáp cho những người Philistine. Thế là Samson bị người ta đòi phải đưa cho họ ba mươi bộ quần áo. Cậu ta đi ra giữa những người Philistine, giết chết lần lượt ba mươi người và lột quần áo của họ, sau đó đưa chúng cho những vị khách trong lễ hội. Tất cả điều đó đã làm Samson rất giận dữ. Anh ta rời bỏ vợ mình và quay trở về nhà. Thế rồi cha mẹ của người vợ mà Samson sắp cưới đã gả cô ta cho người đàn ông khác.

Nhưng rồi sau khi cơn giận dữ qua đi, Samson quay trở lại Timnath để gặp vợ mình. Nhưng cha của cô ta nói với chàng:

“Ngươi đã giận dữ bỏ đi và ta coi như ngươi không thể trông nom được cho con gái ta. Ta đã gả con gái ta cho người đàn ông khác và giờ nó đã là vợ của người khác rồi. Còn đây là em gái của cô ấy, ngươi có thể cưới cô em làm vợ thay vì cưới cô chị”.

Nhưng Samson đã không cưới em gái của vợ mình. Anh ta lại ra đi trong cơn giận dữ; anh ta nhất quyết tàn hại những người Philistine bởi vì họ đã lừa anh ta. Anh ta bắt tất cả những con cáo trên đường mà anh ta nhìn thấy cho đủ số lượng ba trăm con. Sau đó anh ta buộc đuôi những con cáo lại với nhau thành từng đôi và giữa mỗi một đôi anh ta buộc vào chỗ đuôi của chúng một thanh củi khô và anh ta châm lửa đốt cháy. Anh ta thả đôi cáo buộc đuôi nhau với thanh củi đang cháy dở, cho chúng chạy tung toé vào giữa những cánh đồng của người Philistine đang trong mùa thu hoạch. Những con cáo chạy tán loạn vào khắp các cánh đồng, chúng mang ngọn lửa đi khắp nới, thiêu rụi toàn bộ những cánh đồng và cây ôliu.

Khi những người Philistine phát hiện những cánh đồng của họ đã bị phá huỷ, họ đã hỏi: “Ai đã làm việc này?”.

Và mọi người đều trả lời, “Samson đã làm việc đó, bởi vì vợ cậu ta đã bị cha cô ấy gả cho một người đàn ông khác”.

Những người Philistine xem cha vợ Samson là nguyên nhân của mọi sự mất mát; nên họ đã đốt nhà ông ta, thiêu chết ông ta cùng với cô con gái mà Samson đã cưới. Samson đã trở lại và một mình đấu tranh với cả nhóm người Philistine, anh ta đã giết chết những người đó và coi đó là sự trả giá cho việc họ đã thiêu chết vợ anh ta.

Sau đó Samson đến ở một nơi rộng rãi được dựng lên bằng đá, được gọi là đá của Etam. Những người Philistine đã tấn công bằng một lực lượng quân đội cực lớn, họ tràn qua những cánh đồng thuộc lãnh thổ của bộ lạc Judar.

“Tại sao các anh lại tiến đánh chúng tôi?”, những người Judar hỏi, “Các anh muốn gì ở chúng tôi?”.

“Chúng ta đến”, họ nói, “để thương lượng với Samson và để thoả thuận với ông ta cùng phân chia với chúng tôi”.

Những người trong bộ lạc Judar nói lại với Samson:

“Anh có biết rằng người Philistine đang thống trị chúng ta không? Tại sao anh giết người của họ để họ giận dữ? Anh có biết rằng chúng tôi phải chịu khổ cực vì hành động tàn ác của anh không? Bây giờ chúng tôi trói anh lại và giao anh cho những người Philistine, hoặc là họ sẽ huỷ hoại tất cả chúng ta”.

Samson nói: “Tôi sẽ để cho các anh trói tôi nếu các anh hứa là không giết tôi và bảo đảm anh toàn cho tôi trong tay những người Philistine”.

Họ đã hứa và Samson tự đưa tay mình để họ trói lại. Họ trói Samson bằng những sợi dây thừng mới. Những người Philistine hét lên vì sung sướng khi thấy kẻ thù bị trói bằng những sợi dây thừng và được dâng đến cho họ. Nhưng rồi ngay khi Samson đến chỗ những người Philistine, ông ta bật tung những sợi dây trói và nhặt một mảnh xương hàm của con lừa từ dưới nền đất, anh sử dụng nó như một chiếc gươm sắt nhọn. Anh ta đã giết gần một nghìn người Philistine bằng một loại vũ khí lạ thường đó. Sau rồi anh ta hát vang bài hát chiến thắng:

“Chỉ bằng một chiếc hàm lừa,

Đống này chồng đống kia,

Chỉ bằng một chiếc hàm lừa,

Ta giết cả nghìn thây..".

Sau này Samson đi xuống thành phố lớn của những người Philistine, thành phố đó có tên là Gaza. Đó là một thành phố lớn và như tất cả những thành phố lớn khác, xung quanh có thành lũy cao ngất trời. Khi những người ở dãy Gaza phát hiện Samson trong thành phố, họ đóng cửa thành lại và nghĩ rằng sẽ bắt bỏ tù Samson. Nhưng vào ban đêm, Samson đã dậy và đi đến cổng thành, kéo những cột trụ của cửa thành ra khỏi nền đất và để lên vai mình. Anh ta mang những cánh cổng của thành phố về đỉnh núi, cách thành phố Hebron không xa.

Sau đó, Samson gặp một người phụ nữ Philistine khác và anh ta đã đem lòng yêu cô gái ấy. Tên của người phụ nữ đó và Delilah. Những thủ lĩnh người Philistine đến gặp Delilah và nói với cô ấy:

"Nếu có thể, cô hãy tìm hiểu xem điều gì đã làm cho Samson có được sức mạnh như thế và nói điều đó với chúng tôi. Nếu cô giúp đỡ chúng tôi điều khiển được anh ta, chúng ta sẽ có được sức mạnh của anh ta, chúng tôi sẽ cho cô một khối tiền lớn".

Delilah nài nỉ Samson nói cho cô ta điều gì làm nên sức mạnh của anh ta. Samson nói vôi cô ta:

"Nếu họ trói ta bằng bảy cành cây non thì ta sẽ không còn sức mạnh nữa".

Họ tìm cho Delilah bảy cành cây non, mềm như những cành liễu nhỏ; cô ta dùng những cành cây đó trói Samson trong khi anh ta đang ngủ: Và cô ta gọi:

"Dậy đi Samson, nhũng người Philistine đang tấn công anh kìa!".

Samson bừng tỉnh và làm gãy những cành cây non dễ dàng như đốt chúng trong ngọn lửa rồi vứt chúng đi một cách nhẹ nhàng.

Sau lần ấy, Delilah vẫn cố gắng tìm điều bí mật của Samson. Cô ta nói:

"Anh chỉ biết đùa em thôi. Bây giờ hãy nói với em làm sao để có thể trói được anh?'. Và Samson nói:

"Để trói được ta thì phải dùng những sợi dây thừng mới, những sợi dây đó phải chưa được sử dụng lần nào, thì ta không thể vùng vẫy được".

Đợi Samson ngủ say, Delilah đã trói anh ta bằng những sợi thừng mới. Thế rồi cô ta lại gọi như trước:

“Thức dậy, Samson, những người Philistine lại đến kìa!” và Samson lại bừng tỉnh dậy, những sợi dây thừng lại đứt ra một cách dễ dàng như làm đứt những sợi chỉ. Delilah một lần nữa lại hối thúc Samson nói ra bí mật của mình. Samson nói:

“Em chú ý rằng phải buộc tóc anh thành bảy mớ. Sau đó buộc bảy mớ tóc vào khung cửi và dệt chúng lại như dùng len dệt thành áo”.

Thế là đợi khi Samson ngủ, cô ta buộc tóc của anh ta vào khung cửi, nhanh chóng dệt những mớ tóc thành một mảng lớn. Nhưng khi anh ta thức dậy anh ta dễ dàng nhổ những mớ tóc của mình lên cùng với những cái chốt lớn của khung cửi, anh ta vẫn tỏ ra mạnh mẽ như trước.

Delilah lo lắng, không biết làm thế nào nữa, nàng liền nói:

“Anh đã bảo yêu thương em, thế mà bây giờ anh vẫn lừa dối em và còn giữ bí mật với em”. Thế rồi cô ta lại nài nỉ anh ta ngày này sang ngày khác và cuối cùng anh ta nhượng bộ cô ta và nói với cô ta bí mật thật sự về sức mạnh của mình. Anh ta nói:

“Anh là một Nazarite, sống dưới lời thề nguyền của Chúa, không uống rượu, không được phép cắt tóc. Nếu anh để tóc của anh bị cắt ngắn thì đức Chúa sẽ từ bỏ anh và tước đi sức mạnh của anh và anh cũng như những người khác”.

Delilah biết rằng cuối cùng mình cũng đã tìm ra bí mật thật sự. Cô ta tìm đến người thủ lĩnh Philistine và nói với họ:

“Lần này đến đây các người sẽ có được kẻ thù của mình; vì anh ấy đã nói với ta điều bí mật mà anh ấy giữ kín trong lòng bấy lâu nay”.

Thế là trong khi những người Philistine đang quan sát bên ngoài, Delilah để cho Samson ngủ và gối đầu lên chân của mình. Đợi đến khi Samson ngủ thật say và tiếng ngáy phát ra như sấm thì họ lấy dao cạo và cạo hết tóc của Samson. Delilah lại gọi Samson như mọi lần trước.

“Dậy mau Samson, những người Philistine đến bắt anh kìa”.

Anh ta tỉnh dậy nghĩ rằng mình có sức mạnh như trước; vì thoạt tiên anh ta không biết mái tóc dài mình đã bị cắt. Lời nguyền với Chúa đã bị phá hủy, đức Chúa đã từ bỏ anh

ta. Giờ đây anh ta yếu đuối như những người khác và bất lực trước kẻ thù. Những người Philistine dễ dàng bắt anh ta làm tù nhân của họ và anh ta sẽ không bao giờ còn có thể làm hại họ nữa, họ đã móc mắt anh ta. Họ buộc anh ta vào những chiếc cùm và nhốt anh ta vào nhà tù ở Gaza. Trong ngục tù, họ bắt Samson xay chiếc cối đá để nghiền thóc và như thế, anh ta trở thành thú vật của sức nặng.

Samson ở tù được một thời gian thì mái tóc của cậu ta mọc lên trở lại và sức mạnh cũng dần dần trở lại với Samson; vì Samson hồi phục lại lời thề trước Chúa.

Một ngày nọ, những người Philistine tổ chức một buổi tiệc lớn tại một Thánh đường Dagon của họ. Họ nói:

"Thượng Đế của chúng ta đã đưa Samson, kẻ thù của chúng ta vào trong tầm tay của chúng ta. Chúng ta hãy cùng nhau vui vẻ và dâng phẩm vật lên Dagon".

Mọi người tụ họp rất đông trong miếu, ước tính có đến hơn ba nghìn người cả nam lẫn nữ. Họ đưa Samson đến để diễn trò và Samson được dẫn đến trước ngôi miếu, trước tất cả mọi người để làm trò tiêu khiển. Sau một lúc Samson nói với cậu bé đang dẫn cậu ta đi:

"Mang ta đến trước ngôi miếu, để tôi đứng bên cạnh một trong những chiếc cột chống đỡ, tôi có thể nhổ nó lên".

Khi Samson đứng giữa hai chiếc cột chống đỡ, ông ta cầu nguyện:

"Cầu xin đức Chúa Trời, hãy nhớ đến con, con cầu xin Người, hãy cho con sức mạnh, chỉ một lần này nữa thôi. Đức Chúa! Hãy giúp con, con sẽ có cơ hội để báo thù những người Philistine, vì họ đã làm mù hai mắt của con".

Samson đặt hai tay mình ôm lấy chiếc cột chống đỡ và anh nói: "Để ta chết với những người Philistine".

Anh ta gập mình về phía trước, dùng hết sức mạnh của mình để kéo cột chống đỡ, anh ta nhấc cột chống bên mà mọi thứ sập xuống, đè nát tất cả bên dưới. Samson tự mình làm mình chết nhưng cái chết của anh ta đã kéo theo nhiều người Philistine chết, nhiều hơn tất cả những người khác mà anh ta đã giết trong suốt cuộc đời.

Thế là nỗi khiếp sợ bao trùm hết thảy những người Philistine, những người trong bộ tộc Samson đến chỗ Samson chết tìm xác ông ta, họ mang đi và hoả táng trên lãnh thổ của họ. Sau đó nhiều năm, người Philistine lại cố gắng tìm cách thống trị người Do

Thái.

Samson đã chết nhưng ông ta mang lại tự do cho dân tộc mình; ông ta đáng ra sẽ làm được nhiều hơn thế nếu ông ta lãnh đạo dân tộc của mình thay vì chỉ biết tin tưởng vào sức mạnh của riêng mình và ông ta sẽ sống một cách nghiêm chỉnh hơn, nếu ông ta không làm những việc ác. Ông ta đã phạm những lỗi lầm lớn, nhưng vì ông ta cũng thiết cầu xin Chúa tha thứ, Chúa đã biết điều đó, Chúa sử dụng Samson để mang tự do đến cho dân tộc của anh ta.

[1] Không được uống rượu: Giới cấm

[2] Nazarite: Một người có thề nguyền

CÂU CHUYỆN VỀ NGƯỜI MÓT LÚA – RUTH

Trong thời kỳ những kẻ thống trị Do Thái, có một người tên là Elimelech đang sống ở thị trấn của vùng Bethlehem, trong bộ lạc Judah, cách Jerusalem khoảng sáu dặm về phía Nam. Vợ ông ta tên là Naomi và hai con trai của ông ta là Mahlon và Tilion. Vì một vài năm mùa màng thất bát, thức ăn trong vùng Judah trở nên khan hiếm; sau đó Elimelech cùng với gia đình đến sống tại vùng đất Moab, nằm ở phía Đông của vùng biển chết, Judah nằm ở phía Tây của vùng biển này.

Họ ở lại vùng đất ấy được mười năm và trong thời gian đó, Elimelech đã chết. Hai đứa con trai của ông ta cưới hai người phụ nữ là con dân của vùng đất Moab, một người tên là Orpah và một người tên là Ruth. Nhưng hai người đàn ông trẻ này cũng chết trên lãnh thổ Moab; thế nên Naomi và hai người con dâu trở thành những quả phụ.

Naomi nghe được rằng đức Chúa lại cho họ mùa màng bội thu và nhiều bánh trái tại vùng đất của bộ lạc Judah, vì thế sau đó cô ta đã từ vùng đất Moab muốn quay trở lại nơi quê hương của mình là thị trấn Bethlehem. Hai người con dâu rất yêu thương mẹ chồng và cả hai đều muốn cùng về với bà ta, tuy nhiên vùng lãnh thổ của bộ tộc Judah vẫn còn xa lạ với họ vì họ là những người thuộc vùng đất Moab.

Naomi bảo với họ: "Hãy về đi, các con gái, hãy trở về nhà mẹ của các con. Thượng Đế sẽ đối xử tốt với các con như các con đối xử với chồng của các con và cả với ta nữa. Đức Chúa sẽ giúp đỡ các con tìm được cho mình một người chồng mới và các con sẽ có những gia đình hạnh phúc".

Naomi hôn tạm biệt những người con dâu và ba người phụ nữ lại chia tay trong nước mắt. Hai người goá phụ trẻ bảo với mẹ chồng:

"Mẹ là một người mẹ rất tốt với chúng con, chúng con sẽ theo mẹ và sống với những người thân của mẹ".

"Không, không", Naomi nói. "Các con còn quá trẻ, mẹ thì đã già rồi. Hãy trở về và sống hạnh phúc giữa những người thân của các con".

Thế rồi Orpah hôn Naomi và trở về với dân tộc mình; còn Ruth không chịu bỏ đi. Cô ta nói:

"Đừng bảo con rời mẹ, sẽ không bao giờ con làm như thế. Mẹ đi đâu con đi đấy, mẹ

sống ở đâu con sống ở đấy; dân tộc của mẹ là dân tộc của con; đức Chúa của mẹ là đức Chúa của con. Mẹ chết ở đâu, con chết ở đó và chôn cùng với nhau. Chúng ta không cùng sinh nhưng nguyện cùng chết".

Khi Naomi thấy rằng Ruth có lập trường vững vàng bà ta không cố thuyết phục nữa; thế là hai người họ đã cùng nhau sống cuộc sống mới. Họ du hành quanh vùng biển chết và đi xuyên qua dòng sông Jordan, leo lên những ngọn núi vùng Judah và đến Bethlehem.

Naomi đã đi khỏi vùng Bethlehem mười năm, giờ quay trở lại, bạn bè của bà ta rất vui mừng khi gặp lại người cũ. Họ nói:

"Đây là Naomi à, đã bao lâu rồi chúng ta không gặp nhau nhỉ?".

Naomi nói:

"Đừng gọi tôi là Naomi[1], hãy gọi là Mara, vì đức Chúa đã cho cuộc đời tôi vị đắng. Tôi đã có mọi thứ, nào chồng, nào con trai, giờ đây gia đình tôi không còn gì cả. Đừng gọi tôi là Pleasant, cứ gọi là Bitter[2]".

Ở Bethlehem lúc đó eo một người rất giàu có tên là Boaz. Ông ta một mình sở hữu những cánh đồng rộng lớn, mùa màng bội thu và lương thực dư dật; ông ta có quan hệ thân thích với Elimelech, người chồng quá cố của Naomi.

Tục lệ của người Do Thái là khi thu hoạch mùa vụ không được gặt tất cả mà phải để sót lại một ít để cho những người nghèo, những người cầm liềm đi theo những thợ gặt và mót lấy những gì còn sót lại. Khi Naomi và Ruth đến Bethlehem đúng lúc mùa lúa mạch đang được thu hoạch; thế là Ruth đi ra những cánh đồng để nhặt những chẹn lúa mà những thợ gặt bỏ sót. Một chuyện đã xảy ra trong khi cô ta đang nhặt lúa trên cánh đồng của Boaz, một người giàu có.

Boaz đến từ thị trấn để xem xét những người thu hoạch mùa vụ cho ông ta và ông ta nói với họ, "Chúa sẽ đến với các bạn" và họ đáp lại ông ta, "Chúa sẽ ban phúc cho ông".

Sau đó Boaz hỏi những người thợ gặt: "Người phụ nữ trẻ đang nhặt lúa trên đồng mà ta vừa nhìn thấy là ai vậy?".

Người đàn ông trả lời: Đó là một phụ nữ trẻ đến từ vùng đất Moab, cô ta đến với Naomi. Cô ta đã xin phép được mót lúa đằng sau những thợ gặt và cô ta đã ở đây nhặt

lúa từ ngày hôm qua.

Boaz nói với Ruth: “Hãy lắng nghe ta, này con gái. Đừng đi nhặt lúa trên bất kỳ cánh đồng nào nữa, hãy ở đây với con gái nhỏ của ta. Không ai có thể làm hại con và khi con khát nước, con hãy đi uống nước ở những bình đựng nước của chúng ta”.

Ruth cúi đầu chào Boaz và cảm ơn tấm lòng của ông ta, càng tử tế hơn bởi vì cô ta là một người Do Thái xa lạ. Boaz nói: “Ta nghe cô là một cô dâu hiếu thảo của mẹ Naomi, rời bỏ quê nhà của mình đến với bà ấy trên vùng đất này. Lạy Chúa, bằng sức mạnh của mình, con sẽ được đền đáp xứng đáng!”.

Đến trưa, khi họ nghỉ ngơi và ăn trưa, Boaz đem cho cô ta một ít thức ăn và ông ta bảo với những người thợ gặt:

“Khi gặt lúa, các người hãy để lại cho cô ta một vài bó thóc, rồi làm rơi một vài bó thóc nữa, ở đó cô ta sẽ nhặt chúng”.

Tối hôm ấy, Ruth thuật lại với Naomi chuyện vì sao cô ta nhặt được nhiều thóc và nói với bà ta về chuyện người đàn ông giàu có tên Boaz, rằng ông ta rất tử tế với cô. Naomi nói:

“Người đàn ông này có quan hệ thân thích với chúng ta. Hãy ở lại trên cánh đồng cho đến luc nào mùa gặt kết thúc”. Thế là Ruth ở lại nhặt lúa trên cánh đồng của Boaz cho đến khi mùa thu hoạch kết thúc.

Đến cuối vụ thu hoạch, Boaz tổ chức một buổi tiệc trên sân đập lúa. Sau buổi yến tiệc, bằng lời khuyên của mình, Naomi đã khuyến khích Ruth ở đến với ông ta và nói với ông ta:

“Anh có quan hệ bà con với chồng tôi và cha chồng tôi, Elimelech. Bây giờ anh lại không làm tốt cho chúng tôi vì mối quan hệ với anh ấy ư?”.

Sau đó, Boaz gặp và đem lòng yêu Ruth, không lâu sau đã cưới cô ấy về làm vợ. Naomi và Ruth đến ở nhà Boaz, vì thế cuộc sống của Naomi không còn đắng cay nữa mà đã được thay bằng niềm vui. Boaz và Ruth sau đó đã sinh hạ một cậu bé trai, họ đặt tên cho đứa bé là Obed, sau này Obed có con trai và đặt tên là Jesse; Jesse là cha của David, một cậu bé chăn cừu sau này trở thành ông vua. Thế là Ruth, người phụ nữ trẻ thuộc vùng đất Moab, đã chọn lựa dân tộc Do Thái và đức Chúa Trời, trở thành người mẹ của những vị vua sau này.

[1] Naomi: có nghĩa là “Niềm vui”.

[2] Bitter: có nghĩa là cay đắng.

CHUYỆN VỀ CẬU BÉ CHĂN CỪU

Sống ở Ramah, trên những ngọn núi của Ephraim, có một người đàn ông mang tên Elkenah. Ông ta có hai bà vợ, họ làm những công việc như những người nông dân thời đó. Chỉ một trong số hai bà vợ của ông ta có con cái, còn bà vợ tên là Hannah thì không có con.

Hàng năm, Elkanah và gia đình ông ta đến cầu nguyện và cúng bái tại Thánh đường thờ Chúa trong xứ Shiloh, cách nhà ông ta khoảng mười lăm dặm. Một trong số những lần đến cầu ở đây, Hannah đã cầu xin đức Chúa Trời, bà ta cầu:

"Lạy Chúa, nếu ngài thương con thì ngài hãy phù hộ cho con có một đứa con trai, đứa con ấy của con sẽ phụng sự ngài suốt đời".

Đức Chúa Trời đã nghe được lời cầu nguyện của Hannah và ban cho Hannah một đứa bé, cô ta đặt tên cho đứa bé ấy là Samuel, tên đó có nghĩa là "Cầu xin Chúa Trời"; bởi vì cậu bé được ra đời sau lời cầu xin của mẹ.

Samuel lớn lên trở thành một người đàn ông lương thiện và là một thủ lĩnh minh triết, anh ta cho hai con trai của mình làm thủ lĩnh của người dân Do Thái và giúp đỡ ông ta coi sóc mọi người. Nhưng những đứa con trai của Samuel không đi đúng theo con đường của cha mình. Họ đã không cố gắng làm tốt mọi công việc.

Thủ lĩnh các bộ lạc của người Do Thái tìm đến nhà Samuel ở Ramah và nói với ông ta: "Ngài nay đã già và những đứa con trai của ngài, họ đã không có được uy tín của người thủ lĩnh. Trong khi các lãnh thổ xung quanh chúng ta đã có những vị vua cai trị. Chúng ta cũng nên lập một người xứng đáng để làm vua và ngài hãy chọn ra một người làm vua cho chúng ta".

Điều này đã làm cho Samuel không vui. Ông ta cố gắng làm sao cho mọi người thay đổi suy nghĩ đó và nói rõ những rắc rối mà vị vua có thể mang lại cho họ.

Nhưng họ vẫn không nghe lời khuyên của ông ta: "Không, chúng ta phải có một ông vua cai trị chúng ta".

Thế là Samuel chọn ra một người đàn ông trẻ tuổi cao lớn tên là Saul để làm vua của họ, người đàn ông trẻ đấy là con trai của một người nông dân thuộc bộ lạc Benjamin. Khi Saul được gọi đến trước mọi người, mọi người đều chỉ cao bằng vai của anh ta.

Samuel nói:

“Hãy nhìn người đàn ông mà đức Chúa đã chọn lựa! Không có một người nào trong số chúng ta xứng đáng hơn anh!”.

Thế là tất cả đều đồng thanh hô vang, “Đức vua của Chúa, đức vua muôn năm!”.

Samuel đã ban bố một số điều luật của một vị vua và yêu cầu người dân trong nước phải nghiêm khắc chấp hành. Ông ta viết những điều luật này thành một quyển sách và quyển sách này được Chúa ban phát đến từng nhà; sau đó Saul trở về nhà mình tại một nơi được gọi là Gibeah, mọi người đã tiếp đón anh ta bằng trái tim của Chúa và bằng tình yêu đối với một vị vua.

Thế là sau ba trăm năm người Do Thái được chia làm mười lăm bộ lạc, mỗi bộ lạc có một thủ lĩnh cai trị, giờ đây họ hợp thành một nước và có một ông vua cai trị. Nhưng trong số những người dân Do Thái, có một vài phần tử không yêu thích vị vua mới, vì vị vua này không quan tâm đến những người nông dân khổ cực. Họ nói:

“Người như vậy không thể cứu vớt chúng ta!”.

Họ thể hiện ra rằng họ không kính trọng đức vua, trong lòng của họ giá trị của ông vua bị giảm sút, Saul vẫn không nói gì và thể hiện sự khôn khéo của mình bằng cách không chú ý đến những điều họ nói. Nhưng trong những vấn đề khác thì Saul tỏ ra chẳng khôn khéo chút nào. Anh ta quên không để ý đến những lời khuyên cùng sự chỉ bảo về cách trị quốc và làm theo lời Chúa dạy của những nhà tiên tri lão thành. Trước đó không lâu, Samuel đã bảo với Saul rằng nếu không tuân theo lời Chúa thì sẽ mất vương vị của mình.

Khi Samuel bảo với Saul rằng đức Chúa sẽ tước đi vương vị của cậu ta, ông ta nói không có nghĩa là Saul sẽ mất vương vị ngay lập tức. Cậu ta không còn là vị vua của Chúa nữa và trong mắt của Chúa sẽ sớm tìm ra một người đàn ông đúng đắn và dạy dỗ cho anh ta biết được trách nhiệm của một người làm vua, thế là Chúa Trời tước đoạt quyền lực từ tay Saul và trao cho một người đàn ông khác được ngài chọn lựa. Nhưng điều đó xảy ra sau một vài năm.

Đức Chúa nói với Samuel: “Đừng thương tiếc và khóc than cho Saul nữa, vì ta đã từ chối không để cậu ta làm vua. Hãy đổ đầy dầu vào sừng, đi đến Bethlehem trong lãnh thổ Judah. Ở đó sẽ tìm thấy một người có tên là Jesse, vì ta đã chọn một vị vua trong số những đứa con trai của con”.

Samuel biết rằng Saul sẽ vô cùng giận dữ nếu cậu ta nghe thấy mình đi chọn người khác làm vua. Ông ta thưa với đức Chúa:

“Làm sao con có thể đi được? Nếu Saul biết được, hắn sẽ giết con”.

Đức Chúa nói với Samuel: kiếm một con bò cái tơ đi cùng con và bảo với mọi người rằng con đi đến để dâng cúng đức Chúa Trời và gọi Jesse và các con trai của con đến để cúng tế. Ta sẽ bảo con phải làm gì và con sẽ bôi dầu thánh vào người mà ta chỉ định.

Samuel đi băng qua những ngọn núi, thẳng tiến về hướng Nam từ Ramah đến Bethlehem, quãng đường dài chừng mười dặm và dẫn theo một con bò cái tơ. Những người thống lĩnh đô thị ở đây nghe tin báo rằng Samuel đến, họ cảm thấy lo lắng và sợ rằng ông ta đến đây sẽ thống trị họ và làm những điều tàn ác. Nhưng Samuel nói:

“Tôi đến đây với mục đích hoà bình, mang một ít phẩm vật và tổ chức một buổi tiệc để dâng lên Chúa Trời. Chính các bạn đã chuẩn bị và chúng tôi đến để cúng tế”.

Thế rồi ông ta gọi Jesse và các con trai của ông ta đến để phục vụ. Khi họ đến, ông ta nhìn những đứa con trai của Jesse một cách rất thân thiện. Đứa lớn nhất tên là Eliab, cậu ta rất cao lớn và trông rất cao quí rồi Samuel nghĩ:

“Chắc chắn người đàn ông trẻ này đã được Chúa Trời lựa chọn”.

Sau đó đức Chúa Trời nói với Samuel:

Đừng trông vẻ mặt của cậu ta, cũng đừng để ý đến chiều cao của cậu ta, vì ta đã chọn lựa cậu ta. Người thường chỉ biết nhìn dáng vẻ bề ngoài, còn đức Chúa thì nhìn thấu nội tâm.

Thế là, con trai của Jesse tên là Abinadab đi qua. Đức Chúa nói: “Ta không chọn người này”, bảy người đàn ông đến và Samuel nói:

“Không ai trong số những người này là người mà chúa lựa chọn. Đây là tất cả con cái của các con đấy ư?”.

“Không có thêm nữa”, Jesse nói. “Đứa nhỏ nhất, Cậu ta là một cậu bé, đang chăn cừu trên cánh đồng”.

Và Samuel nói:

“Tìm cậu ta về đây, chúng ta sẽ không ngồi chờ cậu ta đến”. Thế là người trẻ tuổi nhất được đưa đến. Tên cậu ta là David, một từ có nghĩa là thân yêu. Đó là một cậu bé xinh xắn, có lẽ cậu ta chỉ mới mười lăm tuổi, đôi má hồng hào và đôi mắt rất sáng.

Không bao lâu, David trẻ đã đến, đức Chúa nói với Samuel:

“Đứng dậy, xoa dầu thánh cho cậu bé, vì đây là cậu bé mà ta đã lựa chọn”.

Samuel đổ dầu lên đầu David, dưới sự chứng kiến của tất cả anh em cậu ta. Nhưng không một ai biết được đổ dầu lên đầu David có nghĩa là David sẽ trở thành một vị vua. Có lẽ, họ nghe rằng David được chọn lựa để trở thành nhà tiên tri như Samuel mà thôi.

Kể từ đó, linh hồn Chúa luôn ngự trị trong con người David và cậu ta bắt đầu thể hiện sự cao thượng của mình. Cậu ta quay trở lại đàn cừu của mình trên những sườn đồi xung quanh vùng Bethlehem, nhưng giờ đây chúa luôn bên cạnh cậu ấy.

David lớn lên càng tỏ ra dũng cảm và mạnh mẽ, không còn sợ những thú vật hoang dã đến bắt đi những con vật nuôi của mình. Hơn thế nữa, đã có một lần David đánh nhau với một đàn sư tử và gấu rồi giết hết bọn chúng, khi bọn chúng rình rập bắt đi những con cừu non và thú nuôi của anh ta. Ngày ngày David sống một mình, luyện tập môn bắn đá, anh cố gắng luyện tập một mình cho đến khi bắn đá chính xác mục tiêu. Khi giương ná bắn đá lên, anh ta biết rằng viên đá sẽ bay đến điểm mà anh ta cần bắn, anh ta trở thành một tay xạ thủ kỳ khôi.

Người đàn ông trẻ nghĩ về đức Chúa, nói chuyện với Chúa và Chúa cũng nói chuyện với anh ta, rồi chỉ cho anh ta những việc mà anh ta sẽ phải làm.

Từ sau khi Saul không tuân theo lời Chúa, linh hồn Chúa đã rời bỏ Saul và không còn nói chuyện với cậu ta nữa. Saul trở nên rất buồn lòng. Đôi khi anh ta trở nên điên điên khùng khùng và lúc nào anh ta cũng không hạnh phúc. Những người hầu của Saul để ý đến điều này và mỗi lần như thế họ đều đánh đàn và hát hò cho Saul nghe, vì thế mà lòng Saul có thêm sự vui vẻ và sự buồn rầu, ngơ ngáo cũng dần dần không còn. Một lần Saul nói: “Tìm người nào có thể chơi tốt âm nhạc và mang đến đây cho ta. Để ta nghe âm nhạc vì âm nhạc có thể cuốn đi mọi nỗi u sầu của ta”.

Một trong những người đàn ông trẻ tuổi nói: “Tôi có biết một người trẻ tuổi, đó là con trai của Jesse sống tại Bethlehem, anh ta có thể chơi đàn rất hay. Anh ta trông rất đẹp trai và dễ gần, tính tình thân thiện hoà đồng vui vẻ. Tôi cũng biết rằng anh ta là một người đàn ông trẻ tuổi những rất dũng cảm, anh ta có thể chiến đấu tốt như anh ta

chơi đàn và đức Chúa luôn bên anh ta".

Thế là Saul gửi lời mời đến Jesse, người cha David. Ông nói: "Bảo con trai của ông là David, đang cùng với đàn cừu trên đồng cỏ. Để cậu ta đến đây vui chơi cùng ta".

Sau đó David đến với Saul, mang theo một món quà của Jesse gửi tặng nhà vua. Khi Saul thấy cậu ta thì liền tỏ ra cảm mến, giống như sự cảm nhận của những người khác khi gặp David. David vừa đàn vừa hát trước mặt Saul. Âm nhạc của David làm vui lòng Saul và làm tan biến những nỗi niềm bấy lâu ngự trị trong lòng Saul.

Saul yêu thích David và đối xử như một chiến sĩ áo giáp và David mang nhiều giáo mác, gươm đao đến cho Saul, khi đức Vua đi thăm quân đội của mình. Nhưng Saul không biết rằng David đã được Samuel đổ dầu thánh trên đầu[1].

Sau lần đó, Saul dường như tốt lành hơn và trở về Bethlehem và một lần nữa lại ra đồng chăn cừu. Có lẽ, lần hát cho Saul nghe là lần mà David hát bài ca chăn cừu của mình hoặc cũng có thể là được hát sau này khi David nghĩ về những ngày còn chăn cừu trên đồng ruộng. Đây là bài hát mà các bạn thường được nghe:

Ngài là Chúa tể nơi tôi

Những điều thầm ước ngài đều ban cho

Nằm trên bãi cỏ ngày ngày

Chăn cừu, uống nước giữa mài tâm can

Dù cho sống chết điêu tàn

Luôn làm việc thiện cứu ngàn chúng sinh

Gậy roi ngài vẫn ban tình

Xoa dầu hứa khả làm kinh kẻ thù

Đời con đẹp mãi thiên thu

Của ngài tất cả sá gì ngôi vua

Tháng năm nguyện mãi bốn mùa

Theo chân đức Chúa thề tu đời đời.

[1] Đổ dầu Thánh trên đầu: dấu hiệu được chọn làm vua.

CHIẾN ĐẤU VỚI NGƯỜI KHỔNG LỒ

Trong thời kỳ thống trị của Saul, đất nước xảy ra chiến tranh triền miên với người Philistine, David đã sống ở vùng đất thấp thuộc phía Tây lãnh thổ Do Thái. Một lần nọ, khi David trở lại làm ngươi chăn cừu, một ít năm sau khi anh ta được Samuel thoa dầu, hai doanh trại của nhóm người Philistine và người Do Thái đánh nhau trên vùng đất đối diện với vùng ven của thung cũng Elah. Trong quân đội của người Do Thái có ba người anh trai của David.

Hàng ngày một người khổng lồ[1] đi ra từ trại của những người Philistine, tất cả những người trong doanh trại của người Do Thái chẳng ai dám đánh nhau với ông ta. Tên người khổng lồ đó là Goliath. Thân hình ông ta cao tới chín feet[2], ông ta mặc áo giáp dài từ đầu đến chân và luôn mang bên mình một cây giáo nặng và dài, gấp đôi những cây giáo bình thường khác. Ông ta mang trước mặt một lá chắn, ngày ngày anh ta xuống thung lũng và thách đấu với người Do Thái.

“Ta là một người Philistine, các ngươi là tôi tớ của Saul. Bây giờ các người hãy chọn ra một người đàn ông trẻ tuổi khoẻ mạnh để đánh nhau với ta. Nếu ta giết được người đó thì các người phải chịu phục tùng chúng ta; còn nếu người đó giết được ta, thì chúng ta sẽ thuộc về các ngươi. Nào, ra đây, hãy cử ra một người đàn ông khoẻ mạnh!”.

Nhưng chẳng có một người nào trong quân đội, dám ra để đánh nhau với người khổng lồ, ngay cả Vua Saul cũng thế. Bốn mươi ngày trôi qua, người khổng lồ vẫn tiếp tục xuống thung lũng để thách đấu.

Một hôm, người đàn ông lớn tuổi Jesse, cha của David, bảo David từ Bethlehem trở về để thăm ba người anh em của cậu ta đang ở trong quân đội. David đã đến doanh trại quân đội để thăm mấy người anh em của mình. Đang lúc họ hàn huyên tâm sự thì đột nhiên người không lồ xuất hiện trước cổng doanh trại và luôn mồm thách đấu.

Một người trong bọn họ nói:

“Nếu bất cứ người đàn ông nào giết được người Philistine này thì đức Vua sẽ cho làm quan và được trọng thưởng và nhà Vua cũng sẽ gả con gái của mình cho người đó”.

David nói:

“Người đó là ai mà dám tỏ thái độ kiêu căng ngạo mạn, dám chống lại quân đội hùng

hậu của Chúa? Tại sao không có ai ra giết hắn đi?".

Người anh của David là Eliab nói với cậu ta:

"Em đang làm gì ở đây, mà bỏ mặc đàn cừu của em trên cánh đồng? Anh biết rằng em xuống đây chỉ để xem đánh nhau mà thôi".

David không quan tâm đến lời nói của anh mình. Cậu ta nghĩ cậu ta biết cách để giết tên khổng lồ khoác lác này; thế là cậu ta nói:

"Nếu không ai dám thì em sẽ đi ra đánh nhau với hắn, vì hắn là kẻ thù của tất cả những người con của Chúa".

Họ dẫn David đến trước nhà Vua Saul. Một vài năm trôi qua kể từ khi Saul gặp David, giờ đây David đã trở thành một người đàn ông thực sự, vì thế Saul cũng không biết cậu ta là một người chăn cừu, cậu ta đã từng là người đánh đàn mua vui cho đức Vua ngày nào!

Saul nói với David:

"Ngươi không thể đánh bại người khổng lồ này được. Ngươi còn quá trẻ, còn hắn ta là quân nhân, được huấn luyện chiến đấu từ khi còn nhỏ".

Nhưng Davrid đã trả lời đức Vua Saul:

"Tôi chỉ là một người chăn cừu, nhưng tôi đã đánh đuổi được bọn sư tử và gấu khi chúng rình bắt đàn cừu của tôi. Và tôi không ngại đánh nhau với người Philistine này".

Thế là Saul ban cho cậu ta áo giáp, mũ giáp của mình, rồi tự tay mặc áo giáp, đội mũ giáp lên người David, sau đó cài một thanh kiếm vào đai áo cho cậu ta. Tuy nhiên vì thân thể của Saul cũng to lớn gần giống với người khổng lồ kia nên áo mũ của Saul là quá rộng đối với David. David nói:

"Tôi không dùng được những thứ như thế này để đánh nhau. Hãy để tôi tự đánh nhau theo cách của tôi".

Thế là David cởi bỏ toàn bộ áo giáp, mũ giáp. Trong khi mọi người trong quân đội đều tỏ ra sợ sệt khi nhìn thấy người khổng lồ, còn David thì đã có cách tốt nhất để chiến đấu với người khổng lồ vì Thượng Đế đã ban cho David một kế hoạch tác

chiến. Kế hoạch đó là: David giả bộ là một người yếu đuối, bơ vơ, tìm cách tiếp cận với người khổng lồ, thừa cơ lúc người khổng lồ cởi bỏ những vũ khí trang bị ra khỏi thân thể thì tìm cách ném chúng ra xa. Trong khi người khổng lồ không có vũ khí thì David sẽ bất ngờ tấn công bằng một thứ vũ khí tự vệ và đánh gục ông ta trong tư thế không phòng bị.

David cầm cây gậy chăn cừu hàng ngày của mình trên tay, mặc dầu đó chỉ là một chiếc gậy, nhưng tránh bị nhìn thấy, anh ta giấu vào trong chiếc áo choàng. Anh ta cầm thêm năm viên đá trơn nhẵn mà anh ta đã cẩn thận lựa chọn và một cái ná bắn đá, thứ vũ khí mà anh ta biết cách sử dụng. Thế rồi anh ta đi ra để gặp người Philistine.

Người khổng lồ vừa trông thấy người đàn ông trẻ tuổi đi ra thì trong lòng tỏ ra khinh thường và cười một cách chế nhạo.

“Ta là một con chó!” cậu ta nói, “cậu bé này đến đánh nhau với ta chỉ bằng một cây gậy? Ta sẽ tặng cậu ấy cho những con chim trời và thú hoang trên đồng cỏ này[3]”.

Sau đó, người Philistine nguyền rủa David bằng cách chửi mắng những vị thần thánh của cậu ta. Và David trả lời người khổng lồ:

“Ngươi đến đánh ta bằng một thanh gươm, một cây giáo và một cây phi tiêu; nhưng ta thì đến đây với danh nghĩa là đạo quân của Chúa, Chúa là quân đội của người Do Thái. Chính hôm nay, đức Chúa sẽ mang ngươi vào tầm tay ta. Ta sẽ đánh gục nhà ngươi và chặt đầu ngươi và đạo quân của người Philistine sẽ trở thành những xác chết, sẽ bị chim chóc và thú rừng ăn thịt. Tất cả điều đó chứng tỏ rằng, đức Chúa tồn tại trong lòng người Do Thái và Ngài có thể cứu vớt chúng ta bằng cách nào đó mà không phải bằng gươm đao, giáo mác.

David tiến về phía người khổng lồ, với dự định sẽ đánh người khổng lồ bằng cây gậy chăn cừu, nhưng lúc tiến đến gần người khổng lồ, David cảm thấy có một khoảng cách hợp lý nên anh ta liền rút cây ná bắn đá ra, nhắm đúng mục tiêu và bắn một viên đá thật mạnh vào trán tên khổng lồ. Bị viên đá bay đập vào trán, tên khổng lồ choáng váng và ngã lăn uống đất.

Trong khi quân đội hai bên đang đứng nhìn một cách ngạc nhiên và chứng kiến người khổng lồ ngã lăn đột ngột thì David chạy đến, rút thanh kiếm của người khổng lồ rồi chặt đầu hắn ta. Thế là những người Philistine biết rằng, người quân nhân mà họ đặt niềm tin đã bị giết chết. Họ bỏ chạy tán loạn, những người Do Thái thừa cơ đuổi giết, kẻ thù đã bị giết chết đến hàng trăm, hàng nghìn, họ đuổi đánh đến tận cửa thành

Gath trên lãnh thổ của Philistine.

Thế là ngày đó David đã chiến thắng một cách vinh quang và đối với vùng đất này, David trở thành một vị cứu tinh, giải thoát cho dân tộc mình thoát khỏi bàn tay kẻ thù.

[1] Người khổng lồ: Người có sức mạnh phi thường

[2] Feet = 0,3048 m

[3] Ý nói giết chết cho chim muông và thú vật ăn xác.

CHUYỆN VỀ HANG ĐỘNG Ở ADULLAM

Đến thời điểm này, Saul đã có một cậu con trai, Jonathan, cũng gần bằng tuổi của David. Cậu ta và David trở thành đôi bạn thân và yêu thương nhau như anh em ruột. Vua Saul trở nên rất ganh tỵ với David bởi vì mọi người rất ca ngợi David sau vụ việc anh ta giết người khổng lồ Goliah để giải cứu dân tộc. Đức Vua thậm chí còn đe doạ sẽ lấy mạng David. Ông ta đã đến nhà của David để truy bắt, nhưng vợ David đã mở cửa sổ đằng sau và buộc sợi dây thừng để cho David leo xuống và trốn đi. Sau khi trốn đi, David đã gặp người bạn thân của mình là Jonathan (con của Saul), cậu ta đã chỉ cho David cách lẩn trốn. Họ nhắc lại lời hứa hẹn bạn bè và thề nguyện sẽ giữ mãi về sau.

Từ lần gặp gỡ Jonathan, David trở thành người lang thang phiêu bạt, không có nhà cửa để trú ngụ, chẳng còn ai thân thích. Anh ta đã tìm ra một hang động lớn, gọi là hang động Adullam và trú ẩn trong đó. Mọi người cũng sớm biết được nơi mà David đang trú ngụ, từ tất cả mọi miền, đặc biệt là những người thuộc bộ lạc Judah, họ đang bất mãn với chế độ và luật lệ của Vua Saul nên họ đều tụ tập về với David.

Saul cũng sớm biết được điều này và cũng hay tin mọi người tụ tập giữa những ngọn núi thuộc lãnh thổ của bộ lạc Judah, trong số những người ấy còn có những vị tu sĩ.

Điều này đã làm Vua Saul tức giận, ông ta đã ra lệnh cho đội cấm vệ quân giết chết toàn bộ những tu sĩ. Đội cấm vệ quân đã không tuân lệnh ông ta, vì họ cảm thấy rằng làm như thế là điều tội lỗi, đã đặt bàn tay lên những giáo sĩ của Chúa.

Nhưng rồi ông ta cũng đã tìm ra một người có tên là Doeg, một Edomite, là người sẵn sàng tuân lệnh nhà vua. Doeg, Edomite đã giết tám mươi lăm người mang y phục giáo sĩ.

Hành động đáng sợ của Vua Saul đã lan khắp lãnh thổ, mọi người đều muốn quay đầu lại với Saul và hướng về David với một niềm hy vọng về một đất nước thanh bình tốt đẹp.

Khi Saul chết, ngôi vị của ông ta sẽ được David kế nhiệm, cậu bé chăn cừu, giờ đây đã hoàn thiện nhân cách và lòng cao thượng bằng sự yêu quí của mọi người. David đã nhiều lần đấu tranh với kẻ thù là người Philistine và hầu như lúc nào cũng chiến thắng. Ông ta đã là một quân vương nhưng thực tế còn hơn thế. Bằng năng khiếu của mình, Vua David đã sáng tác ra nhiều bài Thánh ca rất hay, những bản nhạc này được

sưu tập trong quyển sách Psalms. Ông ta là một vị minh quân biết nghe theo lời Chúa. Ông ta tại vị rất lâu năm và đất nước thời kỳ đó rất thịnh vượng, dân chúng sống hạnh phúc. Ông ta có nhiều con trai và con gái và một cung điện hoàn mỹ dành riêng cho hoàng tộc.

SOLOMON VÀ NGÔI ĐỀN

Trong suốt những năm cuối của thời kỳ David thống trị, ông ta đã để lại một kho báu lớn gồm nhiều vàng bạc, đồng thau và sắt để xây lâu đài, nhà thờ để phụng sự Chúa trên vùng Mount Moriah. Ngôi nhà này được gọi là nhà thờ; Thánh Đường đó được xây dựng rất đẹp, là lâu đài đẹp nhất và giàu có nhất thời kì dó. David có một ước mơ vĩ đại là xây dựng một ngôi nhà thờ khi còn làm vua nước Do Thái, nhưng đức Chúa đã nói với cậu ta:

"Con là một quân nhân, đã xông pha nhiều trận mạc, đã từng đổ máu. Ngôi nhà để thờ phụng ta phải được xây dựng bởi một người sống trong thời kỳ thanh bình. Khi con chết, con trai của con là Solomon sẽ lên ngôi và cậu ta sẽ được hưởng cuộc sống thanh bình - chính cậu ta sẽ xây dựng nhà thờ để phụng sự ta chứ không phải là ai khác".

Thế là David chuẩn bị sẵn sàng những kho chứa lớn để tích trữ những vật liệu quí hiếm, dùng để xây nhà thờ và cũng cất giữ những viên đá và cây thông tuyết để sử dụng trong lâu đài. David nói với con trai của ông ta là Solomon: "Đức Chúa đã hứa rằng, nơi đó sẽ là nơi nghỉ ngơi và là biểu tượng thái bình cho vùng đất này khi con lên làm vua, Chúa sẽ cùng với con xây dựng một ngôi nhà, ở đó đức Chúa sẽ tồn tại trong lòng con và trong lòng dân tộc".

David còn có những đứa con trai khác, bọn họ là anh trai của Solomon, một trong số những người con trai này có tên là Adonijah, cậu ta lập một kế hoạch để tự mình lên làm vua. David lúc đó đã già cả, ông ta không thể ra khỏi cung điện để gặp gỡ mọi người được nữa.

Adonijah tập hợp bạn bè của mình lại, trong số đó có người tên là Joab, ông ta là thủ lĩnh của một đội quân và một người là Abiathar, một trong hai vị giáo sĩ đức cao vọng trọng. Họ gặp nhau tại một nơi bên ngoài thành, họ tổ chức một buổi tiệc để bàn về chuyện trao vương miện cho Adonijah và đưa anh ta tên làm vua. Lúc đó David đang ở trong cung điện đã nghe được chuyện này. David mặc dù đã già yếu nhưng vẫn còn rất minh mẫn. Ông ta nói:

"Chúng ta hãy lập tức đưa Solomon lên làm vua, như thế sẽ chấm dứt kế hoạch của bọn người này".

David ban mệnh lệnh không ai được phép cưỡi la[1] ngoại trừ đức vua, thế rồi họ đặt

Solomon lên lưng con lừa, xung quanh là những cận vệ và thân tộc, họ mang Solomon xuống thung lũng Gihon, phía Nam thành phố.

Linh mục Zadok, người từ Tabernacle đi đến, trên tay cầm một chiếc sừng trâu đổ đầy dầu thánh, loại dầu này dùng để đổ hoặc thoa lên đầu các vị linh mục khi họ được giao một phần trách nhiệm nào đó. Zadok cầm chiếc sừng trâu chứa đầy dầu rưới lên đầu của Solomon, các vị linh mục đứng xung quanh thổi kèn chúc mừng và mọi người cùng hô to "đức Vua Solomon của Chúa muôn năm!".

Lúc này tất cả bạn bè của Adonijah và Zadok cách đó không xa, hầu như họ cùng trong một thung lũng đang tổ chức tiệc tùng và chúc mừng, tỏ ý muốn đưa Adonijah lên làm vua. Họ nghe được âm thanh từ những chiếc kèn và những tiếng tung hô của mọi người. Joab hỏi: "Tại sao lại có những tiếng ồn ào như thế?".

Một lát sau, Jonathan, con trai của Abiathar chạy đến Jonathan nói với những người đang dự tiệc:

"Đức Vua của chúng ta là David đã truyền ngôi vua cho Solomon, tại vùng đất Gihon, Solomon đã được xoa dầu thánh, tất cả những hoàng tử, thủ lĩnh quân đội đang cùng hội họp với anh ta và mọi người đang tung hô vua Solomon của Chúa muôn năm". David còn di chúc lại cho Solomon, di chúc viết, "Đội ơn Chúa, cầu mong Ngài làm cho danh vọng của con rạng rỡ hơn cha! Đức chúa tốt lành, Người sẽ cho con ngồi lên ngai vàng của ta!".

Khi Adonijah và bạn bè nghe được điều này thì họ cảm thấy rất lo sợ. Mọi người ai nấy đều lập tức quay về nhà của mình, ngoại trừ Adonijah. Anh ta vội vàng đến chỗ thờ đức Chúa, quỳ xuống trước bàn thờ và cầm giữ những chiếc sừng, hai tay dâng lên đức Chúa. Đây là một nơi linh thiêng và hy vọng làm như thế Solomon sẽ rủ lòng thương cậu ta. Và Solomon nói:

"Nếu Adonijah làm mọi việc đúng đắn, có lòng tin với ta, chấp nhận ta làm vua của dân tộc Do Thái thì không có sự tác hại nào xảy đến với cậu ta, nhưng nếu cậu ta làm mọi việc sai trái, cậu ta sẽ chết".

Adonijah đến và cúi đầu trước Vua Solomon, hứa sẽ vâng lời, Solomon nói: "Hãy trở về nhà của ngươi".

Không lâu sau đó David bảo với Solomon những điều cần thiết và thời gian cuối đời nằm trên giường bệnh, David đã tặng cho Solomon lời khuyên cuối cùng.

Sau đó không lâu, David băng hà, ông đã trị vì tổng cộng được bốn mươi năm, trong đó bảy năm thống lĩnh bộ lạc Judah ở Hebron, ba mươi ba năm làm vua nước Do Thái ở Jerusalem. Ông ta được chôn cất với nghi lễ của một quốc vương ở Mount Zion, lăng mộ của ông ta tồn tại rất nhiều năm sau đó.

Nhiệm vụ lớn lao của Solomon khi lên làm vua là xây dựng lâu đài làm nơi thờ Chúa mà chúng ta thường gọi là nhà thờ. Lâu đài được xây dựng trên địa phận Mount Moriah, một trong những ngọn đồi thuộc lãnh thổ vùng Jerusalem. Vua David đã chuẩn bị cho việc xây dựng này, ông ta đã tích trữ nhiều kho bạc lớn và nhiều gỗ thông. Tường nhà được xây bằng đá, còn mái nhà được lợp bằng gỗ thông. Solomon đóng những con tàu lớn để thực hiện những chuyến đi thám hiểm những vùng đất mới và mang về rất nhiều đá quý và gỗ quý để xây dựng lâu đài. Suốt bảy năm ròng xây dựng nhà thờ, một phần nhằm tạo những nghi lễ trang trọng để phụng sự Chúa Trời, một phần là để làm đẹp vương vị của mình.

Solomon thực sự là một ông vua vĩ đại, ông ta cũng có thể xem là một người thông minh vào bậc nhất thế giới. Ông ta đã để lại nhiều danh ngôn mà hiện nay vẫn còn được lưu lại trong sách Proverbs và còn nhiều thứ khác nhưng đã bị thất lạc.

[1] La: Giống vật lai giữa lừa và ngựa.

CHUYỆN NHÀ TIÊN TRI ELIJAH

Một trong những ông vua vĩ đại nhất của mười bộ lạc là Jeroboam đệ nhị. Dưới triều đại của ông ta, Do Thái trở nên rất giàu mạnh. Ông ta xâm lược và chiếm đóng khắp cả Syria và một thành phố lớn nhất là Samaria.

Nhưng khi đất nước Syria bị thôn tính thì một quốc gia khác đã nổi lên, phát triển rất mạnh mẽ là Assyria, đóng đô tại phía Đông lưu vực sông Tigris. Thủ đô của quốc gia đó là Neniveh, một thành phố vĩ đại, thành phố rộng lớn đến nỗi một người nếu đi vòng quanh thành phố phải mất ba ngày. Đất nước Assyria bắt đầu kéo quân xâm lược các nước lân cận. Dân Do Thái bị lâm vào tình trạng lâm nguy, dễ bị một nước lớn mạnh như thế thôn tính.

Một trong những ông vua cai trị Do Thái có tên lát Ahab. Ông ta đã khiêu khích sự giận dữ của Chúa. Vợ ông ta, bà Jezebel, là một người tôn thờ thần Baal đã thuyết phục ông ta xây dựng một điện thờ ma đạo.

Elijah, một nhà tiên tri của Chúa, đã được sai đến và thực hiện một sự thử thách. Hai chiếc bàn thờ, một là thờ thần Jehovah, một là thờ thần Baal. Những vị giáo sĩ đạo Baal đã xin các vị thần của họ ban lửa xuống để đốt hai bàn thờ đó nhưng không linh nghiệm. Thế là Elijah cầu xin đứa Chúa Abraham, Issac và Do Thái ban lửa và thiêu rụi những chỗ thờ cúng ấy.

Mọi người đã truy tìm những vị giáo sĩ đạo Baal và giết sạch bọn họ. Sau đó, nữ hoàng xấu xa Jezebel rất thèm muốn có vườn nho cho Ahab, cô ta sai Naboth, chủ nhân vườn nho đầu quân và đánh nhau ngoài chiến trường. Khi anh ta bị giết, Ahab đã chiếm cứ vườn nho.

Một lần nữa, Elijah đã đến và lên án Ahab và Jezebel, nói với họ rằng họ đã làm nhiều điều xấu ác và đức Chúa sẽ trừng phạt họ.

Chỉ không lâu sau, Ahab đã bị chết trên chiến trường và Jezebel bị nhà Vua Jehu ra lệnh tử hình. Elijah cầm một ngọn đuốc và bay lên trời.

Có một nhà tiên tri khác, đó là người bạn của Elijah, tên của ông ta là Elisha. Ông ta là một người đàn ông gan dạ dũng cảm và không bao giờ quên ban phát những thông điệp của Chúa.

Một chuyện đã xảy ra với Elisha khi ông ta tuổi đã về già, đó là chuyện vị Vua Joash, một người lên làm vua lúc chỉ mới có bảy tuổi. Joash lúc đó chỉ mới bảy tuổi nhưng đã cố gắng thực hiện đúng theo lời Chúa. Nhưng vị vua trẻ này hầu như không cần đến sự giúp đỡ của nhà tiên tri Elisha. Cậu ta đến và nói với Elisha:

“Thưa cha, người cha của con, cha hãy khiến cho nước Do Thái có thêm nhiều tuấn mã và nhiều kỵ binh hơn nữa”.

Elisha mặc dù thân thể đã già yếu nhưng tâm hồn vẫn còn rất mạnh mẽ. Ông ta nó với Joash mang cho ông ta hai chiếc cung và nhiều cung tên và mở cách cửa sổ phía bắc, hướng về vùng lãnh thổ của Syria. Thế là Elisha đưa cho nhà vua một bộ cung tên và tay mình cũng cầm một bộ cung tên. Sau đó, lúc nhà vua lắp một mũi tên vào cung, Elisha nói:

“Đây là mũi tên chiến thắng, chiến thắng quân xâm lược Syria; vì ngài sẽ chiến thắng người Syria tại Aphek và huỷ diệt họ”.

Mọi việc đã xảy ra đúng như lời tiên đoán của Elisha, người Syria đã bị đánh bại và những thành phố của họ đã bị chiếm đóng.

JONAH VÀ CON CÁ VOI

Vào thời gian này, một nhà tiên tri khác có tên là Jonah, đang thực hiện sứ mệnh ban bố thông điệp của đức chúa đến người Do Thái. Đức Chúa bảo với Jonah, ngài nói:

“Hãy đến vùng đất Nineveh, đó là một thanh phố lớn và thuyết giáo cho người dân thành phố này; vì tính ác độc đã đến trong lòng người dân thành phố trước sự xuất hiện của ta”.

Nhưng rồi Jonah thực sự không muốn đến thuyết giáo cho những người trong thành phố Niniveh; vì họ là kẻ thù của dân tộc ông ta, đất nước Do Thái. Ông ta mong muốn Niviveh chết trong tội lỗi và không được quay về với Chúa và sống trong tình thương của Chúa. Vì thế cho nên Jonah tìm cách rời xa thanh phố, nơi mà đức Chúa đã bảo ông đến đó thuyết giáo. Ông ta đến Joppa và rong thuyền đến Tarshish.

Nhưng rồi sau đó, đức Chúa đã biết Jonah trên thuyền và ngài đã giáng xuống một trận bão tố kinh hoàng trên biển, ước chừng cơn bão đó sẽ làm con thuyền nát ra từng mảnh. Những thuỷ thủ ném hết mọi thứ trên thuyền xuống biển và khi họ không thể làm gì hơn nữa thì mọi người trên thuyền quỳ xuống và cầu nguyện cho đức Chúa cứu lấy con thuyền và những người trên thuyền. Jonah lúc đó đang ngủ say và vị thuyền trưởng đã đến bên anh ta và gọi:

“Giờ này mà anh vẫn ngủ là nghĩa lý làm sao? dậy đi, ra khỏi giường và hãy cầu nguyện. Có lẽ, Chúa sẽ nghe được lời cầu xin của anh và cứu vớt mạng sống cho chúng ta”.

Nhưng rồi những cơn bão vẫn tiếp tục và họ nói:

“Có người nào đó trên con thuyền đã mang đến cho chúng ta rắc rối. Chúng ta hãy bốc thăm để tìm ra người đó là ai”.

Thế là họ dùng cách rút thăm và cây thăm đã rơi vào tay Jonah. Tất cả họ đều lập tức hỏi cậu ta:

“Hãy nói với chúng tôi, anh là ai? Từ nước nào đến đây? Bạn kinh doanh về lĩnh vực gì? thuộc dân tộc nào? tại sao lại mang tất cả rắc rối này đến cho chúng tôi?”.

Jonah đã kể lại toàn bộ câu chuyện cho mọi người nghe, tại sao anh ta đến từ Do Thái

và điều gì khiến anh ta không tuân theo lời Chúa. Sau khi nghe xong những người kia liền bảo:

“Chúng tôi phải làm gì cho anh, để cơn bão này lắng xuống?”.

Jonah nói:

“Hãy ném tôi xuống biển, thế là cơn bão sẽ lắng xuống và sẽ sóng yên biển lặng vì tôi biết rằng mình là nguyên nhân gây nên trận sóng gió này”.

Nhưng những người trên tàu đã không ném Jonah xuống biển. Họ cố gắng chèo chống để đưa con thuyền vào đất liền nhưng họ không thể. Họ khóc lóc cầu xin đức Chúa, họ xin rằng:

“Chúng con xin nguyện, đức Chúa trên Trời có linh thiêng đừng để chúng con chết chỉ vì một người, chúng con nguyện sẽ làm ngài hài lòng”.

Cuối cùng, khi họ không thể làm gì và cũng không thể cứu lấy chính mình, họ đã ném Jonah xuống biển.

Lập tức bão tố lắng xuống, những con sóng chỉ còn vỗ nhẹ. Những người trên thuyền kính nể đức Chúa. Họ dâng lên ngài một vật hy sinh và hứa hẹn sẽ phục vụ ngài.

Đức Chúa sai khiến một con cá lớn nuốt chửng Jonah vào bụng, thế là Jonah sống trong bụng con cá ba ngày đêm. Trong bụng cá, Jonah cầu xin đức Chúa, thế rồi, Chúa đã thương tình và bảo con cá nhả Jonah ra và đưa cậu ta vào đất liền.

Những điều cần chú ý khi đọc câu chuyện này là; mặc dù Jonah là kẻ tôi tớ của Chúa, cậu ta luôn luôn nghĩ cho chính mình. Đức Chúa đã bảo vệ Jonah và cứu cậu ấy không phải vì cậu ta là một người tốt mà vì đức Chúa muốn dạy cho cậu ta một bài học đáng giá.

Trong thời gian này, Jonah đã dạy dỗ cho một số người để nuôi dưỡng tâm linh và cảm mến đức Chúa. Đây là bài học mà đức Chúa đã dạy cho Jonah, bây giờ lời kêu gọi của Chúa đến Jonah lần thứ hai:

“Đứng dậy, đi đến Nineveh, thành phố lớn ấy và thuyết giáo đến người dân trong thành phố này những điều ta đã bảo với con”. Thế là Jonah đến thành phố Nineveh; anh ta đi vào thành phố và gọi to cho mọi người nghe:

“Trong vòng bốn mươi ngày, Niveveh sẽ bị diệt vong”.

Và anh ta đi quanh thành phố, ngày này qua ngày khác kêu khóc chỉ vì điều này:

“Trong vòng bốn mươi ngày, Niveveh sẽ bị diệt vong”.

Mọi người dân thành phố Nineveh đã tin đó là lời của Chúa được truyền đạt bởi Jonah. Họ tránh xa những tội ác và từ già đến trẻ nguyện ăn chay mong cầu đức Chúa. Đức Vua Nineveh trở dậy từ vương vị của mình, đứng dậy cởi bỏ hoàng bào để sang một bên và mặc vào bộ quần áo sám hối[1] và ngồi trong đống tro như một dấu hiện suy tàn. Đức Vua lệnh cho dân chúng trong thành phố nhanh chóng tìm kiếm đức Chúa để sám hối tất cả tội lỗi của mình.

Đức chúa nhận thấy người dân thành phố Niveveh biết hối cải về những hành động tàn ác của mình và ngài đã tha thứ cho họ, không huỷ diệt thành phố của họ nữa. Nhưng điều này đã làm Jonah tức giận. Anh ta không muốn một Niveveh hùng mạnh vì họ là kẻ thù của dân tộc Do Thái và anh ta cũng sợ rằng mọi người sẽ gọi ông ta là một nhà tiên tri dởm khi lời tiên đoán của cậu ta đã không xảy ra. Và Jonah nói với đức Chúa:

“Đức Chúa đáng kính! Con đã chắc chắn điều đó sẽ như vậy, rằng ngài đã ban tặng sự dư thừa, sung túc cho thành phố này, đó là lý do khiến con tìm cách lẩn tránh vì con biết rằng ngài là một đức Chúa có lòng khoan dung độ lượng, đầy lòng thương hại đến với dân chúng, còn lâu ngài mới giận dữ, ngài quả thật rất giàu lòng nhân từ. Bây giờ, Con xin ngài hãy mang con đi, bởi vì nếu con chết đi sẽ tốt hơn là con vẫn sống”.

Jonah ra khỏi thành phố và dựng nên một túp lều ở phía Bắc thành phố, ngày ngày ngồi trong túp lều để nghiền ngẫm những lời nói mà Chúa đã chỉ dạy cho mình. Sau đó, Đức Chúa đã cho mọc lên một cây lá dày và che chở cho Jonah khỏi ánh nắng mặt trời, điều đó làm cho Jonah rất vui vẻ và ngồi dưới bóng mát của cây. Nhưng một con côn trùng đã đục khoét thân cây và ngày sau một cơn gió nóng thổi đến, Jonah phải chịu sự nóng bức và một lần nữa anh ta muốn chết đi. Đức Chúa liền bảo với anh ta:

“Ta rất tiếc phải nhìn cây mà ta đã trồng bị chết, dù con không làm cho nó lớn lên nhưng nó đã lớn lên trong một đêm và chết đi chỉ trong một đêm. Sao mà ta không xót thương được, thành phố lớn ấy, ở đó có hơn một trăm nghìn đứa trẻ, cùng nhiều thú nuôi, tất cả đang bơ vơ và đang còn thơ dại!”.

Sau đó Jonah đã dạy học cho những người đàn ông, phụ nữ và trẻ con, tất cả họ đều

tin tưởng vào sự hiện diện của Chúa, ngay cả những người chưa một lần biết đến Chúa.

[1] Mặc vào bộ quần áo sám hối: Mặc để xưng tội

CÂU CHUYỆN VỀ CHIẾC LÒ LỬA

Có một ông vua độc ác cai trị bộ lạc Judah tên là Jehoiakim, con trai của người tốt Josiah. Trong khi Jehoiakim đang cai trị lãnh thổ Judah, thì có một kẻ chuyên đi xâm lược các quốc gia khác là Nebuchadnezzar, đến từ Babylon với đội quân hùng mạnh của mình là những người lính Chaldea. Ông ta đến thành phố Jerusalem và buộc Jehoiakim phải thuần phục mình và tôn ông ta như là một chủ nhân. Khi ông ta trở về vùng lãnh thổ của mình ông ta đã mang về rất nhiều vàng bạc mà ông ta tìm thấy trong nhà thờ. Sau đó ông ta lại đến và mang theo nhiều tù nhân, hoàng tử và những người thuộc tầng lớp quí tộc khác, những người tốt nhất đến lãnh thổ Judah.

Khi những người Do Thái được mang đến lãnh thổ Chaldea hoặc Babylon, ông Vua Nebuchadnezzar bố trí những vị hoàng tử coi sóc cung điện của ông ta, chọn ra trong số những tù nhân Do Thái một vài người trẻ thuộc vào hàng ngũ quí tộc, tốt nhất trong mắt họ, đó là những người thông minh lanh lợi và sẵn sàng làm theo lời dạy bảo. Những người đàn ông trẻ tuổi này được đặt dưới sự giám sát của những nhà hiền triết. Các nhà hiền triết có trách nhiệm phải dạy dỗ họ mọi điều mà mình biết, để họ trở thành cận vệ trong cung điện của nhà Vua Babylon. Họ sẽ trở thành những trợ thủ đắc lực của nhà vua và ban bố mệnh lệnh của nhà vua ra cho dân chúng biết, vì thế mà đức vua muốn họ phải là những người thông minh, có thể san sẻ nỗi lo cho nhà vua và đưa ra những lời khuyên giúp nhà vua cai trị tốt dân chúng trong nước mình.

Trong số những người đàn ông được chọn ra đó có bốn người là người Do Thái, họ đến từ Judah. Nhà Vua đã ra lệnh đổi tên những người này. Một trong số họ có tên là Daniel và được đổi tên thành Belteshazzer, ba người còn lại được đổi tên là Shadrach, Meshach và Abed-nego. Họ được học những kiến thức của người Chaldeans, sau ba năm học tập huấn luyện, họ đã được vào cung điện nhà vua.

Vua Nebuchadnezzar vui vẻ đón nhận họ và họ đã làm hài lòng về vị Vua này, hơn tất cả những người khác trước đó. Đức Vua nhận thấy họ rất thông minh và đầy niềm tin, thực hiện công việc được giao phó một cách trung thành và có thể cai quản tốt những người thuộc quyền cai trị của họ. Bốn người đàn ông này đã đạt đến danh vọng và địa vị cao nhất trong vương quốc Chaldeans.

Một lần, đức Vua Nebuchadnezzar vẽ một bức tranh lớn, trên bức tranh phủ đầy vàng bạc châu báu. Bức tranh này ông ta vẽ một Thần tượng và đặt nó ở một vùng đồng bằng gần thành phố Babylon để chiêm ngưỡng phụng thờ. Khi bức tranh được hoàn tất, nó được dựng trên một nền đất cao gần một trăm feet; vì thế mà từ xa trên đồng

bằng, người ta đã có thể nhìn thấy. Thế là đức Vua lệnh cho các hoàng tử, quần thần và quí tộc trên lãnh thổ đến đó để tụ hội khi bức tranh được đưa lên điện thờ.

Những người cao quí được đức Vua mời đến từ rất xa, họ đứng bên cạnh bức tranh. Đức Vua lệnh cho những người bạn của Daniel, những người Do thái trẻ và Shadrach, Meshach va Abed-nego đứng xung quanh. Vì một lý do nào đó, Daniel đã không đến được. Cậu ta quá bận rộn với công việc và đức Vua đã giao phó ở một nơi khác.

Một lúc sau, lễ chính thức dâng bức tranh đã đến, tất cả kèn trống đều được khua vang, âm nhạc nổi lên hòa cùng với các nhạc cụ khác, một hiệu lệnh vang lên, mọi người cùng quỳ xuống trước bức tranh. Nhưng trong lúc hầu hết mọi người đều quỳ thì ba người cận thần của nhà Vua lại đứng, không quỳ như bao người khác. Ba người này là ba người Do Thái trẻ Shadrach, Meschach và Abed-nego. Họ chỉ biết quỳ trước đức chúa.

Nhiều người trong giới quí tộc nổi máu ghen tị với những người này, bởi vì những người này có địa vị cao sang trong vương quốc, vốn dĩ họ đã ghét Daniel và những người bạn của cậu ta, giờ đây họ trở nên vui mừng vì phát hiện ra ba người này không tuân mệnh nhà Vua Nebuchadnezzar. Đức Vua đã nói rằng nếu ai không tôn thờ bức tranh Thần tượng được thếp vàng này sẽ bị ném vào lò hoả thiêu. Những người kia đã tâu với đức Vua:

“Tâu đức Vua, đức Vua vạn tuế! Ngài đã ra lệnh rằng khi trống nhạc nổi lên thì mọi người đều phải quỳ xuống trước bức tranh Thần tượng, nếu ai không quỳ thì sẽ bị ném vào lò hoả thiêu. Có một vài người Do Thái là những người có chức quyền trong vùng đất này nhưng họ lại không tuân lệnh ngài. Tên của bọn họ là Shadrach, Meshach và Abed-nego. Họ không phụng sự Thượng Đế của ngài, cũng không bái lạy bức tranh mà ngài đã vẽ”.

Đức Vua Nebuchadnezzar đã nổi cơn giận dữ và biết những người không tuân lệnh ông ta. Ông ta cho gọi ba người Do Thái vào và nói:

“Shadrach, Meshach và Abed-nego, tại sao có người bảo với ta là các ngươi không quỳ lạy bức tranh Thần tượng của ta? Âm nhạc sẽ được trỗi lên một lần nữa, nếu các ngươi quỳ lạy bức tranh kia thì đó là điều tốt cho các ngươi. Ngược lại, các ngươi không quỳ lạy thì các ngươi sẽ bị ném vào lò hoả thiêu, các ngươi sẽ chết”.

Những người trẻ tuổi tỏ ra không sợ nhà Vua. Họ nói:

“Thưa đức Vua Nebuchadnezzar, chúng tôi đã sẵn sàng trả lời câu hỏi của ngài ngay

bây giờ. Đức Chúa mà chúng tôi tôn thờ sẽ cứu chúng tôi ra khỏi lò lửa, chúng tôi biết rằng ngài sẽ cứu chúng tôi. Nhưng nếu đó là ý định của Chúa muốn chúng tôi chết thì chúng tôi phải chết, chắc ngài cũng hiểu được điều này. Thưa đức Vua, chúng tôi không tôn thờ Thượng Đế của Ngài, chúng tôi không bái lạy bức tranh mà ngài vẽ ra".

Câu trả lời của bọn họ khiến nhà Vua càng giận dữ hơn. Ông ta lệnh cho những người đầy tớ:

"Hãy đun lò nóng đến nhiệt độ cao nhất và ném ba người này vào lò cho ta".

Những tên lính của quân đội nhà Vua liền bắt lấy ba người Do Thái, khi họ đang mặc những chiếc áo thùng thình và đầu đội khăn xếp. Họ trói những người Do Thái bằng dây thừng và kéo lê họ đến miệng chiếc lò rồi ném họ vào lò lửa. Những ngọn lửa cháy cuồn cuộn từ cửa miệng chiếc lò bốc ra, dữ dội đến nỗi thiêu chết những người lính đang bắt giữ những người Do Thái và ba người bọn họ tự rơi tõm vào lò.

Một thiên thần đã giúp đỡ họ và họ đã không bị tổn thương.

Đức Vua Nebuchadnezzar đứng trước cửa lò, nhìn cánh cửa lò đang mở, ông ta rất ngạc nhiên chính điều mà ông ta đang thấy, ông ta nói với bọn quí tộc lúc đó đang đứng xung quanh ông ta:

"Chúng ta không ném ba người đàn ông vào lò lửa ư? Sao ta lại thấy có bốn người đi bộ tự do trong lò, người thứ tư trông rất với giống đứa con trai của đức Chúa Trời?".

Bọn quí tộc đứng thần người ra không biết nói gì, vì họ quá kinh ngạc.

"Dạ đúng, thưa đức Vua!", cuối cùng họ cũng trả lời đức Vua Nebuchadnezzar, "chúng ta đã quăng những người này vào lửa, chắc rằng sẽ bị thiêu cháy, nhưng chúng ta không hiểu tại sao điều này xảy ra, họ đã không bị thiêu huỷ".

Đức Vua đến gần cửa lò, ngọn lửa dần dần dịu xuống và ông ta gọi ba người đang ở trong lò ra:

"Shadrach, Meshach và Abed-nego, đức Chúa mà các người tôn thờ quả là vĩ đại nhất, hãy bước ra khỏi lò lửa và đến đây với ta".

Họ bước ra và đứng trước mặt nhà Vua, trước sự chứng kiến của tất cả các hoàng tử, quí tộc và quan lại; mọi người đều nhìn thấy họ vẫn còn sống.

Y phục của ba người bọn họ đã bị cháy sém nhưng tóc cũng không bị cháy và ngay cả thân thể họ cũng chẳng có mùi lửa.

Thế rồi đức Vua Nebuchadnezzar nói trước các quan lại:

“Lành thay đức Chúa của Shadrach, Meshach và Abed-nego! Đức Chúa đã sai bảo một thiên thần xuống và cứu vớt mạng sống cho ba người có lòng tin đối với đức Chúa. Nay ta ban ra một điều luật rằng, không ai trong vương quốc của ta nói một lời nào trái lời đức Chúa, vì không có một vị cứu tinh nào khác có thể cứu vớt những ai phụng sự Người trong trường hợp như thế này. Nếu có bất kỳ ai nói ra một lời trái nghịch đức chúa, thì người đó sẽ bị cắt ra từng mảnh và nhà cửa của người đó sẽ bị tàn phá”.

Sau đó, đức Vua Nebuchadnezzar băng hà, vương quốc của ông ta ngày càng suy yếu, thành phố Babylon đã bị chiếm đóng bởi Medes và Persians, dưới triều đại Cyrus, một quân nhân hùng mạnh.

DANIEL TRONG HANG SƯ TỬ

Những vùng đất được cai trị bởi đế chế Babylon hoặc Chaldea giờ đây đã trở thành đế chế của Persia và trong các triều đại này, đáng nói hơn cả là triều đại của đế chế Darius. Vua Darius đã ban cho Daniel - một đại thần cao tuổi, đến đỉnh cao của danh vọng và quyền lực. Trong số tất cả những quan lại trong vùng đất này, Daniel được xếp hàng đầu, vì đức Vua thấy rằng anh ta rất thông minh và có thể lãnh đạo vương quốc của mình. Điều này đã khiến các hoàng tử và những quan lại khác rất giận dữ, vì thế họ cố tìm ra một sai lầm nào đó của Daniel và tâu lên đức Vua với mong muốn hạ bệ anh ta.

Những người này biết rằng, cứ một ngày ba lần Daniel đến mở cửa sổ trong căn phòng của mình và nhìn về hướng thành phố Jerusalem, rồi thực hiện công việc cầu nguyện đức Chúa của anh ta. Jerusalem lúc này đã bị tàn phá và ngôi đền thờ đã trụ lại không bao lâu, nhưng Daniel cầu nguyện ba lần mỗi ngày với tư thế quay mặt về phía thành phố, nơi mà ở đó nhà thờ Chúa trước đây đã được một lần dựng lên, mặc dầu nơi mà Daniel cầu nguyện cách xa Thánh đường hàng trăm dặm.

Những người quí tộc nghĩ rằng, lợi dụng việc cầu nguyện của Daniel họ sẽ tìm ra một cơ hội để làm hại anh ta và từ đó có thể làm cho Daniel chết. Họ đến chỗ đức Vua Darius và nói với Vua:

“Tất cả những quí tộc đã đồng ý đưa ra một điều luật, trong ba mươi ngày không ai được cầu thần hay cầu thánh trừ Ngài, thưa đức Vua nếu một người nào đó cầu nguyện đến bất kì một vị thần hay một người nào đó trong suốt ba mươi ngày ngoại trừ Ngài, thưa đức Vua, người ấy sẽ bị ném vào hang mà ở đó có nhiều con sư tử đang sinh sống. Thưa đức Vua hãy làm điều luật và viết thành văn bản, để nó không bị thay đổi, vì không điều luật nào trong Medes và Perians bị thay đổi”.

Đức Vua không phải là một người thông minh, ngài còn là một người tham lam và ích kỷ, ông ta hài lòng với điều luật này, bởi vì nó làm cho ông ta cảm thấy mình lớn hơn các vị thần thánh. Thế rồi, chẳng hỏi ý kiến của Daniel, ông ta viết thành điều luật rồi cho ban hành, điều luật này được ban bố khắp vương quốc, trong vòng ba mươi ngày không ai được cầu nguyện bất kì vị thần thánh nào.

Daniel biết rằng điều luật đã được ban ra nhưng mọi ngày anh ta vẫn đến phòng của mình ba lần, mở cửa sổ hướng nhìn ra thành phố Jerusalem và cầu nguyện đến đức Chúa và lần này anh ta cũng đến cầu nguyện như mọi lần. Những quan lại đứng gần ở

đó và nhìn thấy Daniel quỳ xuống cầu nguyện đức Chúa. Thế là họ trở về tâu lại với đức Vua, họ nói:

“Tâu đức Vua Darius, Ngài đã ban đạo luật bất kì người nào trong vòng ba mươi ngày không được cầu nguyện, nếu ai phạm vào điều luật này sẽ bị ném vào ' hang sư tử, đúng không?”.

“Đúng thế”, đức Vua nói. “Điều luật đã được ban hành và nó phải được thực thi”.

Họ nói với đức Vua: “Có một người đã không dàm theo điều luật, anh ta vẫn cầu nguyện. Đấy là Daniel, một trong những người Do Thái. Hàng ngày Daniel cầu nguyện đức Chúa ba lần, anh ta đã làm như thế từ trước khi ngài ban điều lệnh”.

Thế là đức Vua rất tiếc vì đã ban ra điều lệnh này, ông ta rất yêu quí Daniel và biết rằng không ai có thể thay thế vị trí của Daniel trong vương quốc. Ngày ngày từ sớm đến tối ông ta cố gắng nghĩ ra một cách nào đấy để cứu Daniel, nhưng khi trời tối, bọn quí tộc quan lại đến nhắc nhở đức Vua về điều luật mà Vua đã ban hành và nói với Vua rằng điều luật đó phải được gìn giữ. Nhà Vua miễn cưỡng ban chiếu chỉ lệnh bắt Daniel và ném vào hang sư tử. Ông ta nói với Daniel: “Có lẽ đức Chúa mà ngươi phục vụ bằng đức tin lớn lao sẽ đến cứu ngươi ra khỏi hang sư tử”.

Họ dẫn Daniel đến miệng hang, trong đó có rất nhiều sư tử rồi họ ném cậu ta vào trong đó, sau đó lấy đá lấp miệng hang lại. Nhà Vua và những quí tộc đã đóng dấu vào tờ sắc lệnh, cấm không cho bất kì ai đến hang sư tử dời đá và cứu Daniel.

Thế rồi đức Vua trở lại cung điện, đêm đó ông ta buồn đến nỗi quên ăn bỏ ngủ, không thèm nghe nhạc. Ông ta không thể ngủ vì suốt đêm tưởng nhớ Daniel. Sáng sớm hôm sau, ông ta thức dậy từ rất sớm, vội vàng đi đến hang sư tử.

“Ôi, Daniel, bầy tôi trung thành của Chúa, Chúa của ngươi sẽ cứu ngươi ra khỏi hang sử tử!”.

Từ trong bóng tối vọng ra giọng nói của Daniel, anh ta nói:

“Thưa đức Vua, đức Vua vạn tuế! Đức Chúa của tôi đã sai một thiên thần đến để bịt miệng những con sư tử. Chúng không làm hại được tôi, bởi vì Chúa của tôi đã thấy rằng tôi không làm gì sai cả. Tôi cũng không làm gì có lỗi với ngài cả, thưa đức Vua!”.

Đức Vua vì thế cảm thấy rất vui mừng. Ông ta cho gọi những đầy tớ và ra lệnh đến cửa hang sư tử. Daniel phải được mang về một cách an toàn, không ai được làm hại

cậu ta, bởi vì cậu ta có niềm tin rộng lớn vào đức Chúa. Sau đó nhà Vua ra lệnh mang tất cả những ai ganh ghét đố kỵ và có ý chống lại Daniel, cùng với vợ con của họ đến hang động sư tử và ném tất cả họ vào hang. Những con sư tử đang đói vồ lấy họ và xé xác họ ra từng mảnh. Không bao lâu, tất cả bọn chúng đều nằm vật xuống hang và làm thức ăn cho bọn sư tử.

Sau sự việc này, đức Vua Darius viết một điều luật và ban bố đến tất cả những người ở khắp vương quốc:

“Cầu mong thanh bình sẽ đến với các bạn mãi mã! Ta ban bố điều luật này, rằng tất cả mọi người trên vương quốc chúng ta phải kính trọng và tôn thờ đức Chúa Trời của Daniel; vì đức Chúa là bề trên của tất cả những thánh thần khác, duy nhất chỉ có Chúa mới cứu được loài người”.

Sau đó, Daniel trở thành hầu cận bên cạnh nhà Vua Darius cho đến khi người không còn làm vua nữa, sau đó Cyrus và Persian kế vị để cai trị toàn bộ lãnh thổ.

VỊ THẦN LINH BÊN CẠNH BÁT HƯƠNG

Kinh Tân ước đến đây mới bắt đầu được nói đến. Trên lãnh thổ Do Thái, cũng là lãnh thổ của Judea, được thống trị bởi một vị vua có tên là Herod. Ông ta là Herod đầu tiên của nhiều đời Herod, họ là những người đã thay nhau trị vì lãnh thổ, hoặc một phần lãnh thổ. Nhưng Herod không phải là người cai trị cao nhất. Nhiều năm trước, những người La Mã từ thành phố Rome của nước Italy đã tấn công xâm lược khắp các vùng xung quanh Biển lớn, vùng biển mà chúng ta gọi là Mediterranean[1]. Người thống trị bên trên Vua Herod của lãnh thổ Judea là một vị Vua vĩ đại của thành Rome, ông ta thống trị khắp các vùng đất, trong đó có lãnh thổ Judea. Vì thế, tuy Herod cai trị lãnh thổ Judea nhưng phải thuần phục chủ nhân của mình là Hoàng đế thành Rome. Lúc này thì câu chuyện mới bắt đầu, khi đế chế Rome được cai trị bởi vị hoàng đế có tên là Augustus Cesar.

Vào thời gian này tại vùng đất đó, những người Do Thái đã sống với mật độ dân số khá cao. Jerusalem là thành phố lớn nhất và đền thờ đức Chúa được xây dựng tại đây, Thánh Đường do đức Vua Herod xây dựng lại để thay thế Thánh Đường cũ đã xây dựng cách đó nhiều năm và đã lâu không được tu sửa. Ngoài thành phố lớn Jerusalem, trên vùng đất ấy còn có những thành phố lớn khác mọc lên bên cạnh thành phố Jerusalem. Phía Nam là Hebron, nằm giữa những ngọn núi, trên bờ biển lớn là dải Gaza, Joppa và Cesarea; nằm giữa lãnh thổ là Shechem và Samaria. Phía Bắc có Nazareth và Canna, dọc xuống bờ biển Galilee là Tiberias, Capernaum và Bethsaida. Cách xa về phía Bắc, tại chân núi tuyết Mount Hermon là một Cesarea khác, nhưng vì để không bị nhầm lẫn với Cesarea trên bờ biển, thành phố này được gọi là Cesarea-Philippi, hay còn gọi là "Cesarea của Philip", tên này xuất phát từ tên của một trong những người con trai của Vua Herod.

Một hôm, một vị linh mục lão thành tên là Zacharias làm lễ trong nhà thờ. Ông ta đứng trước một bát hương bằng vàng trong Thánh đường, tay bưng một chiếc lư hương đầy than đá và hương đang cháy. Bên ngoài sân, mọi người đang cúng bái bên cạnh chiếc lư hương lớn, đang được đốt cháy với rất nhiều hương.

Bỗng nhiên, Zacharias thấy một thiên sứ của Chúa Trời đang đứng bên phải chiếc bát hương. Anh ta cảm thấy vô cùng sợ hãi khi anh ta nhìn thấy trên mặt vị thiên sứ toả sáng; nhưng vị thiên sứ đã nói với anh ta:

"Đừng sợ, Zacharias, vì ta là thiên sứ do Chúa phái đến để mang cho ngươi tin tức tốt lành. Vợ của ngươi là Elizabeth sẽ sinh con trai và ngươi sẽ đặt tên cho con trai của

ngươi là John. Ngươi sẽ rất hạnh phúc vì con trai ngươi là John sẽ mang lại niềm vui và hạnh phúc đến cho nhiều người. Cậu ta luôn được Chúa che chở và cậu ta sẽ không bao giờ đụng đến rượu hay uống một thứ rượu mạnh nào trong suốt cuộc đời mình. Cậu ta sẽ được bao bọc bởi linh hồn của Chúa. Cậu ta sẽ dẫn dắt những người Do Thái đến với Chúa vì cậu ta có được sức mạnh của nhà tiên tri Elijah, được hứa hẹn bởi Malachi, một vị tiên tri lão thành cuối cùng. Cậu ta sẽ đến như những trái tim của những người cha đối với con cái và sẽ đến với những ai không biết tin theo đức Chúa trời".

Khi Zacharias nghe được những lời như thế, ông ta vô cùng ngạc nhiên và rất băn khoăn không biết có đúng như vậy không. Ông ta lúc này và người vợ của ông ta là Elizabeth cũng đã già vì thế mà hai người họ không trông mong gì sẽ sinh được con. Ông ta nói với vị thiên sứ:

"Làm sao tôi biết được những lời ngài nói là đúng, vì tôi và vợ tôi đều đã già?"

"Ta 1à Gabriel, người đại diện cho đức Chúa Trời", vị thiên sứ nói. "Ta được Chúa Trời sai bảo đến đây để báo cho ngươi biết tin tức tốt lành này. Nhưng vì ngươi không tin vào lời ta, ngươi sẽ bị câm và không thể nói được cho đến khi điều ta nói xảy ra".

Lúc này tất cả mọi người bên ngoài sân cũng ngạc niên và không hiểu tại sao vị giáo sĩ đứng rất lâu trong nhà thờ. Khi vị giáo sĩ đi ra, họ nhận thấy rằng ông ta không còn nói được nữa, nhưng vị giáo sĩ này ra ám hiệu để báo cho mọi người biết rằng ông ta đã nhìn thấy một hiện tượng kỳ diệu trong nhà thờ.

Sau một vài ngày, nghi lễ phụng sự Chúa Trời đã thực hiện xong, giáo sĩ Zacharias trở về nhà, nhà ông ta gần Hebron, thành phố của những vị linh mục[2], giữa những ngọn núi nằm ở phía Nam vùng Judea. Khi vợ ông ta Elizabeth biết đức Chúa sẽ ban cho vợ chồng bà ta đứa con, bà ta đã vô cùng hạnh phúc, ngày ngày cầu nguyện và ca ngợi đức Chúa.

Khoảng sáu tháng sau khi Zacharias nhìn thấy điều kỳ diệu trong nhà thờ, cũng là vị thiên sứ Gabriel được đức Chúa phái đến một thành phố nằm trong vùng đất được gọi là Galilee, vùng đất này nằm ở phía Bắc. Thành phố mà vị thiên sứ đến là Nazareth. Ở đó, vị thiên sứ tìm thấy một cô gái trẻ tên là Mary, cô ta là em họ của Elizabeth. Mary kết hôn rất sớm với một người đàn ông tốt, xuất thân từ dòng tộc của Vua David, nhưng anh ta không được làm vua và cũng không giàu có. Anh ta là một thợ mộc sống ở vùng Nazareth, tên anh ta là Joseph. Vị thiên sứ đã đến căn phòng Mary đang ở và nói với cô ta: "Xin chào người phụ nữ đáng mến của Chúa; Chúa sẽ ở bên cô!".

Mary rất ngạc nhiên vì lời nói của vị thiên sứ và không biết những lời mà vị thiên sứ nói có ý nghĩa gì. Thế rồi, vị thiên sứ lại nói tiếp: "Đừng sợ, Mary. Đức Chúa sẽ ban đặc ân cho cô và chọn cô làm người mẹ của một người con trai có tên là Jesus và cái tên đó có nghĩa là "sự cứu rỗi", bởi vì người đó sẽ cứu mọi người thoát khỏi khổ đau. Anh ta là một người vĩ đại, là con trai của Chúa, Chúa sẽ trao cho anh ta ngai vàng của cha mình là David. Anh ta sẽ làm vua, sẽ cai trị những người con của Chúa mãi mãi và vương quốc của anh ta sẽ không bao giờ bị hủy diệt".

Nhưng Mary đã không biết điều gì xảy đến. Vị thiên sứ bảo với cô ta:

"Thánh linh sẽ đến với cô, sức mạnh của Thượng Đế sẽ đến với cô và đứa con mà cô sinh ra sẽ được gọi là Thánh, là con trai của Chúa".

Thế là vị thiên sứ bảo với Mary rằng, em họ của cô ta là Elizabeth sẽ sớm sinh con, do sức mạnh của Chúa ban xuống. Sau khi Mary nghe tất cả những điều này, cô ta liền nói: con sẽ là tôi tớ của Chúa sẽ làm mọi việc mà Chúa giao phó. Hãy để những điều đó xảy đến với tôi như lời ngài nói".

Vị thiên sứ sau khi hoàn thành sứ mệnh mang thông điệp đến cho mọi người đã đi xa, Mary đứng dậy và vội vàng lên đường đi đến nhà của Zacharias và Elizabeth. Khi Elizabeth gặp Mary, cô ta đang được bao bọc bởi niềm tin và linh hồn của Chúa, cô ta nói:

"Cô là người phụ nữ tốt lành thay, con trai của cô là đứa con tốt lành thay! Nhưng tại sao người mẹ của Chúa lại đến thăm ta? Tốt lành làm sao khi một người phụ nữ tin tưởng lời hứa khả Chúa với cô ta và những điều đó trở thành sự thật!".

Thế là Mary tràn đầy niềm tin vào linh hồn Chúa, rồi hát lên một bài xưng tụng. Cô ta ở lại với Elizabeth gần ba tháng, rồi quay trở về nhà của mình ở Nazareth.

Như lời vị thiên sứ nói, người phụ nữ đã có tuổi Elizabeth đã sinh hạ một cậu con trai. Họ chuẩn bị đặt tên cho cậu ta là Zacharias, theo tên của người cha. Nhưng mẹ cậu bé bảo: "Không, tên của nó phải đặt là John".

"Tại sao", họ hỏi, "Không có ai trong gia đình cô có tên là John cả!".

Họ ra hiệu để hỏi cậu bé Zacharias nên đặt cho đứa bé tên gì. Zacharias yêu cầu mọi người đưa giấy mực để ông ta viết ra[3], và ông ta đã viết, "Tên cậu bé là John". Thế là ngay lập tức, sức mạnh của Chúa đã khiến Zacharias nghe được và nói được trở lại, ông ta thốt lên lời cầu nguyện, rồi hát một bài hát để tỏ lòng biết ơn chúa. Bài hát như

sau:

“Ôi, con trai ngài sẽ được gọi là một vị tiên tri của thượng Đế, đi trước đức Chúa và sẵn sàng theo đạo của chúa”.

Khi John lớn lên, họ đưa anh ta đến vùng sa mạc phía Nam đất nước, ở đó anh ta ở lại một thời gian khá dài để thuyết giáo cho mọi người, đứa bé John này đã trở thành một nhà tiên tri vĩ đại của đạo Tin lành.

[1] Mediterranean: Địa trung hải

[2] Linh mục: Tu sĩ Thiên Chúa giáo

[3] Vì ông ta bị câm nên phải dùng giấy để viết ra.

GIÊ SU, ĐỨA BÉ CỦA THÀNH PHỐ BETHLEHEM

Không bao lâu sau khi John được sinh ra, Joseph, người thợ mộc của vùng Nazareth mơ một giấc mơ. Trong giấc mơ anh ta gặp một thiên sứ đứng bên cạnh mình. Vị Thiên sứ nói với anh ta:

“Joseph, ngươi xuất thân từ dòng tộc của vua David, ta đến để bảo với ngươi; cô Mary là một phụ nữ trẻ, ngươi hãy cưới cô ta và sẽ sinh hạ một cậu con trai, cậu con trai đó được Chúa ban cho. Người sẽ đặt tên cho đứa bé là Jesus, cái tên đó có nghĩa là “Sự cứu rỗi”, bởi vì cậu ta sẽ cứu vớt nhân loại thoát khỏi khổ đau”.

Con của Chúa có nhiều người làm vua. Một vài người trong số những vị vua đó là ích kỷ và xấu ác, nhưng Jesus là một vị vua mới, không ai cứu Người và cũng không ai huỷ hoại được Người.

Sau đó không lâu, Joseph và Mary tổ chức đám cưới tại Nazareth, một mệnh lệnh được Hoàng đế Augustus Cesar ban bố khắp lãnh thổ của đế chế La Mã, rằng tất cả những người vào ra các thành phố và thành thị phải ghi lại tên tuổi vào danh sách vì Hoàng đế muốn có danh sách này để biết được những ai thuộc quyền cai trị của ông ta. Hai vợ chồng Joseph và Mary, những thành viên của gia đình đức vua David, họ từ Nazareth cùng nhau đến Bethlehem ở Judea, cách Jerusalem sáu dặm về phía Nam, và nơi mà David đã được sinh ra và gia đình của ông ấy đã sống ở đó nhiều năm.

Chuyến đi từ Nazareth đến Bethlehem là một chuyến đi dài, đi xuống những ngọn núi đến dòng sông Jordan, rồi đi gần hết lãnh thổ Jordan, leo lên những ngọn núi của Judah mới đến được thành phố Bethlehem. Khi Joseph và Mary đến Bethlehem họ thấy thành phố này đông dân như thành phố của họ, họ đến và ghi tên của họ vào danh sách. Nhà trọ và khách sạn đã đủ người, không còn nơi nào cho họ nghỉ chân, không ai ngoài họ biết rằng người phụ nữ này sắp làm mẹ đức Chúa của nhân loại. Nơi tốt nhất họ có thể đến là một cái chuồng nuôi thú vật[1].

Vào đêm đó, một vài người chăn cừu đang săn sóc đàn cừu của họ trên cánh đồng gần Bethlehem. Đột nhiên một ánh sáng chói loé lên và chiếu về phía họ, một Thiên sứ xuất hiện trước mặt họ với hình ảnh rất lộng lẫy. Và thiên sứ đã nói:

“Đừng sợ hãi, vì ta mang đến cho các ngươi tin tức tốt lành, là tin mừng cho tất cả mọi người và niềm vui đó sẽ đến với các ngươi trong ngày hôm nay, tại Bethlehem, thành phố của David, một vị cứu tinh, đức Jesus Christ của Chúa, đức Vua đã được thoa

dầu. Các ngươi sẽ gặp ngài ở đó và các ngươi sẽ biết ngài bằng dấu hiệu này: Ngài là một đứa trẻ sơ sinh, nằm trong cái máng thức ăn của gia súc ở trong phòng trọ".

Thế rồi sau đó họ thấy có một luồng khí bay lên giữa bầu trời, nhiều thiên thần đang hát ca và nguyện cầu bên trên đầu bọn họ. Lời ca như sau:

"Vinh quang đến với đức Chúa cao nhất. Trên trái đất thanh bình sẽ đến với loài người trong sự hài lòng của Chúa".

Trong khi họ đang ngạc nhiên và lắng nghe các vị thiên thần ca hát, đột nhiên những vị thiên thần biến mất trong tầm mắt của họ. Thế là những người chăn cừu bàn tán với nhau:

"Chúng ta hãy lập tức đến Bethlehem và xem điều kì diệu gì đã xảy ra, điều đó đức Chúa đã cho chúng ta biết".

Thế là họ nhanh chóng đến Bethlehem, họ đến và phát hiện Joseph một người thợ mộc của vùng Nazareth và người vợ trẻ của ông ta là Mary, cùng với một đứa trẻ sơ sinh đang nằm trong máng lừa. Họ kể cho Mary và Joseph cùng với những người khác chuyện họ gặp những vị thiên sứ và những điều họ nghe được về đứa trẻ sơ sinh này. Mọi người ai cũng ngạc nhiên khi nghe câu chuyện kể của họ, nhưng Mary, người mẹ của đứa bé thì không nói gì. Cô ta biết nhiều hơn tất cả những điều đó và chỉ giữ kín trong lòng. Sau khi thăm viếng xong, những người chăn cừu trở về lều trại của họ, cầu nguyện đức Chúa đem tin lành đến với họ.

Khi đứa trẻ này được tám ngày tuổi, họ đặt tên cho cậu bé là "Jesus", một từ có nghĩa là "Sự cứu rỗi". Tên của cậu bé được đặt đúng như lời chỉ bảo của vị Thiên sứ cho hai vợ chồng Mary và Joseph. Tên của đứa trẻ này nói lên rằng cậu ta sẽ làm mọi việc cho loài người, vì cậu ta mang sự cứu vớt linh hồn đến cho thế giới.

[1] Trong sử ghi là chuồng nuôi lừa. Ở đó đứa bé được sinh ra và đặt nó nằm trong cái máng ăn của những con gia súc.

NGÔI SAO VÀ NHỮNG NHÀ THÔNG THÁI

Không lâu sau khi đức Jesus được sinh ra, Joseph và Mary ở lại với cậu bé ở Bethlehem. Cậu bé không phải ở lâu trong máng lừa trong chuồng gia súc nữa vì ít ngày sau họ đã tìm được một phòng trọ; ở đó Jesus lại được đi du ngoạn bởi một người đàn ông lạ mặt đến từ một vùng đất xa xôi.

Tại miền đồng quê phía Tây của Judea, cách xa nhiều dặm, có một vài nhà thông thái đang ở đó nghiên cứu về những vì sao. Vào một đêm, họ thấy một ngôi sao lạ chiếu sáng trên bầu trời, với những gì đã nghiên cứu được, họ biết rằng sự xuất hiện của vì sao này có nghĩa là một vị Chúa tể sẽ giáng thế ở lãnh thổ Judea. Những nhà thông thái đã cảm thấy như có một lời kêu gọi của Chúa tới vùng đất Judea từ miền Tây xa xôi nơi gia đình họ đang sinh sống và ở đó đức Chúa đã hiện ra cho họ thấy vị Vua sơ sinh này. Họ tổ chức một cuộc du hành dài bằng lạc đà, ngựa và cuối cùng họ cũng đến được lãnh thổ Judea, đúng lúc Chúa Jesus được sinh ra ở thị trấn Bethlehem. Ngay khi họ đến Judea, họ cho là người ta đã biết mọi thứ về vị Vua này và họ hỏi:

“Vị Vua của người Do Thái này được sinh ra ở đâu? Khi xem thiên văn ở phía Tây, chúng tôi đã thấy ngôi sao chiếu mệnh của người đó và chúng tôi đã lễ bái”.

Nhưng không một ai trong số họ thấy vị Vua hoặc nghe chuyện về đứa trẻ. Tin tức của họ truyền đến đức vua Herod, giờ đây đã rất già. Ông ta thống trị lãnh thổ Judea, như các bạn biết, ông ta vẫn phải thần phục hoàng đế La Mã, hoàng đế Augustus Cesar. Herod là một người xấu xa, khi ông ta nghe được chuyện một đứa trẻ sinh ra để làm vua, ông ta lo sợ vương vị của mình sẽ bị tước đoạt. Ông ta suy nghĩ và tìm cách giết chết vị vua mới.

Đức vua lệnh cho những mục sư và các nhà viết sử, những người đang nghiên cứu và dạy về sách Kinh Tân ước, ông ta hỏi họ về chuyện đức Christ này. Ông ta nói: “Các ngươi có thể cho ta biết đức Christ, vị Vua của người Do Thái được sinh ra ở đâu?”. Họ nhìn những quyển sách của các nhà tiên tri rồi nói: “Cậu ta được sinh ra ở thành phố Bethlehem thuộc lãnh thổ Judea. Một nhà tiên tri đã viết lại như sau, “Trong thành phố Bethlehem của vùng Judea, ngài là người nhỏ tuổi nhất trong số các hoàng tử, nhưng ngài sẽ đến trước và cai trị dân tộc Do Thái của tôi”.

Thế là đức Vua Herod cho mời những nhà thông thái từ phương Đông tới và một mình gặp gỡ họ, đức Vua đã biết thời điểm mà vì sao chiếu mệnh của đức Jesus xuất hiện và những nhà thông thái là những người đầu tiên nhìn thấy. Herod đã bảo họ:

“Hãy đến Bethlehem và tìm cho ra đứa bé này. Khi các ngươi tìm được cậu bé hãy cho người báo với ta, ta cũng sẽ đến để chiêm bái cậu bé”.

Thế là những nhà thông thái lên đường đến Bethlehem, đột nhiên họ thấy vì sao xuất hiện trở lại và chiếu ánh sáng trên đường, phía trước bước chân của họ. Lúc đó họ cảm thấy vui mừng và đi theo vệt ánh sáng của vì sao dẫn đường cho đến khi thực sự tìm thấy ngôi nhà mà đứa bé đang ở đó. Họ tiến vào và nhìn thấy một đứa trẻ, cùng với Mary, mẹ đứa trẻ. Ngay lúc đó họ biết đấy là vị Vua, họ quỳ xuống, cúi đầu và vái chào đứa bé như vái chào đức Chúa. Họ mang ra rất nhiều quà mừng bằng vàng bạc và nước thơm, trầm hương[1] và nhựa trầm hương, họ dâng tặng những phẩm vật lên đứa bé Hoàng gia.

Đêm hôm đó, đức Chúa báo mộng cho những nhà thông thái, bảo họ đừng trở về gặp Vua Herod nhưng lập tức phải quay về nhà bằng con đường khác. Họ nghe lời đức Chúa và tìm một con đường khác để trở về xứ sở của họ, không đi qua lãnh thổ Jerusalem, nơi mà Vua Herod đang ở. Vì thế, Herod không thể biết tin tức từ những nhà thông thái và không biết được vua Jesus được sinh ra ở đâu.

Không lâu sau, những nhà thông thái này đã đi xa, đức Chúa báo một giấc mộng khác cho Joseph, chồng của Mary. Ông ta thấy một Thiên sứ, vị Thiên sứ đó nói với ông ta:

“Nhanh lên đi, hãy mang đứa trẻ và mẹ của nó lánh đến lãnh thổ Ai Cập, vì Vua Herod sẽ cố tìm cho ra đứa trẻ để giết cậu bé”.

Thế là ngay trong đêm đó Joseph lập tức thức dậy, ông ta lặng lẽ mang vợ và con nhanh chóng đưa họ đến Ai Cập, vùng đất nằm ở phía Tây Nam của Judea. Ở đó họ sống an toàn, thoát khỏi sự truy lùng của Vua Herod trong những ngày cuối đời của ông ta và điều đó cũng chỉ kéo dài vài tháng.

Đức Vua Herod đợi những nhà thông thái về sau chuyến đi đến Bethlehem, nhưng ông ta cũng sớm biết được họ đã về nhà mà không báo tin cho ông ta. Herod rất giận dữ. Ông ta sai binh lính đến Bethlehem. Họ đến và làm theo mệnh lệnh độc ác của nhà Vua, họ bắt tất cả những đứa trẻ từ ba tuổi trở xuống trong thành phố Bethlehem và giết chết hết. Tiếng khóc lóc thảm thiết của những bà mẹ trong thành phố Bethlehem đã đến tai Chúa, rằng con cái của họ bị xé xác và bị giết chết ngay trong vòng tay của họ!

Nhưng lúc này, đứa trẻ mang tên Jesus, người mà bọn binh lính đang truy tìm vẫn được an toàn với mẹ mình ở vùng đất Ai Cập.

Không lâu sau, Vua Herod băng hà. Thế rồi sau đó một thiên sứ trở lại báo mộng và nói với Joseph: “Bây giờ ngươi mang con của ngươi trở lại xứ sở của ngươi đi, vì ông Vua độc ác muốn giết đứa bé đã chết rồi”.

Thế là Joseph dẫn vợ và con là Jesus khởi hành về lại xứ sở Judea. Có thể ông ta nghe sẽ đến Bethlehem, thành phố của David thêm một lần nữa và mang theo đứa bé. Nhưng ông ta đã nghe được rằng ở vùng đất Archelaus, đứa con trai của Herod đang cai trị và ông ta cũng là một bạo Chúa như cha mình.

Vì e ngại đến vùng đất được cai trị bởi Archelaus, thay vào đó ông ta dẫn vợ con đến Nazareth, đó là nơi trước đây hai vợ chồng chung sống và sinh đứa bé. Nazareth là một phần của lãnh thổ Galilee, vùng đất giờ đây được cai trị bởi con trai của một Herod khác, ông Vua đó có tên là Herod Antipas. Ông ta không phải là người tốt nhưng cũng không phải là người tàn bạo ác độc như cha ông ta.

Một lần nữa, anh thợ mộc Joseph cùng vợ mình là Mary trở lại sống ở vùng Nazareth. Họ sống ở đó nhiều năm cho đến khi Jesus lớn lên. Jesus không phải là đứa trẻ duy nhất trong gia đình, cậu ta còn có nhiều đứa trẻ đồng lứa khác trong vùng Nazareth để làm bạn với cậu ta.

[1] Những vật phẩm dùng để dâng cúng

ĐỨA TRẺ TRONG THÁNH ĐƯỜNG

Jesus được mang đến Nazareth khi cậu ta chưa đầy ba tuổi, ở đó cậu ta đã sống và lớn lên thành một thanh niên. Cậu ta sống ở đó cho đến khi cậu ta tròn ba mươi tuổi. Chúng ta thích biết nhiều điều về thời niên thiếu của Jesus nhưng trong Kinh Thánh thì nói rất ít. Vì Joseph là một công nhân, điều đó nghe có vẻ hợp lý khi anh ta sống trong một căn nhà mà chỉ có một căn phòng nền đất, không có cửa sổ, chỉ có một cái lỗ trên tường, không có bức tranh nào để treo tường, cũng chẳng có giường ngủ, không ghế, không gương soi. Họ ngồi trên nền nhà hoặc trên đệm, họ ngủ trên chiếu và những bữa ăn của họ được dọn lên trên một chiếc bàn thấp và không lớn hơn một chiếc ghế đẩu.

Jesus học đọc sách tại một ngôi trường trong làng, ngôi trường thời đó được hiểu chung những là các ngôi nhà dùng cho việc thờ phụng, cúng bái, được gọi là "Giáo đường". Những bài học thời đó xuất phát từ những văn kiện được viết trong Kinh Cựu ước. Nhưng Jesus không bao giờ có một quyển Kinh Thánh cho riêng mình. Joseph dẫn đứa bé đến Giáo đường hai lần trong một tuần, trong khi Mary và những cô em gái của Jesus thì ở nhà nghe nhạc từ một phòng tranh đằng sau bức rèm. Những cậu bé Do Thái lúc đó được dạy để học thuộc lòng toàn bộ kinh Cựu ước.

Phong tục của người Do Thái là tất cả con dân trên khắp lãnh thổ đều đến thánh địa Jerusalem để lễ bái ít nhất một lần trong năm, đúng vào dịp lễ Passover[1]. Ngày lễ được tổ chức vào mùa xuân hàng năm. Một vài gia đình sau khi làm lễ Passover thì ở lại đó cho đến ngày lễ Pentecost[2], lễ được tổ chức sau lễ Passover năm mươi ngày. Một vài gia đình đến lại vào đúng dịp lễ Tabernacle, khi đó những gia đình sẽ ngủ lại ngoài trời một tuần dưới những mái nhà tạm được lợp bằng cành non và bụi rậm.

Khi Jesus mười hai tuổi, cậu ta được dẫn đi tham dự lễ Passover và ở đó là lần đầu tiên cậu ta nhìn thấy thánh địa Jerusalem và nhà thờ Chúa trên Mount Moriah. Linh hồn đứa trẻ như bị khua động, cậu ta đi bộ quanh sân nhà thờ và thấy một bàn thờ đang hương khói, những vị linh mục trong trang phục màu trắng và những vị Levites[3] với những chiếc kèn bằng bạc. Mặc dù chỉ là một đứa bé nhưng Jesus đã bắt đầu cảm nhận được rằng mình là con trai của Chúa và đây là ngôi nhà của cha mình.

Trái tim cậu ta tràn đầy niềm tôn kính đối với Thánh đường, bằng những lời dạy trong sách vở hoặc những thầy giáo mà cậu ta nghe được trên Giáo đường và những suy nghĩ riêng tư của mình. Đã đến lúc mọi người quay về nhà, cậu ta đã ở lại đằng sau để

thể hiện tình yêu của mình đối với nhà thờ Chúa. Đoàn người cùng nhau đi tham quan là rất đông, đầu tiên, cậu bé không bị mất tích. Nhưng khi đêm đến họ đã không tìm thấy cậu bé Jesus đâu cả, mẹ cậu bé rất hoảng hốt. Ngày sau, Joseph và Mary tách khỏi đoàn tham quan và nhanh chóng trở lại Jerusalem. Thoạt tiên họ không nghĩ cậu bé đến nhà thờ. Họ tìm đến nhà bà con thân tộc và bạn bè của Jesus trong thành phố để hỏi thăm tin tức, nhưng vẫn không tìm thấy cậu bé đâu.

Ngày thứ ba, họ đến lại nhà thờ với tâm tư trĩu nặng, mong muốn tìm thấy đứa bé. Ở đó họ tìm thấy đứa trẻ đang ngồi cùng một đoàn luật sư, cậu lắng nghe họ nói và tham vấn cho họ. Những người ngồi gần đó đã vô cùng ngạc nhiên tại sao đứa bé lại hiểu một cách sâu sắc những kiến thức về giáo lý của Chúa đến thế.

Người mẹ tỏ ra có một chút nghiêm khắc khi nói với cậu bé, vì bà ta cảm thấy con trai của bà ta hành động thiếu suy nghĩ. Bà ta nói: “Con, tại sao con lại xử sự với chúng ta như thế? Con có biết là cha và mẹ lo lắng cho con biết nhường nào không?”

“Tại sao mẹ phải tìm con”, Jesus nói. “Mẹ không biết là con phải ở trong nhà của cha con à?”.

Họ không hiểu những lời nói này, nhưng Mary đã thường suy nghĩ về điều đó vì cô ta cảm thấy con trai của mình không phải là một đứa trẻ tầm thường và những lời nói vừa rồi của cậu ta có ý nghĩa rất sâu xa. Mặc dù Jesus là người thông minh xuất chúng nhưng mọi thứ cậu bé đều nghe theo Joseph và mẹ mình. Cậu ta cùng cha mẹ trở về Nazareth và bằng lòng sống cuộc sống đơn sơ ở quê nhà.

Vài năm trôi qua, Jesus đã trưởng thành. Cậu cũng trở nên thông minh, hiểu biết và thiện ý đối với Chúa Trời. Cậu nhận được sự ưu ái của tất cả những ai biết đến cậu ta, hình như cậu có một sức lôi cuốn tự nhiên, làm cho cả trẻ lẫn già đều yêu mến.

Jesus học nghề thợ mộc của cha mình là Joseph. Khi Joseph qua đời, thì Jesus vẫn còn rất trẻ, Jesus tiếp tục sự nghiệp làm mộc, giúp đỡ mẹ mình chăm sóc gia đình. Họ đã mở một cửa hiệu làm mộc, thờ cúng ở Giáo đường, sống một cuộc sống yên bình nơi làng quê. Năm tháng dần trôi qua cho đến khi Jesus tròn ba mươi tuổi.

[1] Passover: Quá Hải

[2] Pentecost: Lễ Hạ trần

[3] Dòng họ người Do Thái, chuyên làm lễ trong thánh đường

CÂU CHUYỆN NƯỚC BIẾN THÀNH RƯỢU

Sau đó vài ngày, Jesus gặp gỡ những tín đồ của mình tại dòng sông Jordan, ông cùng với những người này đến thị trấn Cana ở Galilee để tham dự một hôn lễ. Trong những vùng đất đó, một buổi tiệc luôn luôn được tổ chức trước lễ cưới và thường mời bạn bè đến ở lại vài ngày để ăn uống, nhậu nhẹt với nhau.

Mẹ của Jesus cũng tham gia lễ cưới này trên cương vị là một người bạn trong gia đình vì cô ta đã sống ở Nazareth, rất gần Cana. Trước khi tổ chức hôn lễ, mọi người đã yến tiệc linh đình, tất cả rượu nho đều đã sử dụng hết và không còn tí rượu nào để mời khách cả. Mẹ của Jesus biết rằng con trai của bà có đủ quyền lực để làm bất kỳ điều gì anh ta muốn và bà liền bảo với Jesus, "Họ không có rượu".

Jesus nói với mẹ: "Ôi mẹ, điều gì con có thể làm cho mẹ? Giờ cầu kinh của con vẫn chưa đến mà".

Nhưng người mẹ hiểu rằng Jesus sẽ tìm cách nào đó để giúp đỡ mọi người khi cần thiết và cô ta bảo mấy người hầu đứng đợi ở bàn:

"Các ngươi hãy làm bất kỳ điều gì ông ta bảo, chắc chắc điều đó sẽ đúng".

Trong hội trường, buổi tối hôm đó có sáu chiếc bình đá lớn, mỗi bình lớn như một chiếc thùng, có sức chứa hai mươi lăm Galông. Những chiếc bình đá này chứa nước để những người Do Thái rửa tay trước khi ăn cơm và dùng để rửa chân cho những người đi bộ từ xa đến. Thời đó họ không mang giày mà chỉ mang dép. Jesus nói với mấy người hầu:

"Đổ đầy nước vào những chiếc bình đá".

Những người hầu vâng lời Jesus và đổ đầy nước vào những chiếc bình đá. Jesus gọi họ lại và nói:

"Bây giờ đổ nước trong bình ra và mang đến cho người có chức vụ cao nhất".

Họ đổ nước trong bình ra và thấy nước chuyển thành rượu. Người cai trị không biết rượu này từ đâu mà có, thế rồi ông ta nói với chú rể:

"Thông thường tại các lễ cưới, ai cũng mang rượu tốt nhất của mình ra đãi khách vào lúc buổi tiệc mới bắt đầu và lúc kết thúc buổi tiệc, khi khách khứa của người đó uống

đã say, người đó sẽ mang rượu bình thường ra để uống, nhưng nhà ngươi thì khác bọn họ, rượu của nhà ngươi đến giờ này uống vẫn còn rất ngon".

Đây là lần đầu tiên Jesus thể hiện quyền năng của Chúa đã ban cho anh ta, điều đó không ai có thể làm được. Những việc làm như thế đều được gọi là "phép mầu", Jesus làm điều đó để chứng tỏ rằng mình là con trai của Chúa. Khi những môn đệ của Jesus chứng kiến những phép mầu này, họ đã hoàn toàn tin tưởng vào Chúa Jesus.

Sau đó, Jesus cùng với mẹ và các em trai đến một nơi được gọi là Capernaum trên bờ biển Galilee. Nhưng họ ở lại đó chỉ trong vài ngày, vì lễ Passover đã đến gần và Jesus phải đến Jerusalem để tham dự buổi lễ. Các bạn phải nhớ rằng; lễ Passover được tổ chức hàng năm để nhắc nhở rằng đức Chúa đã dẫn dắt dân tộc Do Thái ra khỏi Ai Cập rất lâu trước đó.

Khi Jesus đến Jerusalem, anh ta phát hiện trong sân của Thánh đường có những người mang đến bò, cừu và chim bồ câu để bán làm vật cúng tế cho những người đi lễ, một số người khác thì ngồi bên bàn đổi tiền của người Do Thái. Tất cả bọn họ đều buôn bán đổi chác trong sân Thánh đường như một cái chợ, khiến nơi đây mất hết vẻ linh thiêng của một nơi thờ phụng đức Chúa.

Jesus cầm lên một vài sợi thừng và làm thành những cái roi da. Jesus dùng nó để đánh đuổi những người buôn bán ra khỏi sân nhà thờ. Không phải một người mà là nhiều người và khi nhìn thấy đôi mắt đầy quyền năng của Jesus thì mọi người đều bỏ chạy. Anh ta đuổi những người buôn bán, cùng bò, cừu, anh ta lật nhào những chiếc bàn và ném tiền của họ xuống nền nhà và anh ta nói với những người buôn bán: "Hãy mang những thứ này đi xa khỏi đây, đừng làm cho ngôi nhà của cha ta trở thành khu chợ".

Hành động của Jesus không làm hài lòng những người thống trị dân Do Thái, vì nhiều người trong số họ buôn bán vật hy sinh cúng tế và đổi tiền với những người kia. Một vài người đến và nói với Jesus: "Anh có quyền gì mà đến đây và làm những hành động như thế?". "Anh có thể làm gì để thể hiện rằng đức Chúa đã cho anh quyền năng để làm chủ vùng đất này?".

Jesus đáp lời họ: "Ta sẽ cho ngươi thấy. Ngôi nhà của Chúa sẽ bị phá huỷ và ta sẽ dựng lên lại trong ba ngày".

Thế là những người Do Thái nói, "Phải mất bốn mươi sáu năm để dựng lên ngôi nhà thờ này và vẫn chưa hoàn thiện. Ngươi có thể dựng lên trong ba ngày ư?".

Điều Jesus nói không ám chỉ ngôi nhà thờ trên vùng Mount Moriah. Anh ta tự nói với

lòng mình, vì đức Chúa cư ngụ trong anh ta cũng như cư ngụ trong nhà thờ, điều anh ta nói có nghĩa là họ sẽ giết anh ta và trong ba ngày anh ta sẽ sống lại. Sau đó, khi Jesus chết rồi sống trở lại, tín đồ, môn đệ nghĩ về điều anh ta nói và họ đã hiểu được những lời này.

NGƯỜI LẠ MẶT BÊN GIẾNG NƯỚC

Khi Jesus đi thuyết giáo ở Jerusalem và những vùng nông thôn lân cận, John giáo sĩ tin lành vẫn còn đi truyền đạo và rửa tội. Nhưng mọi người đã rời bỏ John để đi đến nghe Jesus thuyết giáo. Một số tín đồ đạo tin lành của John không hài lòng vì họ thấy mọi người đến với sư phụ của mình ngày càng ít hơn, thế là từng đám đông đi tìm Jesus. Nhưng John nói với họ: "Ta bảo với các ngươi rằng ta không phải là Christ, nhưng ta đến trước ông ta. Jesus là Christ, là vị vua. Ông ta phải lớn mạnh hơn ta và ta chúc mừng điều đó".

Không lâu sau này Vua Herod Antipas, Vua của vùng đất Galilee, đã bắt bỏ tù John. Herod dẫn theo vợ mình, một phụ nữ tên là Herodias, người đã bỏ chồng mình đến sống với Herod, đó là một hành động rất xấu xa. John đã nói với Herod rằng, thật là không hay khi phải lấy một người phụ nữ mà người đó đã từng bỏ chồng mình. Những lời này của John làm cho Herodias rất giận dữ. Cô ta ghét John và tìm cách giết cậu ta. Bản thân vua Herod thì không ghét John nhiều lắm, vì ông ta biết lời của John nói là đúng. Nhưng ông ta yếu thế và nhượng bộ vợ của mình. Để làm vui lòng cô ta, ông ta đưa một mình John giam ở giữa những ngọn núi phía Đông của biển Chết, đó cũng là vùng đất có phong thuỷ đẹp như Galilee và thuộc quyền cai trị của Herod. Herod hi vọng ở trong nhà tù đó John sẽ được an toàn thoát khỏi sự ganh ghét của Herodias.

Không lâu sau John bị ném vào tù, Jesus rời khỏi vùng nông thôn gần Jerusalem cùng các đệ tử, đi đến Galilee vùng đất phía Bắc. Nằm giữa Judea phía Nam và Galilee phía Bắc là vùng đất Samaria, ở đó người Samaria sinh sống, họ rất ghét người Do Thái. Họ thờ phụng đức Chúa như người Do Thái nhưng họ có nhà thờ riêng và các giáo sĩ riêng. Họ có riêng Kinh Thánh, chúng là năm quyển sách của Moses, vì họ không đọc sách gì khác ngoài Kinh Cựu ước. Người Do Thái và người Samaria rất ít khi nói chuyện với nhau vì họ rất ghét nhau.

Khi người Do Thái từ Galilee đến Jerusalem hoặc từ Jerusalem đến Galilee họ không băng qua vùng Samaria, họ xuống núi đến dòng sông Jordan, đi bộ dọc theo bờ sông, vòng bên ngoài Samaria. Nhưng Jesus khi ông ta từ Jerusalem đến Galilee ông ta băng qua những ngọn núi và xuyên thẳng vào Samaria.

Vào một buổi sáng khi ông ta đang trên đường đi, ông ta dừng nghỉ chân bên cạnh một cái giếng cổ tại chân núi Mount Gerizim, không xa so với thành phố Shechem, gần ngôi làng được gọi là Sychar. Cái giếng này được đào bởi Jacob, một người cha

đóng vai trò là tổ tiên vĩ đại của người Do Thái cách hàng trăm năm trước đó. Đấy là một cái giếng cổ vào thời đại của Jesus và bây giờ đương nhiên là rất cổ kính, cái giếng này hiện vẫn còn tồn tại ở đó. Những người đi du lịch thời nay vẫn còn uống nước từ cái giếng của Jacob.

Một buổi sáng vào lúc rạng Đông, khi Jesus ngồi bên cạnh cái giếng của Jacob. Ông ta cảm thấy rất mệt mỏi vì đã đi một hàng trình dài, ông ta đói bụng, môn đệ của ông ta đi vào làng gần đó để mua thức ăn. Ông ta cũng khát nước, nhìn xuống giếng thì thấy mực nước giếng sâu khoảng một trăm feet so với mặt đất, nhưng ông ta chẳng có dây để buộc vào gầu và múc nước lên để uống.

Chỉ một lát sau, có một phụ nữ người Samaria đến bên giếng, cô ta đầu đội gầu múc nước và tay cầm sợi dây gầu. Jesus nhìn cô ta, chỉ một thoáng mắt đã biết được cô ta đang nghĩ gì và cuộc sống của cô ta như thế nào.

Ông ta biết rằng những người Do Thái thường không chuyện trò với người Samaria và ông ta đã nói với cô gái:

“Làm ơn cho tôi một ít nước uống!”

Người phụ nữ thấy ông ta trong bộ y phục của người Do Thái và cô ta trả lời Jesus:

“Ông nói thế là thế nào? Ông là người Do Thái, sao lại xin tôi nước uống, tôi là phụ nữ Samaria mà!”.

Jesus trả lời cô ta:

“Nếu cô biết thế nào là món quà tự do mà Chúa ban tặng và nếu đặt trường hợp cô là người xin nước một ai đó, cô nói ‘Xin cho tôi nước’, người đó sẽ cho cô nước uống mà không hỏi gì thêm”.

Có một điều gì đó ẩn chứa trong lời nói của Jesus và cái nhìn của Jesus làm cho người phụ nữ cảm nhận rằng ông ta không phải là người tầm thường. Cô ta nói: “Thưa ông, ông không có gì để múc nước, cái giếng này lại rất sâu. Ông vĩ đại hơn cha Jacob của chúng tôi đúng không, Jacob uống nước từ giếng này và ông ta lấy nước cho chúng tôi!”.

“Bất kỳ ai uống nước này”, Jesus nói, “Sẽ bị khát trở lại, nhưng những ai uống nước ta ban cho sẽ không bao giờ khát nữa, nước mà ta ban cho người nào sẽ nằm chính trong người ấy, một giếng nước xuất phát từ cuộc sống bất diệt”.

“Thưa ông”, người phụ nữ nói, “Cho tôi một ít nước của ông vì tôi muốn tôi sẽ không còn khát nước nữa và cũng không còn phải đến cái giếng này nữa”.

Jesus nhìn người phụ nữ và nói với cô ta, “Hãy về nhà và cùng chồng của cô đến đây”.

“Tôi không có chồng”, Người phụ nữ trả lời.

“Đúng”, Jesus nói, “Cô nói rất đúng. Tuy cô không có chồng. Nhưng thực tế cô có năm người chồng, người mà cô có bây giờ không phải là chồng của cô”.

Người phụ nữ rất ngạc nhiên khi nghe điều này. Cô ta linh cảm được rằng đây là một người biết những điều mà người khác không thể biết được. Cô ta cảm thấy rằng Chúa Trời đã bảo với ông ta và cô ta nói:

“Thưa ông, tôi thấy rằng ông là một nhà tiên tri của Chúa. Hãy bảo với tôi người của chúng tôi đúng hay người Do Thái đúng. Những cha đạo của chúng tôi thì lễ bái trên đỉnh núi này, nhưng những người Do Thái thì bảo Jerusalem mới là nơi để mọi người chiêm bái. Thế thì nơi nào mới thực sự là nơi lễ bái?”.

“Này người phụ nữ kia hãy tin ta”, Jesus nói, “Sẽ có một ngày mọi người chiêm bái đức Chúa ở những nơi khác bên ngoài ngọn núi này và cũng không phải ở Jerusalem. Ngày đó sẽ rất gần, thậm chí ngay bây giờ. Mỗi khi mọi người đã có lòng chiêm bái chân thành thì bất kỳ nơi đâu cũng có thể chiêm bái đức Chúa, vì đức Chúa chính ở trong tâm hồn họ”.

Người phụ nữ nói: “Tôi biết rằng đức Christ được xoa dầu đã tới. Khi ông ta tới ông ta sẽ dạy dỗ cho chúng ta mọi điều”.

Jesus nói với cô ta:

“Người mà cô đang nói tới chính là ta, Christ”.

Đúng lúc này các môn đệ của Jesus từ ngôi làng trở về. Họ rất ngạc nhiên khi thấy Jesus nói chuyện với một phụ nữ Samaria.

Người phụ nữ đến giếng múc nước, nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt này, cô ta quên cả công việc của mình. Cô ta thả cái gầu nước xuống giếng rồi chạy vội về làng và nói với mọi người:

“Hãy đến gặp một người, người này đã dạy bảo tôi mọi điều cần làm trong cuộc sống! Người này chẳng phải là Christ mà chúng ta cần tìm ư?”

Người phụ nữ lập tức quay trở lại giếng nước cùng với những người khác. Họ yêu cầu Jesus đến thành phố của họ, ở lại đó để dạy bảo họ. Thế là Jesus đồng ý cùng họ trở về thành phố và ở lại đó hai ngày để giảng dạy cho những người Samaria. Nhiều người ở đây đã tin vào Jesus, họ nói:

“Chúng tôi nghe ngài dạy vì chính chúng tôi, biết rằng đây là việc làm của Đấng Cứu Thế”.

CÂU CHUYỆN NGƯỜI ĐÁNH CÁ

Khi Jesus bắt đầu giảng dạy cho mọi người bên dòng sông Jordan, một vài người trẻ tuổi đến xin ông ta nhận làm tín đồ của ông ta. Tạm kể một vài người trong số họ là Andrew, John, Peter, Philip và Nathanael. Trong khi Jesus giảng dạy gần Jerusalem và Samaria bốn người này ở lại với ông ta, còn khi đến Galilee họ quay trở về nhà của họ để làm việc, vì phần lớn họ là những người làm nghề đánh bắt hải sản trên vùng biển thuộc địa phận Galilee.

Một buổi sáng sau khi Jesus đến Capernaum, ông ta ra khỏi thành phố gần bờ biển và đi theo một nhóm người, họ cùng nhau đến để gặp và nghe ông ta giảng kinh. Trên bờ biển hai thuyền đánh cá đang neo đậu, một chiếc là của Simon và Andrew, chiếc còn lại là của James, John và cha của họ là Zebedee. Những người này không ở trên thuyền của họ mà đang rửa lưới ở gần đó.

Jesus bước vào thuyền của Simon Peter và người anh em Andrew, rồi yêu cầu họ đẩy thuyền ra một chút, vì ông ta không thể nói chuyện với họ giữa đám đông ồn ào. Họ đẩy thuyền ra một đoạn, Jesus ngồi lên thuyền rồi nói chuyện với họ bình thường như lúc ở trên bờ. Sau khi hoàn thành cuộc nói chuyện với mọi người, Jesus bảo họ cho thuyền ra xa rồi nói với Simon Peter:

“Cho thuyền ra chỗ nước sâu rồi thả lưới của các con xuống để bắt cá”.

“Thưa thầy”, Simon nói, “Chúng con đêm nào cũng đánh cá mà chẳng bắt được con nào, nhưng nếu ý của thầy muốn, con sẽ thả lưới một lần nữa”.

Họ làm như lời Jesus bảo và lần thả lưới này cá mắc lưới quá nhiều đến nỗi Simon và Andrew không thể kéo nó lên được, lưới có nguy cơ bị rách. Họ ra hiệu cho hai người anh em đang ở trên thuyền khác và James và John đến giúp đỡ. Họ cùng đến kéo lưới lên và nhặt cá ra. Hai con thuyền đều chứa đầy cá, sức nặng của cá làm cho hai con thuyền bắt đầu chìm.

Khi Simon Peter biết điều này anh ta vô cùng kinh ngạc và cảm thấy rằng đó là quyền năng của Chúa. Ông ta quỳ xuống dưới chân của Jesus và nói: “Ôi đức Chúa, đời con đã đầy tội lỗi, không xứng đáng với những điều này! Hãy để mặc con, thưa đức Chúa”.

Nhưng Jesus nói với Simon và những người khác, “Sợ gì, hãy theo ta, ta sẽ khiến cho

con từ nay trở thành những nhà truyền giáo".

Từ lần đó, cả bốn người Simon, Andrew, James và John đã bỏ nghề chài lưới và đã trở thành những đệ tử của Jesus.

Cũng trên lãnh thổ Sabbath, sau này, Jesus và các đệ tử của ông cùng đến để thuyết giảng và dạy dỗ mọi người. Họ lắng nghe và ngạc nhiên về những lời dạy của ông ta, vì trong khi những nhà thần học Do Thái nói lại những điều mà những nhà thần học trước đó đã nói, còn Jesus thì không bao giờ nói lại những điều cũ kĩ, ông ta nói bằng chính mình, bằng quyền năng của mình, ông ta nói, "Ta nói với các con", như một người khẳng định sự đúng đắn trước khi nói. Mọi người cảm thấy rằng Jesus với họ như lời của Chúa.

Cũng một lần ở Sabbath, trong khi Jesus đang thuyết giáo, một người chạy đến Giáo đường với tâm trạng xấu ác, vì thỉnh thoảng những tư tưởng xấu ác đến trong con người, sống với con người và dẫn dắt con người đi vào tà đạo. Tư tưởng xấu ác trong con người này đã khiến ông ta thốt ra những lời như sau:

"Hãy để chúng tôi một mình, này Jesus của Nazareth! Chúng ta có làm gì đến ngươi? Sao ngươi đến để huỷ hoại chúng ta? Ta biết ngươi và ta cũng biết nghệ thuật cảm hoá lòng người của ngươi, một thần linh của Chúa!".

Jesus nói với tư tưởng xấu ác trong con người kia:

"Vẫn còn ở đó à, hãy cút khỏi người này!".

Thế là tư tưởng xấu ác lập tức ném người kia xuống đất và dường như nó đang khóc, nó xô người kia nằm xuống nền đất nhưng không bị thương.

Mọi người đều rất ngạc nhiên. Họ cảm thấy sợ hãi và nói: "Đây là lời nói có quyền lực gì? Người này cùng với những tư tưởng xấu ác, tất cả đều nghe lời ông ta. Sau buổi gặp gỡ ở Giáo đường, Jesus về nhà Simon Peter. Ở đó ông ta thấy mẹ vợ của Simon nằm ở trên giường, bà ta đang sốt rất nặng. Jesus đứng bên giường và cầm tay bà ta. Lập tức cơn sốt không còn, bà ta ngồi dậy khỏi giường và lạy tạ.

Ngày ở Sabbath đã trôi qua nhanh chóng, phút chốc đã đến hoàng hôn, họ dẫn Jesus đi khắp mọi nơi trong thành phố, đến những nơi mà ở đó có nhiều người bệnh tật và có nhiều kẻ ác độc. Jesus dùng bàn tay của mình để chữa khỏi bệnh cho mọi người và dùng lời nói để hoá độ những kẻ ác trở về chính đạo.

CÂU CHUYỆN THUYẾT GIÁO TRÊN NÚI

Trong số những người Do Thái có một lớp người bị mọi người coi khinh hơn bất kỳ ai. Đó là những "kẻ đánh thuế". Những người này do những kẻ thống trị La Mã phái đến để thu thuế trên lãnh thổ Do Thái. Nhiều kẻ thu thuế tỏ ra rất ích kỷ, keo kiệt và hung tợn. Họ cướp đoạt của người dân, bắt bớ vượt quá quyền hành. Một số trong bọn họ là trung thực, đối xử công bằng, thu thuế đúng mức, nhưng bởi vì phần đông là những người xấu xa nên tất cả bọn họ đều bị ghét bỏ như nhau, họ được mọi người gọi chung bằng một từ là "Những kẻ tội phạm".

Một ngày nọ, khi Jesus ra khỏi Capernaum, đến bờ biển, dẫn theo một nhóm tuỳ tùng, ông ta đi ngang qua một nhân viên thu thuế lúc đó đang ngồi tại một chiếc bàn để thu thuế của người dân. Nhân viên thu thuế đó có hai tên là Matthew, hoặc gọi là Levi, vì nhiều người Do Thái thường có hai tên. Jesus có thể nhìn thấu tâm can mọi người và ông ta thấy rằng Matthew là một người có thể làm trợ thủ tốt cho ông ta như những môn đệ khác. Ông ta nhìn Matthew và nói:

"Hãy theo ta!".

Lập tức nhân viên thu thuế đó đứng dậy khỏi bàn và đi theo Jesus. Tất cả mọi người đều ngạc nhiên vì nhìn thấy một trong những kẻ thu thuế đàng ghét đi giữa những đệ tử của Jesus, cùng với Peter, John và mọi người. Nhưng Jesus tin rằng sẽ có điềm lành cho nhân loại. Phần lớn những người đi theo Jesus đều là những người làm nghề chài lưới nghèo. Không một người nào như chúng ta đã biết là giàu có cả. Nhưng Jesus không nhìn người ở sự giàu nghèo mà nhìn người bằng con tim chân thật và lòng yêu thương vô bờ bến. Vì thế ngài đã không nghĩ gì khi nhận Matthaw làm đồ đệ, thậm chí còn xem ông ta như một người bạn. Và người mà được Jesus gọi đã sớm thể hiện đức tin và lòng quả cảm của mình. Quyển sách đầu tiên trong số bốn quyển sách viết về Jesus được mang tên Matthew.

Sau một thời gian được Jesus gọi vào hàng ngũ, Matthew đã tổ chức một buổi tiệc lớn tại nhà mình, ông ta mời rất nhiều nhân viên thu thuế đến tham dự buổi tiệc, những người bị người Do Thái gọi là "Những kẻ tội phạm". Phasisees thấy Jesus ngồi giữa những người này, họ nói với các đệ tử:

"Tại sao thầy của các ngươi lại ngồi vào bàn của những người thu thuế tội lỗi này?".

Jesus nghe được câu hỏi của những kia liền nói:

“Người khỏe mạnh thì cần bác sĩ chữa bệnh làm gì, chỉ những người bệnh mới cần đến bác sĩ. Ta đến với những người này bởi vì họ biết rằng họ là những tội phạm và cần được cứu giúp. Ta đến với họ không phải để khuyên họ nghĩ đến những điều tốt mà đến để bảo họ làm những điều tốt”.

Một buổi tối, Jesus một mình leo lên một đỉnh núi, không xa lắm so với Capernaum. Một nhóm tuỳ tùng và môn đệ đi theo ông ta, nhưng ông ta đã bảo họ ở lại dưới chân núi, một mình ông ta leo lên đỉnh núi. Jesus đã ở lại đó suốt đêm để cầu nguyện đức Chúa, cha của ông ta và cha của chúng ta. Vào buổi sáng, Jesus chọn ra mười hai người trong số những môn đệ của ông ta đi tản bộ và nghe những lời dạy của ông ta, vì ông ta biết mười hai người này sẽ lần lượt thay thế ông ta để dạy dỗ mọi người. Một vài người trong số này đã được ông ta gọi trước đây và giờ cũng được ông ta gọi lại cùng với một số người khác. Họ được gọi là “The Twelve - Nhóm mười hai” hoặc cũng được gọi là “The Disciples - Những môn đệ”, và sau khi Jesus lên Thiên đường thì họ được gọi là “The Apostles - Những vị tổ truyền đạo”, bởi vì Jesus muốn họ truyền Phúc âm cho nhân loại.

Tên mười hai đệ tử của Jesus còn gọi là “Những vị tổ truyền đạo là”:

Simon Peter

Andrew, em Simon

James, con trai của Zebedee

John, con trai cửa Zebedee

Philip của Bethsaida

Nathanael, cũng được gọi là Bartholomew, tên này có nghĩa là con trai của Tholmai.

Thomas, cũng được gọi là Didymus, tên này cónghĩa là sinh đôi

Matthew

James, con trai của Alpheus, khác với James trên, còn gọi là “James the Less”.

Lebbeus, cũng được gọi là Thaddeus, cũng được gọi là Judas, nhưng khác với Judas mà ta đã biết ở những truyện trước.

Simon khác, cũng được gọi là Canaanean hoặc Simon Zelotes.

Judas Iscariot, sau này là kẻ phản bội.

Chúng ta biết rất ít thông tin về những người này, nhưng một vài người trong số họ sau này làm nên những việc vĩ đại. Simon Peter là một lãnh đạo trong số họ, nhưng hầu hết họ đều xếp vào những người tốt nhất. Chúng ta biết rằng họ đã yêu quí Jesus và theo ông ta cho đến cuối đời. Một vài người đã chết vì ông ta và một vài người đã phụng sự ông ta ở những nơi rất xa xôi và nguy hiểm.

Trước khi mọi người đến nghe Jesus truyền đạo, Jesus đã cho gọi mười hai người này đến ngồi bên cạnh ông ta. Thế mà, trên đỉnh núi, ông ta truyền đạo cho những đệ tử này và toàn thể môn đồ của mình. Những đệ tử đứng bên cạnh ông ta và đoàn tín đồ đứng phía trước để nghe Jesus truyền giáo. Những lời Jesus nói ngày đó được gọi là "Bài thuyết pháp trên đỉnh núi". Matthew đã chép lại bài pháp[1] này. Jesus bắt đầu nói những lời với đệ tử của mình:

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người thiếu thốn linh hồn: hãy cho họ đến quốc vương Thiên đường".

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người than khóc tiếc thương: hãy ban cho họ niềm an ủi".

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người hiền lành ngoan ngoãn: hãy cho họ được thừa kế trái đất".

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người sống chính đáng mà đói cơm khát nước: hãy ban cho họ cuộc sống đầy đủ".

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người có lòng khoan dung, nhân từ: hãy cho họ có sự nhân từ mãi mãi".

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người có con tim trong sạch: hãy cho họ được gặp đức Chúa".

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người sống biết hoà giải: hãy cho họ làm con cái của Chúa".

"Cầu xin Chúa ban phúc cho những người sống vì mục đích chính đáng mà bị ngược đãi: hãy cho họ được lên Thiên đường".

“Cầu xin Chúa vì con mà ban phúc cho những người mắng nhiếc Ngài, ngược đãi Ngài, tỏ thái độ ác độc đối với Ngài”.

“Hãy vui lên, vì đó là niềm vui vĩ đại, Thiên đường là phần thưởng của con, những nhà tiên tri sẽ đến đó trước các con”.

“Các con là muối của Quả đất nhưng nếu muối mà mất đi hương vị của nó thì còn mặn được không? Thế thì làm tốt cũng chẳng để làm gì, sẽ bị ném ra ngoài và bị giẫm dưới chân mọi người”.

“Các con là ánh sáng của thế giới. Thành phố mọc trên đồi sẽ không bị che lấp. Các con đừng thắp sáng ngọn nến rồi để trong ga lông[2] mà phải để ngọn nến lên trên chân nến và để ánh sáng chiếu khắp ngôi nhà[3]. Hãy để ánh sáng của con soi đường cho nhân loại, họ sẽ thấy những việc làm tốt của các con và vinh danh đức Chúa Cha của các con trên Thiên đường”.

Đó là bài Thuyết giáo trên núi Mount, Jesus đã bảo cho mọi người cách làm thế nào để cầu nguyện và ông ta đã đọc ra cho họ những lời cầu nguyện mà chúng ta đã biết trên đây.

Còn đây là bài Thuyết giáo cuối cùng:

“Vì thế, bất kỳ ai nghe những lời này của ta đều phải thực hành chúng, ai làm được điều này thì sẽ là người thông minh, có thể so sánh với ta, cũng giống như một ngôi nhà được dựng trên nền đá”.

“Khi mưa xuống, nước lũ kéo về, gió mưa dữ dội đập vào ngôi nhà, nó sẽ không hề hấn gì vì nó được dựng trên nền đá”.

“Còn nếu mọi người không nghe những lời này của ta, không thực hành chúng, ai là người không thực hành chúng thì chẳng khác nào một kẻ ngu ngốc, sẽ như ngôi nhà xây trên nền cát”.

“Khi mưa xuống, lũ lụt kéo về, gió mưa dữ dội đập vào ngôi nhà thì nó sẽ bị sập đổ, đó là điều tất yếu vì nó được xây dựng trên nền cát”.

[1] Bạn có thể tìm đọc nó trong sách Phúc âm, Chương V, VI, VII

[2] Thắp sáng ngọn nến rồi để trong galong: giấu tài

[3] ... để ngọn nến lên trên chân nến và để ánh sáng chiếu khắp ngôi nhà: đem tài trí của mình giúp đời.

NGƯỜI LÀM NHỮNG VIỆC THẦN DIỆU

Trong thành phố Capernaum có một sĩ quan quân đội La Mã, ông ta thống lĩnh đội quân gồm một trăm người. Họ gọi sĩ quan này là Centurion, chúng ta thường gọi ông ta là Captain. Ông ta không phải là người Do Thái và được người Do Thái gọi là Gentile[1], đó là một danh từ được người Do Thái sử dụng để gọi những ai không thuộc về chủng tộc của họ. Với ý nghĩa đó, tất cả mọi người trên thế giới, ngoại từ người Do Thái đều là Gentile.

Đại đội trưởng quân đội La Mã này là người tốt, ông ta yêu thương người dân Do Thái, bởi vì thông qua họ ông ta nghe được những lời dạy của Chúa và học hỏi cách thờ phụng Chúa. Ngoài việc ông ta quý mến người Do Thái, ông ta còn bỏ tiền túi của mình để xây dựng một Giáo đường để Jesus giảng dạy vào những ngày nghỉ.

Đại đội trưởng có một người đày tớ trẻ, một cậu bé được ông ta rất yêu thích, cậu bé này rất ốm yếu và bị liệt, tính mạng ngàn cân treo sợi tóc. Vị Đại đội trưởng nghe được rằng Jesus có thể chữa được bệnh cho cậu bé, ông ta nhờ những người lớn tuổi trong Giáo đường, các ông ấy được gọi là "elders" đến chỗ Jesus và mời ông ta đến chữa bệnh cho người đày tớ trẻ.

Những vị lão thành tìm đến Jesus nhưng Jesus đã trở lại Capernaum, sau buổi thuyết giáo trên đỉnh núi. Họ yêu cầu Jesus đến nhà vị Đại đội trưởng với họ và họ nói:

"Ông ta là một người đáng kính, ngài phải giúp ông ta, mặc dầu ông là người ngoại bang nhưng ông ta yêu quý người dân Do Thái và đã xây dựng một Giáo đường cho chúng ta".

Jesus nói, "Ta sẽ đến chữa khỏi cho cậu ta".

Nhưng trên đường đi, cùng với những bậc lão thành, các đệ tử và một nhóm tuỳ tùng, những người mong muốn được nhìn thấy Jesus chữa bệnh, vị Đại đội trưởng bảo một số người bạn khác của ông ta mang đến Jesus một bức thư:

"Thưa ngài! Ngài đừng bận tâm về chuyện của gia đình tôi, vì tôi không đáng để ngài hạ cố đến nhà và tôi không nghĩ rằng tôi có tư cách để đến gặp ngài. Nhưng chỉ cần ngài bảo một câu là ngài ở đâu thì những người hầu của tôi sẽ đến đón ngài. Vì tôi cũng là người dưới quyền chỉ đạo của người khác và những người lính nghe sự chỉ đạo của tôi. Tôi bảo đi, họ sẽ đi, tôi bảo đến họ sẽ đến, tôi bảo làm họ sẽ làm và ngài

cũng thế, ngài có thể sai bảo họ và họ sẽ tuân lời ngài. Hãy nói một câu, người hầu của tôi sẽ được cứu chữa".

Khi Jesus nghe điều này ông ta vô cùng ngạc nhiên vì đức tin của người này. Ông ta quay lại những người tuỳ tùng và nói:

"Ta nói thật với các con, ta chưa thấy một người Do Thái nào có đức tin như thế này!".

Thế rồi Jesus nói với những những người bạn của vị Đại đội trưởng chuyển lại lời của ông ta:

"Về và nói với người này rằng nếu anh đã tin tôi như thế, thì tôi sẽ làm mọi thứ cho anh".

Những người ấy trở về nhà của vị Đại đội trưởng và họ thấy rằng người hầu của ông ta đã khoẻ mạnh.

Sau đó một ngày Jesus cùng với các đệ tử của mình cùng nhiều người khác đi khỏi Capernaum, đi về phía Nam đến ngôi làng có tên là Nain. Đúng lúc Jesus đến gần cổng thành phố, họ gặp một nhóm người đang khiêng một người chết đi chôn. Người chết đó là một người đàn ông trẻ và và con trai duy nhất của một quả phụ.

Khi đức Jesus thấy người mẹ đang trong trạng thái đau buồn, ông ta cảm thấy xót thương liền nói, "Đừng khóc nữa!".

Ông ta tiến lại gần rồi chạm tay sờ vào thi thể, thi thể được quấn bằng những tấm vải lanh dài. Những người đưa tang nhìn thấy đều rất kinh ngạc về hành động lạ lùng này, họ đặt thi thể người chết xuống và đứng sang một bên, Jesus nói:

"Anh bạn trẻ, ta bảo anh, hãy đứng lên!".

Một lát người đàn ông trẻ kia đứng dậy và bắt đầu nói chuyện. Jesus trả anh ta về cho người mẹ, con trai của bà ta đã chết và bây giờ được sống lại.

Sau đó, Jesus đi khắp lãnh thổ Galilee, làm những việc huyền bí, truyền giáo và dạy dỗ dân chúng ở khắp các làng mạc, bảo cho mọi người tin tức tốt lành về vương quốc của Chúa.

Những trẻ nhỏ yêu mến và vây quanh ông ta, những môn đệ của ông ta bảo chúng ra xa, ông ta nói, "Hãy cho phép chúng đến với ta, đừng ngăn cấm chúng vì như thế mới

là vương quốc của Thiên đường".

Vào một ngày nghỉ Jesus và các đệ tử đi bộ trong lãnh thổ Jerusalem, họ gặp một người ăn xin mù lòa. Người đàn ông này không bao giờ thấy được bất cứ điều gì trong cuộc sống vì ông ta bị mù bẩm sinh. Những đệ tử nói với Jesus khi họ đi ngang qua người mù kia: "Thưa thầy lỗi lầm nào đã khiến cho người đàn ông này bị mù vậy? Bởi vì chính ông ta làm nên tội hay bởi cha mẹ ông ta làm nên tội?".

Vì những người Do Thái nghĩ rằng khi nghiệp ác đến điều ấy được gây ra do tội lỗi của một người nào đó. Nhưng Jesus nói:

"Người này bị mù bẩm sinh, không phải do tội lỗi của cha mẹ, cũng không phải do tội lỗi của người ấy mà là do Chúa đặt quyền năng của mình vào người ấy. Chúng ta phải làm những công việc của Chúa suốt ngày đêm khi những người khác không thể làm được. Cho đến khi ta là thế giới, ta là ánh sáng của thế giới".

Khi Jesus nói điều này ông ta nhổ xuống nền đất một ít nước bọt rồi trộn lẫn với đất vò thành một viên tròn. Jesus lấy viên đất tròn này lăn lên hai mắt của người đàn ông mù và bảo anh ta: "Đi rửa ở bể nước Siloam".

Bể nước Siloam là một bể chứa lớn mằn ở phía Đông Nam của Jerusalem, bên ngoài thành phố, đó là hồ chứa từ hai nguồn nước của hai thung lũng Gihon và kedron chảy về. Người đàn ông mù đi đến bể chứa này với hai mắt đầy bùn, phải đi xuyên qua những con đường của thành phố, ra ngoại thành rồi vào thung lũng. Anh ta đi và cảm thấy con đường từng bước dẫn tới bể nước Siloam. Ở đó anh ta rửa mắt, ngay lập tức bóng đen đã không còn và anh ta có thể nhìn thấy.

Khi người này trở về thành phố, nơi mà anh ta đã từng sống cùng hàng xóm láng giềng của anh ta không thể tin được có người lại giống nhau đến thế. Họ nói: "Đây 1à người đã từng ngồi ăn xin trên đường phố phải không?".

"Đây chính là người đó", một người nào đó nói, nhưng người khác lại nói: "Không, ấy là một người trông giống anh ta mà thôi".

Người đàn ông kia nói, "Tôi chính là người bị mù đây!".

"Tại sao, tại sao anh lại hết mù?" họ hỏi. "Làm cách nào mà mắt của anh nhìn thấy được?".

"Có một người tên là Jesus", anh ta trả lời, "Trộn một viên đất tròn lăn lên hai mắt tôi

và bảo tôi, 'hãy đến bể Siloam và rửa', sau đó tôi đã đến rửa ở đó và mắt tôi có thể nhìn thấy được".

"Người đó ở đâu?" họ hỏi ông ta.

"Tôi không biết", người đàn ông nói.

Một số người theo đạo Pharisee, họ luôn luôn thể hiện rằng mình là những người tuân theo luật pháp, họ hỏi anh ta bằng cách nào mà đôi mắt anh ta có thể nhìn thấy được. Anh ta trả lời họ cũng như lần trước:

"Một người đã lăn viên đất lên mặt tôi sau đó tôi đi rửa và ánh sáng đã đến với tôi".

Những người Pha-ri nói:

"Người làm điều này không phải là người của Chúa, bởi vì anh ta không giữ ngày nghỉ[2]. Anh ta vo đất đặt lên mắt người khác, anh ta làm việc đó đúng vào ngày nghỉ. Ông ta là một người phạm pháp!".

Những người khác nói, "Ông ta đã làm những việc tuyệt vời như thế sao gọi là người phạm pháp?".

Mọi người đang phân vân về những suy nghĩ của mình đối với Jesus. Họ hỏi người bị mù: "Anh nghĩ gì về người đã làm sáng mắt cho anh?".

"Ông ta là một nhà tiên tri của Chúa", người kia nói.

Nhưng những người Do Thái lãnh đạo này cũng chưa tin rằng Jesus đã lấy lại được ánh sáng cho một người mù, cho đến khi họ gặp cha mẹ của người mù, họ hỏi:

"Đây là con trai của hai người à, anh ta bị mù bẩm sinh đúng không? Thế tại sao bây giờ anh ta có thể nhìn thấy?".

Cha mẹ người mù lo sợ không muốn nói mọi điều, vì những người Do Thái đã ra lệnh rằng, nếu ai nói Jesus là Christ, là vị cứu tinh, người đó sẽ bị trục xuất ra khỏi Giáo đường và không được phép chiêm bái với mọi người nữa. Thế là cha mẹ người mù nói với những người Do Thái:

"Chúng tôi biết đây là con trai của chúng tôi, chúng tôi cũng biết rằng cậu ta bị mù bẩm sinh. Nhưng tại sao cậu ấy có thể nhìn thấy thì chúng tôi không biết (mắt được

mở thì chúng tôi không biết). Cậu ta đã lớn, các ông hãy hỏi cậu ta, để cậu ta tự trả lời".

Thế là một lần nữa những người lãnh đạo Do Thái hỏi người mù và họ nói với anh ta:

"Hãy tặng đến Chúa lời cầu nguyện làm ngươi sáng mắt. Chúng ta biết rằng người đàn ông đã vo một viên đất lăn lên mắt người khác vào ngày nghỉ (Sabbath) là một người phạm pháp".

"Người đó là tội phạm hay không tôi không biết", người kia trả lời; "nhưng có một điều tôi biết đó là tôi bị mù và bây giờ tôi đã nhìn thấy. Chúng ta biết rằng Chúa không nghe những người phạm pháp nói; Chúa chỉ nghe những người phụng sự ngài và ngài sẽ ban phúc cho người đó, sẽ làm mọi việc cho người đó. Trước đây không bao giờ có người bị mù bẩm sinh và được sáng mắt trở lại. Nếu người này không phải Chúa sai đến thì anh ta không thể làm những việc như thế!".

Những người Do Thái lãnh đạo (người Pha-ri) nói với người kia: "Anh được sinh ra trong lỗi lầm, còn lên tiếng dạy dỗ chúng ta ư?".

Thế là họ đuổi anh ta ra khỏi Giáo đường, không để bất kỳ ai đi theo. Jesus nghe được điều này, ông ta đã tìm đến và nói với anh ta:

"Anh có tin vào con trai của Chúa?".

Người kia nói:

"Người đó là ai, tôi sẽ tin theo người người đó!".

"Anh có thể thấy người đó", Jesus nói, "người đó đang nói chuyện với anh!".

Người đàn ông nói, thưa ngài, tôi tin.

Anh ta đã quỳ xuống trước mặt Jesus và lễ tạ.

[1] Gentile: Một người ngoại quốc

[2] Giữ ngày nghỉ: ngày nghỉ không được phép làm việc.

NGƯỜI CHỦ CHĂN THIỆN XẢO VÀ NGƯỜI SAMARIA TỐT BỤNG

Sau đó không lâu, Jesus đã kể cho mọi người ở Jerusalem nghe câu chuyện ngụ ngôn "Người chăn cừu tốt bụng".

"Ta nói với các con, nếu ai đó không đi vào chuồng cừu bằng cửa chính mà leo qua cửa sổ hoặc leo vào bằng cách nào đó, làm như thế chỉ có thể là kẻ cướp hay kẻ trộm mà thôi. Nhưng một người vào chuồng cừu bằng cửa chính, đích thị người đó là người chủ của đàn cừu. Người canh cổng mở cửa chuồng cho anh ta, bầy cừu biết ông ta, nghe tiếng gọi của ông ta vì ông ta gọi chúng bằng một cái tên riêng và dẫn chúng ra đồng cỏ. Khi người đó dẫn đàn cừu ra khỏi chuồng, anh ta sẽ đi trước chúng và đàn cừu theo chân anh ta, vì chúng biết giọng của anh ta. Đàn cừu sẽ không theo một người lạ nào khác, vì chúng không biết giọng của người lạ mặt đó".

Mọi người không hiểu những điều Jesus vừa nói có hàm ý gì. Jesus đã diễn giải cho họ, ông ta nói: "Đúng thế, đúng thế, ta nói với các con, ta là cánh cửa để dẫn đến chuồng cừu. Nếu ai đó đến chuồng cừu bằng một cánh khác cách của ta thì người đó là kẻ trộm, kẻ cướp và chắc chắn đàn cừu sẽ không nghe anh ta. Ta là cánh cửa, nếu ai đó đi vào cánh cửa của ta, anh ta sẽ được cứu vớt, sẽ vào rồi ra và sẽ tìm được đồng cỏ".

"Những tên trộm đến chuồng cừu vì mục đích lén lấy cắp đàn cừu và sẽ giết chúng; nhưng ta đến chuồng cừu để mang lại cho chúng cuộc sống và cho không những thứ mà chúng cần. Ta là một chủ chăn tốt, một chủ chăn tốt sẽ từ bỏ cuộc đời của mình để cứu vớt đàn cừu của ông ta. Ta sẽ từ bỏ cuộc sống của ta để đàn cừu của ta được cứu rỗi".

"Ta là một chủ chăn tốt, chỉ là chủ chăn đích thực thì mới biết tất cả đàn cừu trong chuồng của mình, vì thế ta biết những cái của ta và những cái của ta biết ta, cũng như ta biết Cha và Cha biết ta, ta sẽ hy sinh đời mình cho đàn cừu. Ta sẽ có đàn cừu khác không phải trong chuồng này rồi ta cũng phải dẫn dắt chúng; chúng sẽ nghe lời ta và ở đó sẽ có một bầy đàn và một chủ chăn".

Những người Do Thái không thể hiểu những lời nói này của Jesus, họ trở nên rất giận dữ với ông ta, bởi vì ông ta nói đức Chúa là cha của ông ta. Họ lấy đá ném những người đi xung quanh ông ta, cố để bắt ông ta và có ý muốn giết chết ông ta. Nhưng

Jesus đã trốn thoát khỏi bàn tay của họ, chạy đến vùng đất bên kia lãnh thổ Jordan, vùng đất được gọi là Bethabara còn gọi là "Bethany bên kia Jordan", cùng nơi mà ở đó ông ta đã được John rửa tội của đạo Tin lành hai năm trước đó. Từ nơi đó, Jesus muốn đến vùng đất phía Đông Jordan, một nơi được gọi là Perea, một từ có nghĩa là "bên kia". Nhưng trước khi đến vùng đất này, Jesus đã chọn ra bảy mươi người trong số những đệ tử của mình và bảo họ đến khắp các làng mạc, báo cho họ biết để sẵn sàng chào đón Jesus đến. Jesus đã cho họ những lời dạy bảo như ông ta đã từng ban cho mười hai đệ tử của Jesus khi còn ở Galilee và bảo họ cứ hai người đi thuyết giáo cùng nhau. Ông ta nói:

"Ta bảo các con đến trước cũng như thử bầy cừu non đến giữa bầy sói. Các con có thể mang theo mọi thứ chỉ trừ tiền bạc và giày. Đừng dừng lại nói chuyện với những người gặp trên đường đi, chỉ nhắm đến thị trấn, làng mạc, cứu chữa bệnh tật và thuyết giáo cho mọi người".

Sau một thời gian, bảy mươi người trở lại và nói với Jesus, họ nói rằng:

"Thưa ngài, nhân danh ngài, mọi người, ngay cả những người ác độc cũng nghe những lời dạy của chúng con!".

Jesus nói với họ:

"Ta thấy Satan, Vua của những linh hồn ác độc, đang rơi xuống như một vệt sáng từ Thiên đường. Ta cho các con quyền lực, cách để bắt những con rắn và bò cạp, không có gì có thể làm hại các con. Cứ tiếp tục làm, đừng vui mừng vì những linh hồn ác độc tuân theo các con, mà hãy vui mừng vì tên tuổi của các con đã được ghi danh trên Thiên đường".

Lúc đó, một trong số những người nắm giữ sổ sách[1] đến chỗ Jesus và hỏi ông ta một câu hỏi để nghe ông ta trả lời. Ông ta hỏi: "Thưa thầy, làm gì để có cuộc sống bất diệt?".

Jesus trả lời người nắm giữ sổ sách: "Điều gì được viết trong luật? Ngươi là người viết luật, hãy bảo với ta luật đã nói gì?".

Thế là người kia trả lời:

"Đức Chúa Trời sẽ yêu thương bằng tất cả trái tim, bằng tất cả tâm hồn, bằng tất cả sức mạnh, bằng tất cả lý trí, ngài sẽ yêu thương tất cả như yêu thương chính mình".

Jesus nói với người kia: “Ngươi trả lời đúng rồi, làm như thế, ngươi sẽ có cuộc sống vĩnh hằng”.

Nhưng người này vẫn chưa thoả lòng. Ông ta hỏi câu hỏi khác: “Ai sẽ là láng giềng của con?”.

Để trả lời câu hỏi này, Jesus kể một câu chuyện ngụ ngôn “Người Samaria tốt bụng”. Ông ta kể: một người đàn ông cẩn thận một mình trên đường từ Jerusalem đến Jericho. Anh ta đã gặp phải bọn cướp, bọn chúng đã bắt anh ta, lột hết quần áo và đánh đập anh ta đến gần chết rồi bỏ chạy. Chuyện đó xảy ra khi một vị Mục sư đi ngang qua con đường và nhìn thấy người đàn ông kia đang nằm ở đó, ông ta lờ đi và tránh sang đường khác. Một Levite[2] cũng đi ngang qua con đường đó, thấy anh ta và cũng lờ đi qua con đường khác. Nhưng rồi có một người Samaria (Sam-ma-ri-a) đi qua con đường, người đàn ông bị đánh vẫn còn nằm ở đó. Người Samaria (Sam-ma-ri-a) thấy cảnh tượng người đàn ông bị đánh nằm bên đường liền cảm thấy xót thương. Anh ta đến bên người đàn ông, băng bó những vết thương trên thân thể người đó, rót dầu và rượu vào những vết thương để sát trùng. Sau đó anh ta đỡ người kia dậy, đặt lên trên mình con vật thồ hàng, anh ta đi bên cạnh người đó và đưa người đó đến nhà trọ. Ở đó, anh ta đã săn sóc người bị thương kia suốt cả đêm, sáng hôm sau anh ta lấy từ ví tiền của mình ra hai đồng bạc silinh và trả cho ông chủ nhà trọ và nói: “Hãy chăm sóc anh ta, nếu cần thêm tiền, anh cứ làm như điều tôi dặn, khi tôi trở về tôi sẽ trả tiền cho anh”.

“Trong ba người kia, bạn nghĩ ai là láng giềng của người đàn ông bị những kẻ cướp bắt đánh?”.

Người nắm giữ sổ sách trả lời: “Người thể hiện lòng nhân từ đối với cậu ta”.

Jesus nói với người kia: “Đi làm những điều như thế”.

Bằng câu chuyện ngụ ngôn này, Jesus đã chỉ ra rằng, “láng giềng của chúng ta” là những người cần chúng ta giúp đỡ, dù người đó là ai.

[1] Sổ sách: Những người viết lại kinh Cựu ước để nghiên cứu và thuyết giáo

[2] Levite: Người chuyên hành lễ trong giáo đường

NHỮNG CÀNH LÁ CỌ

Từ Jericho, Jesus và các đệ tử của mình lên đỉnh núi, đến Bethany, ở đó bạn bè của ông ta là Martha và Mary đang sinh sống và ở đó ông ta đưa Lazarus trở lại với cuộc sống. Nhiều người ở Jerusalem nghe Jesus đang ở đó, họ liền ra khỏi thành phố tìm đến để gặp ông ta, vì Bethany chỉ cách Jerusalem hai dặm. Một số người cũng đến đây để xem Lazarus, người được Jesus cứu vớt từ cõi chết, nhưng những người lãnh đạo Do Thái bảo với nhau:

"Chúng ta không chỉ giết Jesus mà giết cả bọn Lazarus, bởi vì số người tin theo ông ta quá nhiều và vẫn có nhiều người tiếp tục tin theo ông ta".

Những người bạn của Jesus ở Bethany làm bữa ăn tối cho Jesus tại nhà một người có tên là Simon. Ông ta gọi là "Simon bị hủi" và có lẽ ông ta được Jesus điều trị khỏi bệnh hủi. Jesus cùng những môn đệ của mình và Lazarus ngồi tựa lên những chiếc trường kỷ xung quanh bàn ăn như những thượng khách. Martha là một trong số những người phục vụ họ. Trong khi họ đang ăn tối, thì Mary, chị em gái của Lazarus đến căn phòng, mang theo chiếc lọ đựng nước hương rất thơm. Cô ta mở chiếc lọ nước thơm rồi xịt nhẹ lên đầu Jesus và xịt thêm một ít vào chân Jesus, sau đó dùng mái tóc dài của mình chùi chân cho ông ta. Toàn bộ căn nhà ngào ngạt hương thơm.

Nhưng một người trong số đệ tử của Jesus là Judas Iscariot không hài hòng về việc này. Anh ta nói: "Tại sao lại phung phí nước hoa như thế? Lọ nước hoa này phải mua mất hơn bốn mươi lăm dolar, tiền đấy sao không để cho người nghèo!".

Điều anh ta nói không phải vì anh ta quan tâm đến người nghèo. Judas người giữ túi tiền của Jesus và mười hai đệ tử của Jesus. Ông ta là một tên trộm, đã lấy đi nhiều tiền của mọi người để sử dụng riêng cho mình. Nhưng Jesus nói:

"Để cô ta một mình, tại sao lại bắt lỗi một phụ nữ? Cô ta đã làm một điều tốt với ta. Nhưng con chỉ có một chút ít ta trong con. Cô ấy làm điều cô ấy có thể, cô ta đến để rưới nước hoa lên thân ta vì việc mai táng. Và thật đúng, ta nói với con, cho đến lúc nào và bất kỳ ở đâu sách Phúc âm cũng sẽ được thuyết giáo khắp nơi trên thế giới và người phụ nữ này sẽ có nó trong trí nhớ của cô ta".

Có lẽ Mary biết rằng những người khác không tin Jesus sẽ sớm từ trần và cô ta đã thể hiện tình yêu của mình với ông ta, cô ta đau buồn vì Jesus sắp từ biệt cõi đời. Còn Judas, người đệ tử nắm giữ túi tiền thì rất tức giận, từ lần ấy ông ta tìm cơ hội để phản

bội Jesus, hoặc tìm cách giao ông ta cho kẻ thù của ông ta. Ông ta tìm đến các vị mục sư trưởng và nói: "Các ông sẽ đền đáp công tôi như thế nào nếu tôi giao Jesus cho các ông?".

Họ nói, "Chúng ta sẽ cho anh ba mươi miếng bạc".

Và chỉ vì ba mươi miếng bạc đó, Judas hứa sẽ giúp họ bắt Jesus và khiến ông ta thành tù nhân của họ.

Vào buổi sáng, sau bữa ăn ở Bethany, Jesus gọi hai đệ tử của ông ta lại và nói với họ:

"Hãy vào làng bên cạnh, chỗ hai con đường giao nhau, ở đó các con sẽ tìm thấy một con lừa và một con ngựa non. Tháo chúng ra và mang về cho ta. Nếu có ai hỏi các con, 'tại sao các anh làm điều này?', thì nói, 'đức Chúa cần chúng', họ sẽ để các con dẫn chúng đi".

Họ đi đến nơi và tìm thấy lừa và ngựa ở đó, khi đang mở dây cho chúng thì chủ nhân của hai con vật này hỏi:

"Các anh đang làm gì thế, sao lại tháo dây con lừa?".

Họ trả lời đúng như lời của Jesus bảo:

"Đức Chúa cần đến nó".

Thế là người chủ của hai con vật kia để họ dắt con lừa và con ngựa non về cho Jesus. Họ mang chúng đến chỗ Jesus trên đỉnh núi của Olives, họ trải một ít quần áo lên lưng con ngựa non làm đệm cho Jesus cưỡi. Thế là tất cả đệ tử và một nhóm người tuỳ tùng rất đông ném những y phục của mình trên nền đất để Jesus bước lên. Những người khác thì chặt những cành cây để lát nền cho ông ta đi qua. Jesus đã cưỡi ngựa băng qua ngọn núi đến Jerusalem, nhiều người đi trước mặt Jesus họ mang trên vai những cành cọ. Và họ cùng nhau hét lên:

Hosanna đứa con trai của David! Được ban phúc là những ai biết vinh danh đức Chúa Trời! Được ban phúc là những ai vinh danh Chúa để đến với vương quốc của cha David chúng con! Hosanna cao cả!".

Những điều này họ nói bởi vì họ tin rằng Jesus là Christ, một ông vua được thoa dầu và họ hy vọng rằng bây giờ ngai vàng của Jesus được đặt ở Jerusalem. Một vài người Pha-ri trong đám đông không tin vào Jesus, họ bảo với ông ta.

“Thưa ngài, ngài hãy bảo các đệ tử của ngài dừng lại!”.

Nhưng Jesus nói:

“Ta bảo con, nếu những người này im tiếng thì những viên đá sẽ thét lên đó!”.

Khi ông ta đến Jerusalem với đám đông tuỳ tùng, mọi người trong thành phố đều hết sức ngạc nhiên, họ nói: “Đây là ai?”.

Đám đông trả lời:

“Đây là Jesus, một tiên tri của Nazareth của vùng đất Galilee!”.

Sau đó Jesus vào trong Thánh đường, nhìn ngắm xung quanh nhưng không trú chân lại đó, bởi giờ cầu kinh đã quá muộn. Ông ta trở lại Bethany và qua đêm ở đó với những người bạn.

Những điều này xảy ra vào ngày chủ nhật, ngày đầu tiên trong tuần, vì thế mà ngày chủ nhật hàng năm được gọi Palm Sunday[1], xuất phát từ việc những người mang cành cọ đi trước Jesus.

Nhiều người nghe Jesus thuyết giảng một cách vui vẻ, nhưng thành phố lớn thì dường như bị điếc trước sự hùng biện của ông ta. “Ôi, Jerusalem, Jerusalem” ông ta khóc, “mày đã giết những nhà tiên tri, những đứa trẻ thành phố không còn tụ họp cùng nhau nữa, như một đàn gà dưới đôi cánh ấm áp của mẹ chúng giờ đây không còn nữa!”.

[1] Palm Sunday: Ngày chủ nhật cây cọ

CÂU CHUYỆN VỀ KẺ PHẢN BỘI

Dưới chân núi Olives, gần con đường xuyên qua đồi để đến Bethany, có một vườn cây trồng toàn Ôliu, được gọi là "Vườn Gethsemance". Danh từ Gethsemane có nghĩa là "ép dầu". Jesus thường đến đây với các đệ tử, bởi vì ở đây mát mẻ và yên tĩnh. Ở ngôi vườn này ông ta đã dừng lại, bảo tám môn đệ của mình bên ngoài và nói với họ, ngồi đây đợi ta vào cầu nguyện trong đó".

Jesus cùng với ba môn đệ khác được ông chọn là Peter, James và John, cùng đi vào trong vườn cây. Jesus biết rằng Judas cùng một nhóm người đang phục sẵn ở trong đó để bắt ông ta, chỉ một lúc nữa là ông ta sẽ bị đánh đập lột hết quần áo và hành hạ cho đến chết. Ông ta nghĩ về những tai hoạ sắp giáng xuống mà lòng đầy xót xa phiền muộn. Ông ta nói với Peter, James và John:

"Tâm hồn ta đang sầu não, một sự sầu não gần như giết chết ta. Ở lại đây và trông chừng trong lúc ta cầu nguyện".

Ông ta đi sâu hơn vào giữa những cây ôliu, nằm dài xuống đất và kêu lên:

"Ôi cha ơi, nếu có thể hãy để cái chén này lìa xa con, tuy nhiên đó không phải là ý của con mà là ý của ngài!".

Điềm báo hiệu mà ông ta cảm nhận được về những cực hình mà ông ta sẽ phải gánh chịu sắp xảy đến, trên khuôn mặt ông ta những giọt mồ hôi như những dòng máu chảy xuống đất. Sau một lúc cầu nguyện, ông ta ngồi dậy và đi đến chỗ ba người đệ tử, nhưng họ đã ngủ. Ông ta đánh thức họ và nói với Peter: "Cái gì, con không thể canh cho ta một giờ sao? Canh phòng và cầu nguyện là hai việc không thể lơ là được. Tinh thần phải sẵn sàng dù cơ thể có yếu đuối".

Ông ta rời bọn họ và lần thứ hai đi vào rừng cây cúi đầu và cầu nguyện:

"Ôi cha ơi, nếu cái chén này không thể xa con thì con phải uống nó, thế là mọi việc hoàn thành".

Ông ta trở lại chỗ ba người đệ tử và cũng thấy họ ngủ, nhưng lần này ông ta không đánh thức họ dậy. Ông ta một lần nữa đi vào rừng cây, cầu nguyện, dù những lời cầu nguyện như những lần trước. Một thiên thần từ Thiên đường đến và cho ông ta sức mạnh. Bây giờ ông ta đã sẵn sàng vì số mệnh của ông sẽ sớm ra đi, trái tim ông ta rất

mạnh mẽ. Một lần nữa ông đến chỗ ba người đệ tử và nói với họ: "Các con có thể tiếp tục ngủ và tìm lấy sự nghỉ ngơi, giờ cầu kinh sắp đến, đứa con trai của nhân loại đã nằm trong tay của những kẻ tội phạm. Nhưng hãy đứng dậy và chúng ta hãy đi. Hãy trông, kẻ phản bội đang ở đây!".

Những đệ tử của Jesus tỉnh dậy, họ nghe tiếng xôn xao từ một đám người, họ thấy ánh sáng từ những bó đuốc, sự lập loè của những đao kiếm. Họ thấy Judas đứng trong đám đông, giờ đây họ đã biết ông ta là một kẻ phản bội mà Jesus đã nói đêm hôm trước. Judas đến rồi, kéo Jesus về trước và ôm hôn ông ta với thái độ rất vui mừng. Đây là hành động mà ông ta báo hiệu cho băng nhóm của ông ta biết rằng người đó là đối tượng, vì những người canh gác không biết Jesus và Judas đã nói với họ:

"Người mà ta sẽ hôn là người mà các ông sẽ bắt, bắt lấy ông ta một cách nhanh chóng".

Jesus nói với Judas, "Judas, ngươi phản bội người con trai của nhân loại bằng một chiếc hôn!".

Thế rồi Judas quay lại đám người kia và nói, "Ai là người các ông muốn tìm?".

Họ trả lời, "Jesus của Nazareth"

Jesus nói, "Ta đây".

Khi Jesus nói điều này những kẻ thù của ông ta đột nhiên sợ hãi, họ dồn lui và ngã xuống nền nhà.

Một lát sau, Jesus hỏi lại, "Ai là người các ông cần tìm?".

Họ lại trả lời, "Jesus của Nazareth".

Jesus trỏ tay vào các đệ tử của mình và nói, "Ta bảo với các ngươi ta là ông ấy. Các ngươi tìm ta thì hãy để cho những đệ tử của ta đi con đường của họ".

Ngay khi họ đến bắt Jesus, Peter rút kiếm ra và đánh một người đứng trước, rồi cắt tai phải của người đó. Người đó là người hầu của vị cha xứ, tên cậu ta là Malchus. Jesus nói với Peter:

"Hãy đút kiếm vào bao, cái chén mà cha ta đã cho ta sao ta lại không uống nó? Con không biết rằng ta có thể kêu gọi cha ta gửi đến cho ta một đạo quân toàn là những

thiên thần!”.

Thế là ông ta nói với đám đông, “để ta làm điều này”. Ông ta chạm tay vào nơi tai bị cắt và nó lập tức lành trở lại. Jesus nói với những kẻ thống trị và những người lãnh đạo quân đội:

“Các ngươi đến đánh ta bằng gươm đao và gậy gộc như thử ta là một tên cướp ư? Ta ngày ngày cầu nguyện cùng các ngươi trong đền miếu, các ngươi đã không giơ tay đánh ta. Nhưng những lời dạy trong Kinh thánh thì phải được lưu truyền và đây là thời gian nguyện cầu của các ngươi”.

Khi đó các môn đệ của Jesus thấy rằng ông ta không cho phép họ đánh ông ta, họ không biết làm gì. Trong một lúc hoảng hốt, họ chạy ra ngoài và để lại thầy mình với kẻ thù. Những người đàn ông dùng tay bắt lấy Jesus và trói ông ta lại, họ mang ông ta đến ngôi nhà của một vị cha xứ. Lúc đó có hai người được người Do Thái gọi là những vị cha xứ. Một người là Annas, ông ta làm cha xứ cho đến khi văn phòng của ông ta bị người La Mã cướp mất và giao con rể của ông ta là Caiphas. Nhưng Annas vẫn là người đầy quyền lực, họ mang Jesus đang bị trói tới cho Annas đầu tiên.

Simon Peter và John, những đệ tử mà Jesus yêu mến đã đi theo đám người bắt ông ta; họ đến cửa nhà cha xứ. John biết vị cha xứ và đi vào trong còn Peter thì thoạt tiên đứng ở ngoài, mãi đến khi John đi ra và dẫn anh ta vào. Anh ta vào nhưng không dám vào phòng mà ở đó Jesus đang đứng trước vị cha xứ Annas. Trong sân nhà, họ đang đốt một lò than, Peter đứng giữa bọn họ và sưởi ấm bên lò than.

Annas trong phòng hỏi Jesus về giáo lý và về những môn đệ của ông ta. Jesus trả lời ông ta:

“Những gì tôi dạy đều đã nói tại Giáo đường trong đền miếu. Tại sao ông lại hỏi tôi? Hãy hỏi những người đã đến nghe tôi giảng, họ biết những gì tôi nói”.

Thế là một sĩ quan tát vào miệng Jesus và nói với ông ta:

“Đây là cách mà ngươi trả lời với một cha xứ à?”.

Jesus trả lời vị sĩ quan một cách bình tĩnh:

“Nếu ta có nói những gì sai trái thì ông hãy bảo điều sai trái đó là gì, còn nếu ta nói những điều chân thật thì tại sao ông lại bắt ta?”.

Trong khi Annas và những người của ông ta đang thể hiện sự thù ghét của mình đến Jesus, ông ta bị trói và một mình đứng giữa kẻ thù. Peter thì vẫn đứng sưởi ấm bên lò lửa ở ngoài sân. Một phụ nữ, cô là một người hầu gái trong nhà, nhìn Peter một cách lạ lẫm và cuối cùng cô ta hỏi Peter:

“Anh là một trong số những người đi với Jesus ở Nazareth?”

Peter hỏi cô ta:

“Này cô gái, ta không biết người đó và ta cũng không hiểu cô đang nói gì”.

Anh ta đi ra xa cô ta và đến hiên nhà. Một cô hầu gái khác thấy anh ta và nói: “Người này là một trong số những người đi với Jesus!”.

Peter thề độc rằng anh ta không hề biết gì về Jesus. Ngay sau đó, một người đàn ông chạy đến, ông ta cùng họ hàng với Malchus, người đã bị Peter cắt tai. Anh ta nhìn và nghe Peter rồi nói:

“Anh chắc chắn là một trong những môn đệ của Jesus; vì giọng của anh giống người đến từ Galilee”.

Thế là Peter bắt đầu thề thốt thêm một lần nữa, bảo rằng mình không hề biết gì về người đó.

Chỉ một lát, tiếng ầm ĩ, the thé của tiếng gáy con gà trống đã làm Peter giật mình, cùng lúc đó anh ta nhìn thấy Jesus, đang bị kéo lê qua đại sảnh, từ chỗ Annas đến phòng hội đồng của Caiphas rồi đến chỗ vị cha xứ khác. Jesus đã quay trở lại và nhìn thấy Peter.

Một ý nghĩ loé lên trong đầu Peter rằng Jesus đã từng nói vào buổi tối trước đó!

“Trước những tiếng gà gáy vào sáng mai, con sẽ ba lần từ chối rằng con không hề biết ta”.

Thế là Peter ra khỏi nhà vị cha xứ, chạy vội xuống đường và anh ta khóc nức nở vì anh ta đã từ chối đức Chúa.

NGÔI MỘ TRỐNG

Sau khi Jesus được mang đến trước vị cha xứ, ở đó ông ta bị mọi người chế nhạo và khạc nhổ. Ông ta được mang đến trước vị thống đốc La Mã là Pontius Pilate, người cai trị Judea. Vị thống lĩnh nghe những lời than phiền của họ rằng không tìm ra được nguyên do gì để đưa ông ta vào chỗ chết. Nhưng cuối cùng vị thống lĩnh cũng nhượng bộ những yêu cầu của họ, mặc dầu ông ta công bố Jesus là người vô tội.

Sau đó, vị thống lĩnh Pontius Pilate đã ra lệnh treo Jesus lên cây thập giá. Những người lính La Mã bắt Jesus và đánh đập một cách dã man, thế rồi họ đưa Jesus ra khỏi thành phố để đến cõi chết. Nơi này theo ngôn ngữ Do Thái được gọi là "Golgotha", theo ngôn ngữ La Mã thì được gọi là "Calvary", cả hai từ đều có nghĩa là "Bãi sọ người".

Những người lính và đám đông ra khỏi thành phố, một vài người trong số họ là kẻ thù của Jesus, họ vui mừng khi nhìn thấy Jesus bị hình phạt, một số người khác trong đó là bạn bè của Jesus, một phụ nữ đã từng giúp đỡ ông ta, họ cùng khóc lóc khi nhìn ông ta người đầy máu me và đang tiến gần cái chết. Nhưng Jesus quay lại và nói với họ:

"Những đứa con gái của Jerusalem, đừng khóc vì ta, nhưng hãy khóc vì chính mình và cho con cái của các con. Vì những ngày sắp đến, họ sẽ ý thức được thế nào là hạnh phúc, sẽ không có trẻ em nào bị giết hại, khi đó, họ muốn những ngọn núi đổ xuống trên họ và những ngọn đồi bao bọc họ, che chắn họ thoát khỏi những kẻ thù!".

Họ cố bắt Jesus mang cây thập giá, nhưng họ đã sớm phát hiện ra rằng ông ta quá yếu ớt vì đã quá sức chịu đựng, không thể mang được. Họ bắt một người đến từ miền quê của thành phố và một người có tên là Simon, cùng gánh cây thập giá đến Calvary.

Phong tục của người Do Thái là bảo những thầy thuốc tiêm thuốc tê cho những người sắp bị hành hình trên cây thập giá vì sợ họ không chịu đựng nổi. Họ tiêm thuốc này cho Jesus nhưng ông ta đã nếm và biết nó là gì, ông ta không cần nó. Ông ta biết là mình sắp chết và muốn để tâm hồn mình trong sạch và để chứng minh rằng mình là người nói được làm được mặc dầu sự chịu đựng của ông ta là quá mức.

Tại Calvary, họ để cây thập giá xuống, kéo Jesus nằm trên cây thập giá rồi lấy đinh đóng nhanh chóng vào tay và chân của ông ta xuyên qua cây thập giá, sau đó họ dựng cây thập và lên cùng với Jesus đang bị đóng đinh ở trên đó. Trong khi những người

lính đang làm những công việc kinh hồn này thì Jesus vì họ đã cầu nguyện đức Chúa, ông ta cầu: "Thưa cha, hãy tha thứ họ, vì họ không biết điều họ đang làm".

Những người lính cầm lấy những trang phục mà Jesus mang theo, phân phát cho mỗi người một bộ, nhưng khi lấy đến quần áo lót thì họ phát hiện nó không được dệt, thế là họ nói, "Chúng ta đừng xé nó cũng đừng vứt bỏ nó, hãy bốc thăm và xem ai sẽ có nó". Thế là ở dưới chân cây thập giá, những người lính tổ chức bốc thăm cho bộ y phục của Christ.

Có hai người làm nghề trộm cướp cũng bị kết án bị treo trên cây thập giá, họ cũng sẽ bị hành hình như Jesus. Tay phải của Jesus được đóng đinh vào một bên thánh giá, còn bên kia là tay trái của ông ta, họ làm cho Jesus như thử làm với một tên đại ác, cây thập giá dựng lên ở giữa. Phần thánh giá bên trên đầu của Jesus họ đặt mệnh lệnh của Pilate, một câu khẩu hiệu và trên đó được viết:

"Đây là Jesus của Nazareth, vị Vua của dân Do Thái".

Câu khẩu hiệu này được viết ba thứ tiếng; tiếng Hebrew, ngôn ngữ của người Do Thái, tiếng Latin, ngôn ngữ của người La Mã và tiếng Hy Lạp. Nhiều người đọc những câu khẩu hiệu này nhưng những mục sư trưởng thì không hài lòng về điều đó. Họ giục Pilate đổi câu khẩu hiệu "Vua của dân Do Thái" thành câu "Ông ta nói, ta là Vua của dân Do Thái" nhưng Pilate không chịu thay đổi. Ông ta nói:

"cái gì ta viết thì ta đã viết rồi".

Những người đi qua đường nhìn thấy Jesus trên cây thập giá, họ cười chế nhạo ông ta. Một số người gọi to đến ông ta:

"Anh bảo sẽ phá huỷ nhà thờ rồi trong ba ngày dựng lên lại à, hãy cứu lấy chính mình đi. Nếu anh là con trai của Chúa, hãy xuống khỏi cây thập giá!".

Những Giáo sĩ và những người nắm giữ sổ sách nói:

"Ông ta cứu người khác nhưng không thể cứu chính mình. Nếu xuống khỏi thánh giá thì chúng ta sẽ tin theo ông!".

Một người trong số những tên cướp, người sẽ bị hình phạt tiếp sau Jesus khóc than và nói: nếu anh là Christ, hãy cứu lấy chính mình và hãy cứu chúng tôi!".

Nhưng một kẻ cướp khác thì nói: anh không kính sợ Chúa ư, sao lại nói điều đó,

trong anh cũng chịu hình phạt như người này? Chúng ta chết là đáng tội, còn người đàn ông này chẳng làm gì sai trái cả".

Thế là người đàn ông đó nói với Jesus: "Thưa ngài, hãy nhớ khuôn mặt của tôi khi tôi đến vương quốc của ngài!".

Jesus trả lời anh ta, họ sẽ treo cả hai chúng ta lên cây thập giá: "Chính hôm nay, anh và tôi cùng lên Thiên đường".

Mẹ của Jesus đứng trước cây thập giá đang treo Jesus, bà ta xót thương cho con trai mình và bên cạnh cô ta là các đệ tử của Jesus, John, người học trò mà Jesus yêu mến nhất. Một phụ nữ khác đứng bên cạnh mẹ của Jesus là chị gái của mẹ Mary là vợ của Cleophas, tên cô ta là Mary Magdalene, người mà một năm về trước có tư tưởng xấu ác với Jesus. Jesus muốn John thay thế mình chăm sóc mẹ, vì giờ đây ông ta sắp xa mẹ mình và ông ta nói với mẹ và đưa mắt nhìn John: "Này người phụ nữ yêu quí, hãy nhìn con trai mẹ".

Jesus lại nhìn John và nói: "Con trai, hãy nhìn mẹ của con".

Từ ngày đó, John đã mang mẹ của Jesus về nhà mình để chăm sóc, hầu hạ như mẹ ruột của mình.

Vào một buổi trưa, đột nhiên một vầng đen bao trùm lãnh thổ, kéo dài trong ba giờ đồng hồ. Vào lúc giữa trưa, Jesus bị đưa lên cây thập giá, trải qua sáu tiếng đồng hồ đau đớn khủng khiếp, ông ta thốt lên những lời có nghĩa như sau:

"Đức Chúa tôi, đức Chúa tôi, tại sao người lại từ bỏ con!" những lời đấy là lời mở đầu trong Thánh Kinh thứ 22, một quyển thánh kinh dài chép lại những sự thống khổ chịu đựng của các Christ.

Sau những lời này, Jesus lại kêu lên. "Ta khát nước!".

Một người nào đó đã nhúng bọt biển vào trong một chiếc cốc chứa đầy giấm, đặt lên trên cây sậy và đưa lên cho Jesus uống. Sau đó Jesus đã nói những lời cuối cùng trên cây thánh giá:

"Đã đến hồi kết thúc! Này cha, hãy dang tay đón lấy linh hồn con!".

Thế là Jesus đã ra đi. Ngay lúc đó, chiếc màn che trong Thánh đường giữa Holy Place và Holy Holies tự nhiên một phần bị xé rách từ trên xuống dưới bởi những bàn tay vô

hình nào đó. Khi đó, sĩ quan La Mã, người chỉ huy đám lính gác xung quanh cây thập giá nhìn thấy cảnh tượng như thế, ngạc nhiên không biết vì sao Jesus chết, anh ta nói: "Đúng đây là người đàn ông chính trực, ông ta là con trai của Chúa".

Sau khi Jesus chết, một trong số những người lính gác, để chắc chắn rằng ông ta không còn sống nữa, cậu ta rút kiếm thọc vào bên hông xác chết, khi rút kiếm trở lại thấy cả máu lẫn nước chảy ra.

Trong số những người lãnh đạo dân Do Thái thời đó cũng có một số người là bạn của Jesus hoặc theo đạo của Jesus nhưng không dám công khai cho ai biết. Một người trong số họ là Nicodemus, người lãnh đạo này đã đến nhìn Jesus vào ban đêm. Một người giàu có khác đến thành phố Arimathea, tên ông ta là Joseph. Joseph của Arimathea dũng cảm đi đến gặp vị thống lĩnh La Mã là Pilate và yêu cầu Pilate giao thi thể Jesus cho ông ta. Pilate ngạc nhiên không biết vì sao Jesus lại chết sớm như thế, thường thì bị treo hai đến ba ngày mới chết. Nhưng khi ông ta biết Jesus đã chết thực sự thì ông ta giao thi thể Jesus cho Joseph.

Thế là Joseph cùng bạn bè của mình mang thi thể Jesus xuống khỏi cây thập giá, cuộn ông ta vào trong tấm vải lanh tốt. Sau đó Nicodemus mang một ít đồ vật quí giá, một ít trầm hương và cây lô hội rồi rải chúng lên thi thể Jesus. Họ đặt thi thể Jesus vào trong một ngôi mộ đá mà Joseph mới đắp trong khu vườn, gần chỗ cây thập giá. Trước khi mở cửa mộ, họ phải kéo một tảng đá lớn ra.

Mary Magdalene, người chị em gái của Mary đã trông thấy ngôi mộ và đứng nhìn trong khi những người kia đang đưa thi thể của Jesus vào trong đó. "Thưa ngài, chúng tôi nhớ rằng, Jesus của Nazareth, đã lừa dối mọi người khi ông ta còn sống rằng, 'Sau ba ngày ông ta sẽ sống trở lại'. Ngài hãy sai một vài người đến canh chừng bên ngôi mộ trong ba ngày, một phần để xem thử lời ông ta nói có đúng không, một phần phòng trừ những đệ tử của ông ta đến cướp xác của ông ta đi rồi phao tin, ông ta sống lại từ cõi chết và thế là dù đã chết ông ta cũng còn làm hại người ta nhiều hơn lúc còn sống".

Pilate nói với họ:

"Hãy cứ người đến trông coi, các anh phải làm mọi điều có thể để cho thêm phần chắc chắn".

Thế là họ cho đặt một viên đá ở cửa mộ, khó có ai có thể phá huỷ viên đá đó và họ sai một vài tên lính đứng canh gác ở cửa mộ.

Thi thể của Jesus đặt vào ngôi mộ vào đúng tối thứ sáu, kể từ khi chết trên cây thập giá đến sáng sớm ngày chủ nhật là đúng ba ngày, khi đó ông ta đã sống dậy từ cõi chết và xuất hiện trước mặt các đệ tử.

Nhưng ngày sáng sủa nhất của thế giới là sáng Chủ nhật này. Đúng vào ngày đó, viên đá ở trước cửa mộ của Jesus đã được kéo ra và Jesus từ cõi chết vui sướng đến gặp những học trò của mình. Điều này ông ta đã nói với họ là ông ta sẽ làm được. Vào sáng Chủ nhật này, Mary Magdalene và một Mary khác gọi là Salome, đến ngôi mộ và phát hiện viên đá đã bị kéo ra và một thiên thần đứng bên ngôi mộ đã được mở. Vị thiên thần ấy bảo là Jesus không còn ở đó mà đã bay đi.

Sau đó, Jesus cùng ở lại với các đệ tử của mình trong vòng bốn mươi ngày rồi ông ta bay lên thiên đàng.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG VÀ CÁNH CỔNG XINH ĐẸP

Không lâu sau, Jesus đã đến Thiên đường, những đệ tử của ông ta bắt đầu thay ông ta đi truyền đạo như đời ông ta đã di huấn. Họ đứng bất kỳ ở đâu, trên đường phố hay trong đền miếu họ đều nói tất cả những điều mà Jesus đã dạy họ. Và mặc dù đã lâu họ không được nhìn thấy Jesus nhưng ông ta luôn đi với họ, giúp đỡ họ và cho họ sức mạnh.

Hai vị tông đồ là Peter và John ngày ngày đến Thánh đường sau buổi cầu nguyện, khoảng ba giờ chiều. Họ đi xuyên qua sân Gentiles, một cái sân lớn vuông góc được lát bằng đá hoa, hai bên là hai hàng cột thẳng tắp được gọi là hàng hiên Solomon. Phía trước hàng hiên là con đường chính đi vào Thánh đường, đi xuyên qua một cách cổng được gọi là "Cánh cổng đẹp". Phía trước cánh cổng này, họ nhìn thấy một người tàn tật đang ngồi ở đó. Ông ta là một con người mà trong suốt cả cuộc đời không thể đi bằng đôi chân của mình, ông ta rất nghèo, ngày ngày ông đều được bạn bè đưa đến đây. Ông ngồi ở đó, hi vọng những người đi lễ trong Thánh đường sẽ cảm thấy xót thương mà bố thí cho ông một ít tiền bạc.

Đến trước người đàn ông này, Peter và John dừng lại và Peter nói: "Hãy nhìn chúng tôi!".

Người đàn ông què quặt khẩn khoản nhìn hai vị tông đồ, cứ nghĩ là họ sẽ bố thí cho ông ta cái gì. Nhưng Peter nói:

"Bạc vàng thì ta không có, nhưng ta sẽ có cái này cho ông. Vì Chúa Jesus của Nazareth, hãy đi đi!".

Peter nắm tay phải của người ăn mày kia và kéo lên. Lập tức ông ta phát hiện có một sức mạnh truyền vào đôi chân. Ông ta đứng lên và đứng được trên đôi chân của mình, rồi bắt đầu đi bộ, ông ta đã làm được điều mà trước nay ông chưa bao giờ có thể làm. Ông tập từng bước đi bộ với hai vị tông đồ và đi xung quanh Thánh đường, tập đi, tập nhảy và cầu nguyện. Mọi người nhìn thấy ông ta đi liền biết ngay vì ngày ngày ông ta ngồi như một người ăn mày trước Cánh cổng đẹp. Mọi người đều rất ngạc nhiên vì sự thay đổi bất ngờ này.

Sau khi cầu nguyện đức Chúa nơi Thánh đường, người đàn ông kia vẫn cùng Peter và John đi ra phía Cánh cổng đẹp, trong hàng hiên Solomon. Chỉ trong ít phút, một đoàn người đông đúc kéo đến nơi người đàn ông què quặt để xem sự thần diệu mà ông ta

đã có được và cũng để xem hai vị tông đồ đã ban phép mầu của Chúa cho người đàn ông kia được lành lặn.

Peter đứng lên trước đám người và nói với họ:

“Hỡi những người Do Thái”, ông ta nói, “Tại sao các bạn lại nhìn người đàn ông này một cách ngạc nhiên như thế?. Và tại sao các bạn lại nhìn chằm chằm vào chúng tôi, phải chăng là bằng sức mạnh chúng tôi đã làm cho người đàn ông này bước đi được? Đức Chúa của Abraham, của Issac và Jacob, đã bằng cách này để thể hiện quyền năng và sự vinh quang qua con trai Jesus của ông ta. Các bạn có thể từ bỏ kẻ thù, có thể từ chối Pontius Pilate. Nhưng các bạn đừng từ chối Thần linh. Đức Chúa sẽ đứng lên từ cõi chết. Chúng tôi đã nhìn thấy ông ấy, chúng tôi khẳng định rằng đó là sự thật. Bằng quyền năng của Chúa, bằng đức tin vào danh dự của Chúa mà người đàn ông này có đủ sức mạnh để đứng lên trên đôi chân què của mình. Vâng, đó là đức tin Christ và điều đó đã cho ông ta sự lành mạnh hoàn hảo trước các bạn. Bây giờ, các anh em của tôi, tôi chắc chắn rằng các bạn không thể biết được Jesus là con trai của Chúa và là vị cứu tinh đã chịu khổ trên cây thập giá. Vì vậy hãy quay về với Chúa trong nỗi đau đớn vì tội lỗi lớn lao của mình, đức Chúa sẽ tha thứ cho các bạn và các bạn sẽ lại có Jesus Christ. Đức Chúa sẽ đỡ con trai của người, chuẩn bị ban phúc cho các bạn và cho tất cả những ai gây ra lỗi lầm”.

Trong khi Peter đang nói chuyện, những vị mục sư và vị sư trưởng trong Thánh đường, cùng với những nhà lãnh đạo đã đến. Họ vô cùng giận dữ khi nghe Peter nói những lời này. Họ bắt giam Peter và John vào phòng nghỉ của lính gác một đêm. Nhưng nhiều người sau khi nghe Peter nói xong họ liền tin theo Jesus và chiêm bái ông ta, số lượng của những tín đồ đi theo Christ đã lên tới ba nghìn, rồi năm nghìn người.

Vào ngày sau, các vị lãnh đạo, Annas và Caiphas, những vị cha xứ cùng với bạn bè của họ cùng nhau đến. Họ lệnh cho mang Peter và John đến trước mặt họ. Người đàn ông què quặt đã lành lặn kia vẫn đứng bên cạnh hai vị tông đồ của Chúa. Những người lãnh đạo hỏi họ:

“Bằng sức mạnh gì mà các người đã làm được điều này?”.

Peter dũng cảm nói:

“Thưa các vị lãnh đạo cùng những người già trẻ, lớn bé, nếu các người hỏi chúng tôi về chuyện chúng tôi chữa lành cho người đàn ông không nơi nương tựa và bằng cách

nào chúng tôi đã chữa lành lặn lại chứ gì, tôi sẽ trả lời cho các ngươi rằng; đó là vì chúng tôi vinh danh đức Chúa Jesus Nazareth, người đã hy sinh trên cây thập giá, đã đứng lên từ cõi chết và người đó đang ở đây, đứng trước các bạn bằng sức mạnh và thiện cảm. Không có sự cứu rỗi nào ngoài sự cứu rỗi của Jesus Christ, không có người nào khác, không có tên tuổi nào khác dưới Thiên đường có thể giáng trần để cứu vớt loài người và gánh chịu mọi sự khổ đau cho chúng ta".

Khi những người lãnh đạo thấy những lời nói của Peter dày dặn và hùng mạnh như thế, họ ngạc nhiên, đặc biệt khi họ biết được rằng Peter biện minh mà không hề dùng một từ nào trong sách vở. Họ nhớ rằng họ đã thấy những người này trong số các môn đệ của Jesus. Và họ cảm thấy rằng không biết bằng cách nào Jesus đã cho những đệ tử của mình quyền năng như thế. Và khi nhìn người đàn ông lành lặn đứng bên cạnh họ, họ càng không biết nói gì hay chối bỏ một việc làm kỳ diệu như thế.

Những người lãnh đạo đem Peter và John vào phòng hội đồng, trong khi đi, họ nói với nhau rằng:

"Chúng ta phải làm gì với những người này? Chúng ta không thể từ chối việc làm thần diệu của họ được, vì mọi người đã biết điều này. Nhưng chúng ta phải cấm không cho họ truyền bá thêm chuyện này đến mọi người. Chúng ta ban bố một điều lệnh cấm không cho ai được truyền bá tư tưởng của Jesus cũng như vinh danh ông ta. Chúng ta hãy bảo với họ rằng, nếu còn truyền đạo thì chúng ta sẽ trừng phạt họ".

Thế là họ gọi hai vị tông đồ vào phòng trở lại và họ nói với hai vị tông đồ: "Chúng ta cấm anh không được nói gì về Jesus và vinh danh ông ấy với bất kỳ ai. Nếu anh không dừng ngay việc truyền bá Jesus, chúng ta sẽ chặt tay anh và tống anh vào tù và anh sẽ bị cực hình".

Peter và John trả lời những người lãnh đạo: "Thế thì nghe lời các ông là đúng hay nghe lời đức Chúa là đúng, các ông có thể phán quyết. Nhưng vì chính các ông chúng tôi không thể giữ im lặng, chúng tôi phải nói những gì chúng tôi thấy và nghe chứ".

Những nhà lãnh đạo e ngại không muốn làm hại Peter và John, bởi vì họ biết những người theo đức Chúa, chỉ làm những việc tốt, mặc dầu họ có phần tức giận nhưng vì sợ dư luận từ bên ngoài nên họ đã không giết Peter và John, thế là họ để cho hai vị tông đồ đi. Được thả, hai vị tông đồ Peter và John trở về nhà của những người bạn, cùng gặp gỡ họ trong căn phòng, ở đó họ lễ tạ ơn Chúa đã giúp đỡ họ hùng biện một cách không sợ hãi trước kẻ thù.

STEPHEN, VỊ THÁNH TỬ ĐẠO ĐẦU TIÊN

Đọc Kinh Tân ước, phần sách viết về việc làm của tông đồ, các bạn sẽ biết các thành viên trong Giáo hội ở Jerusalem đã dùng tiền của họ để giúp đỡ những người nghèo một cách tuỳ thích. Việc làm tự do này đã dẫn đến nhiều rắc rối, vì đã làm cho Giáo hội phát triển quá nhanh, vì một số quả phụ nghèo đã vượt quá bổn phận, những bạn bè của họ đã than phiền với những tông đồ. Mười hai vị tông đồ gọi tất cả tín đồ trong Giáo hội tập trung và nói:

"Thật là không hay nếu chúng ta chuyển từ phương diện thuyết giáo, giảng dạy những lời kinh của Chúa sang việc ngồi vào bàn và bố thí tiền bạc. Chúng ta hãy chọn ra trong số những thầy giòng cùng môn phái bảy người tốt, những người thông minh và có tâm huyết với Chúa để cho họ làm việc này, như thế chúng ta sẽ còn nhiều thời gian để mà cầu nguyện và thuyết giáo Phúc âm".

Kế hoạch này đã làm hài lòng tất cả mọi người trong Giáo hội, họ đã chọn ra bảy người thay thế họ đảm nhiệm công việc tặng quà cho mọi người và để thấy họ là những người hữu dụng. Người đầu tiên được chọn là Stephen, một người đầy đức tin và đầy tinh thần của Chúa, một người là Philip và thêm năm người tốt khác. Bảy người này đến trước những vị tông đồ, những vị tông đồ dùng tay xoa đầu họ và để họ đảm trách công việc chăm nom những người nghèo khổ.

Trong số những người nhận lãnh trách nhiệm trên, Stephen là người chăm sóc nhiều người nghèo hơn cả. Ông ta bắt đầu thuyết giảng Phúc âm của Christ và bằng một khả năng tuyệt vời, mọi người đã nghe ông ta thuyết giảng và cảm nhận được chân lý. Stephen là người có tầm nhìn tiên tiến nhất trong Giáo hội. Ông ta cho rằng, Phúc âm của Christ không chỉ dành riêng cho người Do Thái mà dành cho toàn thể nhân loại. Tất cả nhân loại đều được cứu rỗi nếu họ tin tưởng vào Jesus và bằng tư tưởng như thế, Stephen đã đi truyền đạo bằng tất cả khả năng của mình. Cách truyền đạo như thế của Stephen, nói rằng không chỉ những người Do Thái được cứu rỗi, đã làm cho nhiều người Do Thái tức giận. Họ gọi những người không phải dân Do Thái là Gentiles[1] và nhìn họ bằng đôi mắt ganh ghét và khinh bỉ, nhưng họ không thể giải đáp được những câu nói của Stephen. Cuối cùng, họ bắt Stephen và mang anh ta đến hội đồng các nhà lãnh đạo. Họ nói với những nhà lãnh đạo:

"Người đàn ông này luôn luôn nói những lời xấu ác chống lại Thánh đường và đi ngược lại với luật pháp của Moses. Chúng tôi đã nghe ông ta nói rằng, Jesus của Nazareth sẽ phá huỷ nơi này và sẽ thay đổi luật pháp mà Moses đã ban cho chúng

ta!”.

Điều này cũng có một phần đúng và một phần sai, nhưng không lời nói dối nào tác hại bằng lời nói dối mà trong đó có một chút là thật. Thế rồi vị cha xứ nói với Stephen:

“Những điều này là như vậy sao?”.

Khi Stephen đứng dậy để trả lời vị cha xứ, đôi mắt của họ nhìn chằm chằm vào anh ta và họ thấy khuôn mặt của anh ta rất sáng sủa, tựa hồ như khuôn mặt của một thiên thần. Thế là Stephen bắt đầu nói những điều vĩ đại mà đức Chúa đã nói cho người Do Thái trong quá khứ. Vì sao ông ta gọi cha của họ là Abraham đến trước một vùng đất mới, vì sao ông ta cho họ những người vĩ đại như Joseph, Moses và những nhà tiên tri. Ông ta thể hiện cho họ thấy vì sao người Do Thái không tin vào Chúa và ông ta đã cho họ những lời nguyện cầu tuyệt vời như thế.

Sau đó Stephen nói:

“Các ông là những người có những quả tim sắt đá và cái cổ cứng đờ, những người không biết tuân lời Chúa và tinh thần của Người. Cha của các ông cũng thế và các ông cũng vậy. Cha của các ông đã giết chết những nhà tiên tri mà Chúa sai đến, các ông thì giết chết Jesus, một đấng cứu thế!”.

Khi họ nghe những lời này, họ càng trở nên giận dữ Stephen, họ trợn mắt nghiến răng như những con thú hoang. Nhưng Stephen, thì đầy niềm tin vào Chúa thánh thần, nhìn lên Trời với khuôn mặt tươi tỉnh sáng láng. Anh ta nhìn sự vinh quang của Chúa và Jesus đang đứng trên cánh tay phải của Chúa, nói với anh ta:

“Ta thấy Thiên đường đang rộng mở và con trai của nhân loại đứng trên bàn tay phải của Chúa!”.

Họ thét lên với giọng điệu rất giận dữ, họ xô anh ta ngã xuống và kéo ra khỏi phòng hội đồng, kéo đến bên ngoài thành phố. Ở đó, họ dùng đá ném vào anh ta cho đến chết, Stephen quỳ gối xuống trong khi họ vẫn ném đá vào anh ta tới tấp. Trước lúc chết anh ta cầu nguyện:

- Đức Jesus, hãy đón nhận linh hồn con! Lạy Chúa, hãy tha thứ cho những lầm lỗi này của họ!

Khi Stephen nói điều này, anh ta chìm vào cõi chết. Anh ta là người đầu tiên bị giết vì

Phúc âm của Christ.

[1] Gentiles: Kẻ ngoại bang